2009 | PDF | 206 Pages
buihuuhanh@gmail.com

ăn Long - ThS. Nguyễn Đức Toàn (Đồng chủ biên)

VV00032123

Cuộc đấu tranh giành độc lập dân tộc của nhân dân Palestine SAU CHIẾN TRANH LẠNH

C51 d
2009
VV00032123

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA

Cuốc díu tranh
giành độc lặp din tộc
cùa nhìn ddnjl^f^

SAU CHIỀN TRANH
LANH

Cuộc đấu tranh
giành độc lập dân tộc
của nhân dân Palestine
SAU CHIẾN TRANH
LẠNH

Mã số: 9 (V489)
CTQG - 2009

TS. Thái Văn Long - ThS. Nguyễn Đức Toàn (Đồng chủ biên)

Cuộc đấu tranh giành độc lập dân tộc của nhân dân Palestine SAU CHIẾN TRANH LẠNH

THƯ VIỆN QUỐC HỘI
VV-32123

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA
Hà Nội - 2009

LỜI NHÀ XUẤT BẢN

Chiến tranh lạnh chấm dứt đã đưa tới những thay đổi nhanh chóng về nhiều mặt trên thế giới và khu vực Trung Đông. Những chuyển biến bước đầu về một trật tự thế giới mới đang hình thành. Quá trình hòa bình ở Trung Đông nói chung, giữa Palestine và Israel nói riêng trở thành vấn đề thời sự và là mối quan tâm hàng đầu của nhiều nước trong vùng. Đây là cuộc xung đột có tính chất khu vực kéo dài nhất trong lịch sử thế giới đương đại. Điều đó đã gây ra những cuộc xung đột và chiến tranh liên miên, lúc chấm dứt, lúc liên tục làm cho khu vực Trung Đông trở thành "*điểm nóng*" của cả thế giới.

Chủ nghĩa đế quốc, chính quyền Israel và các thế lực phản động quốc tế mưu toan câu kết với nhau trong việc xóa bỏ Nhà nước và dân tộc Palestine. Họ biện hộ cho sự tồn tại của nhà nước Israel hiện nay trên lãnh thổ của Palestine là "*hợp pháp*", là "*lôgíc của lịch sử*" Gonda Mia, một trong những nhân vật nổi tiếng của chủ nghĩa Siôn đã lớn tiếng bác bỏ sự tồn tại của quốc gia Palestine, rằng "khi không có một quốc gia thật sự thì không có một chủ nghĩa quốc gia hợp pháp. Cái gì trước kia không có thì không thể tồn tại ngày nay và không có quyền tồn tại ngày mai"[1]. Lời tuyên bố đó nhằm phủ nhận cuộc đấu tranh

---

1. *Vấn đề Palestine*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1982, tr.9.

chính nghĩa của nhân dân Palestine, phủ nhận sự tồn tại của dân tộc và Nhà nước Palestine từng có hàng nghìn năm lịch sử. Lập luận đó còn nhằm đưa đến việc tìm giải pháp hòa bình cho vấn đề Trung Đông vượt qua đầu nhân dân Palestine và không quan tâm gì đến lợi ích chính đáng của họ.

Hơn 60 năm kể từ khi có Nghị quyết 181 của Liên hợp quốc (1947), cuộc xung đột Israel và Palestine vẫn ngày càng lún sâu vào bế tắc. Các cuộc chiến tranh liên tiếp xảy ra đã gây đau thương, chết chóc và tạo nên một bức tranh ảm đạm về cuộc sống vốn đã khốn khó cho nơi này. Biết bao cuộc đàm phán, những chuyến "ngoại giao con thoi", rồi sức ép của những nước có thế lực cũng không làm dịu đi khối mâu thuẫn trong lòng người Israel và người Ảrập. Tiến trình hòa bình ở Trung Đông đã trải qua nhiều bế tắc. Nguy cơ một cuộc chiến tranh Israel Palestine lại một lần nữa đến gần khi cuối năm 2008 các vụ bạo lực lại tiếp tục bùng lên.

Vấn đề đấu tranh vì một quốc gia độc lập Palestine hiện nay không còn là vấn đề khu vực mà đã trở thành một trong những mối quan tâm hàng đầu của cộng đồng quốc tế. Đặc biệt, trong bối cảnh quốc tế chung hiện nay, xu thế nổi trội là *hòa bình, ổn định, hợp tác và phát triển* thì những âm mưu và hành động gây chiến của các thế lực đế quốc hiếu chiến cần được lên án mạnh mẽ. Trong khi đó, một giải pháp hòa bình cho vấn đề Trung Đông vẫn còn dang dở trước sự bất lực của Mỹ và các bên liên quan. Nhà nước Palestine của người Ảrập vẫn chưa thể thống nhất, nhân dân Palestine vẫn còn phải kiên trì và bền bỉ đấu tranh chống lại Israel cho một đất nước *có biên giới, có chủ quyền, có thể chế chính trị độc lập, có tư cách đàng hoàng* trên các vũ đài quốc tế.

Trên bước đường hội nhập và phát triển cũng như công cuộc đổi mới toàn diện mà Đảng và Nhà nước ta đang tiến hành đã đặt ra cho chúng ta cần phải tiếp tục quan tâm theo dõi cuộc xung đột này. Đây không chỉ thể hiện tiếng nói của tình đoàn kết quốc tế, của mối quan tâm bạn bè thủy chung trong việc lên án chiến tranh, xung đột của nhân dân Việt Nam nói riêng và thế giới nói chung, mà còn mong muốn sớm có một giải pháp hòa bình cho khu vực này để tiếp tục hợp tác và phát triển trong tương lai.

Với ý nghĩa đó, việc nghiên cứu cụ thể cuộc đấu tranh của nhân dân Palestine từ sau Chiến tranh lạnh đến nay có một ý nghĩa lý luận và thực tiễn sâu sắc. Xuất phát từ những lý do trên, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia xuất bản cuốn sách ***Cuộc đấu tranh giành độc lập dân tộc của nhân dân Palestine sau Chiến tranh lạnh*** của Tiến sĩ Thái Văn Long và Thạc sĩ Nguyễn Đức Toàn (đồng chủ biên).

Xin trân trọng giới thiệu cuốn sách cùng bạn đọc.

Tháng 11 năm 2009

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA

Chương I

NGUYÊN NHÂN CƠ BẢN VÀ NỘI DUNG CỦA CUỘC ĐẤU TRANH GIÀNH ĐỘC LẬP DÂN TỘC CỦA NHÂN DÂN PALESTINE SAU CHIẾN TRANH LẠNH

I- NGUYÊN NHÂN CƠ BẢN DẪN ĐẾN CUỘC ĐẤU TRANH

1. Nguồn gốc lịch sử và nguyên nhân cơ bản

Trung Đông nói chung, Palestine nói riêng vốn là một vùng đất có lịch sử văn minh lâu đời, trong đó thánh địa Jerusalem là nơi hội tụ của ba tôn giáo lớn: đạo Do Thái, đạo Thiên Chúa, và đạo Hồi. Tên gọi xa xưa của Palestine là "Canaan", tổ tiên của người Palestine và người Do Thái đã xây dựng quốc gia ở đây. Trước Công nguyên 3.000 năm, một số người Canaan của bộ lạc nửa du mục từ bán đảo Ảrập chuyển đến và định cư ở nơi này. Vào 2000 năm trước Công nguyên, họ lập ra nước Canaan. Sau đó, người Phoenicia ở ven biển Aighin di chuyển đến khu vực ven biển Palestine xây dựng nước "Phoenicia", tiếng Hy Lạp dịch là Palestine, và tên gọi này vẫn dùng cho đến ngày nay.

Khoảng 1900 năm trước Công nguyên, tổ tiên người Do Thái là Ebrai từ ven sông Ophơrat dời đến Palestine. Năm 1023 trước Công nguyên, vương quốc người Ebrai đầu tiên được xây dựng ở Palestine, đóng đô tại Jerusalem. Từ Jerusalem có nguồn gốc từ tiếng Ebrai có nghĩa là "thành phố hòa bình" Người Do Thái đã xây dựng ở đây thánh địa có quy mô hùng vĩ, Jerusalem trở thành trung tâm chính trị và tôn giáo của người Do Thái cổ.

Năm 64 trước Công nguyên, đế quốc La Mã xâm lược Palestine và thực hiện nền thống trị tàn bạo ở đây. Người Do Thái đã anh dũng đứng lên chiến đấu, lần lượt tiến hành bốn cuộc khởi nghĩa quy mô lớn, nhưng cuối cùng đều bị quân La Mã đàn áp đẫm máu, giết chết hơn một triệu người và đưa một số lượng lớn người sang châu Âu, biến họ thành nô lệ. Một bộ phận người Do Thái khác sống sót chạy dạt, lưu vong ở nhiều nơi trên thế giới, chủ yếu sang các khu vực Tây Âu ngày nay như Anh, Pháp, Đức, Nam Âu như Italia, Hy Lạp, số khác chạy sang Nga, Đông Âu và các nước Bắc Mỹ. Từ đó bắt đầu lịch sử lưu lạc của người Do Thái, thánh địa của họ ở Jerusalem bị phá hủy, chỉ còn lại mấy bức tường đổ nát, ngày nay được gọi là *"Bức tường oán thán"* nổi tiếng. Hằng năm, người Do Thái ở khắp nơi trên thế giới về đây vào những ngày lễ hội, họ úp mặt vào tường này khóc than về số phận đau buồn cho tổ tiên họ và nguyện cầu cho một thế giới hòa bình, tốt đẹp hơn.

Thế kỷ thứ VII sau Công nguyên, đạo Hồi ra đời ở bán đảo Ảrập, phong trào Ảrập nổi lên và chủ nghĩa Ảrập ra đời. Năm 637, người Ảrập với tín ngưỡng Hồi giáo đã chinh phục Palestine, biến vùng đất này thành một bộ phận của đế quốc Ảrập. Năm 692, vua Halipha xây tại Jerusalem nhà thờ Hồi giáo Al Aqsa, là nhà thờ lớn thứ ba sau thánh địa Mécca và đền tiên tri Medine. Những người theo đạo Hồi cho rằng, người sáng lập ra đạo Hồi là Môhamét đã "đăng tiên" tại Jerusalem, đã lên chín tầng mây xin chỉ thị của Thánh chủ. Vì vậy, sau Mécca và Medine, Jerusalem là đất thánh thứ ba của người theo đạo Hồi. Về sau, người Ảrập từ bán đảo Ảrập không ngừng kéo đến Palestine, đồng hóa với cư dân bản địa, hình thành người Ảrập Palestine hiện đại. Từ đời này đến đời khác, họ sinh sôi nảy nở và sinh sống ở đây, trở thành người chủ của mảnh đất này. Từ năm 1096 đến năm 1291, Palestine đã từng bị quân của các cuộc Thập Tự chinh châu Âu tiến đánh đẩy họ lùi về phía Đông. Năm 1518 lại bị đế quốc Ốttôman xâm chiếm, thống trị vùng đất này khoảng 400 năm. Nhưng tất cả đều chưa làm thay đổi thuộc tính Ảrập của Palestine.

Người Do Thái phiêu bạt khắp nơi trên thế giới hơn 1.800 năm, một số người từng bước đồng hóa với dân tộc bản địa. Nhưng số đông người Do Thái với tư cách là một quần thể, vẫn giữ vững tín ngưỡng, văn hóa và tập tục, giữ gìn ý thức dân tộc của mình. Chính vì vậy mà họ vẫn không đánh mất bản sắc riêng và vẫn khó hòa

hợp với dân tộc bản địa. Một số người Do Thái giỏi kinh doanh, buôn bán, họ lập xí nghiệp ở các nơi trên thế giới, tích lũy vốn kếch xù dần dần chiếm vị trí ngày càng quan trọng trong các "huyết mạch" của nền kinh tế thế giới. Tài kinh doanh, đặc biệt là tình trạng cho vay nặng lãi của các ông chủ Do Thái đã gây sự bất bình trong dân chúng và đặc biệt là mâu thuẫn với những chủ tư bản ở các quốc gia mà họ sinh sống. Vì vậy, ở các nước tư bản lần lượt dấy lên các hoạt động chống Do Thái, thậm chí còn tàn sát dã man người Do Thái. Trước làn sóng chống Do Thái luôn luôn xảy ra, từ những năm đầu của thế kỷ XVII, trong cộng đồng người Do Thái đã xuất hiện tư tưởng trở về Palestine lập lại nước Do Thái. Nhưng tư tưởng phục quốc lúc ấy vẫn còn đang nhen nhóm, có ảnh hưởng không lớn và được ít người ủng hộ. Đến giữa thế kỷ XIX, khi nước Nga Sa Hoàng tàn sát với quy mô lớn người Do Thái, Cách mạng tư sản ở châu Âu lại dấy lên làn sóng chống Do Thái, đã làm tiêu tan hy vọng của người Do Thái dựa vào giai cấp tư sản các nước này để phục quốc. Những năm sau đó, chủ trương khôi phục nước Do Thái không những bị dập tắt, cuộc vận động phục quốc Do Thái lại khởi động trở lại.

Chủ nghĩa phục quốc Do Thái được dịch nghĩa trực tiếp là "chủ nghĩa Sion" (Sionism) lấy tên ngọn đồi Sion ở Jerusalem, làm biểu tượng tập hợp kêu gọi người Do Thái trở về đất thánh của đạo Do Thái, lập lại nước Do Thái. Trong cuốn sách nhan đề *Quốc gia Do Thái*,

Theodor Herzl, một nhà báo người Hunggary, gốc Do Thái, từng chứng kiến vụ án Dreifus ở Paris đã viết và cho xuất bản ở Viên (Thủ đô Áo), trình bày những quan điểm của mình về vấn đề phục quốc Do Thái, về sự cần thiết phải thành lập một quốc gia Do Thái. Với tác phẩm này, Herzl đã đặt nền móng về tư tưởng và lý luận cho chủ nghĩa phục quốc Do Thái. Tháng 8-1897, Đại hội của những người theo chủ nghĩa phục quốc Do Thái trên thế giới lần đầu tiên được tổ chức ở Basel, Thụy Sỹ. Đại hội đã thông qua "*Cương lĩnh Basel*", xác định "mục tiêu của chủ nghĩa phục quốc Do Thái là xây dựng ở Palestine cho dân tộc Do Thái một gia đình người Do Thái được pháp luật bảo đảm" [1].

Sau Chiến tranh thế giới thứ nhất, đế quốc Ốttôman bị tan rã hoàn toàn, Anh và Pháp trở thành những "ông chủ" mới ở Trung Đông. Theo bản Hiệp định năm 1916, hai nước Anh và Pháp phân chia lãnh thổ đế quốc Ốttôman, nước Anh nhận được quyền ủy trị vùng đất Palestine. Nhưng mâu thuẫn giữa các cường quốc đế quốc ngày càng gay gắt, cuộc cạnh tranh giữa các nước đế quốc: Anh, Pháp, Nga để tranh giành Trung Đông cũng ngày càng quyết liệt hơn. Những người lãnh đạo chủ nghĩa phục quốc Do Thái lợi dụng tình hình ấy, dựa vào mâu thuẫn đế quốc để thực hiện mục tiêu của họ, trong đó Anh là đế quốc phù hợp, vì Anh lúc ấy

---

1. Thông tấn xã Việt Nam: *Xung đột Israel và Ảrập*, Nxb. Thông tấn, Hà Nội, 2002, tr.28.

dang có thế lực mạnh nhất, họ bày tỏ rằng, một khi người Do Thái xây dựng nhà nước ở vùng đất Palestine thì người Anh có thể coi đây là pháo đài của họ ở châu Âu, đồng thời có thể ứng phó tốt cho châu Á. Bấy giờ, nước Anh đã giành được bá quyền ở Trung Đông so với các nước đế quốc Pháp và Nga. Nước Anh đang rất muốn tìm một nhân vật đại diện thích hợp để cai trị Trung Đông, nên họ đã lợi dụng khát vọng người Do Thái, "chơi con bài Do Thái", dùng lực lượng Do Thái làm "xung kích" khống chế kênh đào Xuyê mới khai thông, mở rộng phạm vi thế lực ở Trung Đông và đảm bảo con đường giao thông chiến lược thông suốt đến các nước thuộc địa ở phương Đông như Ấn Độ. Xuất phát từ những toan tính riêng, hai bên đã hợp tác với nhau. Ngày 2-11-1917, Ngoại trưởng Anh, Balfuor, ra tuyên bố ủng hộ việc thành lập ở Palestine một "quê hương dân tộc" cho người Do Thái. Những người Do Thái sau khi di cư đến Palestine, lợi dụng sự giúp đỡ của các tập đoàn tài chính Do Thái quốc tế, đã thực hiện cưỡng chế mua một số đất đai, phần lớn là dựa vào sự cho phép ngầm và sự giúp đỡ của Anh, giành lấy đất đai của người Ảrập - Palestine, xây dựng nơi định cư của người Do Thái. Một số tổ chức Do Thái đã không từ sử dụng những thủ đoạn tàn bạo, khủng bố và đuổi người Palestine ra khỏi quê hương mà họ đã sống hàng mấy ngàn năm.

Trước khi Chiến tranh thế giới thứ hai bùng nổ, Anh đã sửa đổi lại chính sách chống Palestine "giúp Do Thái

chống Ảrập" Ngày 17-5-1939, Anh công bố "*Sách trắng*", hạn chế người Do Thái di dân về Palestine và "mua" đất. Người Do Thái kiên quyết chống lại "*Sách trắng*" của Anh. Giữa Anh và Do Thái từ đó có sự rạn nứt. Người Do Thái chuyển sang tìm sự giúp đỡ của Mỹ. Chủ tịch của tổ chức Do Thái là Ben Culian, đã triệu tập vào tháng 5-1942, Đại hội đại biểu ở khách sạn Bilmo tại New York, thông qua "*Cương lĩnh Bilmo*" chống lại "*Sách trắng*" của Anh. Cương lĩnh này đánh dấu cuộc vận động chủ nghĩa phục quốc Do Thái bước đầu tách rời quỹ đạo của đế quốc dại Anh, chuyển hướng sang Mỹ.

Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, tình hình có sự thay đổi, nhiều nước Ảrập giành được độc lập từ tay của chủ nghĩa thực dân. Mỹ nhận thức được tầm quan trọng của vị trí địa chiến lược Trung Đông trong chiến lược toàn cầu của mình. Hơn nữa, Mỹ đang ở thế thuận lợi để thay thế vị trí của Anh, ra sức mở rộng ảnh hưởng sang Trung Đông. Muốn ngăn chặn làn sóng người Ảrập chống đế quốc, chống thực dân, đòi độc lập dân tộc, Mỹ cần một công cụ đắc lực vừa ý, và trước những nhu cầu đó, Hoa Kỳ đã chọn đúng chủ nghĩa phục quốc Do Thái. Ngược lại, chủ nghĩa phục quốc Do Thái, về kinh tế lại cần đến tiềm lực của những nhà tư bản Do Thái quốc tịch Mỹ, còn về chính trị và quân sự họ cần sự ủng hộ của Chính phủ Mỹ. Mưu đồ của Mỹ và chủ nghĩa phục quốc Do Thái có sự thống nhất và bổ sung cho nhau. Do đó, trong chính sách Mỹ tìm cách khơi sâu mối mâu thuẫn giữa người Do Thái và người Ảrập với chủ trương

chia để trị. Ngày 4-10-1946, trong tuyên bố của mình, Tổng thống Truman đã nêu rõ: "Mỹ sẽ chịu tất cả tổn phí để đưa 10 vạn người Do Thái về Palestine và ủng hộ việc thành lập một quốc gia Do Thái"[1].

Trước sức ép nhiều mặt của Mỹ, Anh buộc phải chuyển giao chủ nghĩa phục quốc Do Thái (Sionism) hoàn toàn cho Mỹ. Ngày 19-2-1947, Ngoại trưởng Anh buộc phải đệ trình trước Hạ viện Anh về sự bất lực của Chính phủ trong vấn đề Palestine và giao cho Liên hợp quốc định đoạt.

Tháng 5-1947, Liên hợp quốc đã cử ra một ủy ban đặc biệt để nghiên cứu vấn đề Palestine gồm 11 nước (trong đó không có các cường quốc). Sau khi nghiên cứu tình hình ở Palestine, Ủy ban này đã đệ trình một báo cáo, trong đó nhất trí đồng ý chấm dứt chế độ ủy trị trong thời gian ngắn nhất và tuyên bố độc lập cho Palestine. Về chế độ tương lai của Palestine, ủy ban đưa ra hai giải pháp: *giải pháp thứ nhất* được đa số ủng hộ nên còn gọi là "kế hoạch đa số", dự kiến chia Palestine thành hai nước độc lập Ảrập và Do Thái nhưng có liên minh kinh tế và vùng Jerusalem nằm dưới sự kiểm soát quốc tế; *giải pháp thứ hai,* được thiểu số ủng hộ ("kế hoạch thiểu số"), dự kiến thành lập một nhà nước liên bang gồm hai bộ phận tự trị Ảrập và Do Thái với Thủ đô là Jerusalem.

---

1. Vụ Trung Đông, châu Phi - Ban Đối ngoại Trung ương - Bộ Ngoại giao: *Đề cương về vấn đề Trung Đông*, tr.32.

Sau một thời gian kéo dài và tranh cãi gay gắt, ngày 29-11-1947, Đại hội đồng Liên hợp quốc đã thông qua Nghị quyết 181 với đa số phiếu (33 nước tán thành trong đó có Liên Xô và Mỹ; 13 nước chống và 11 nước bỏ phiếu trắng trong đó có Anh). Nghị quyết 181 về việc bãi bỏ quyền ủy trị của Anh ở Palestine và chia Palestine thành hai nước độc lập với một vùng liên minh kinh tế và một chế độ riêng đối với Jerusalem:

Nước Ảrập Palestine gồm xứ Galile, sát biển về phía Bắc vùng Jude; ở khoảng giữa và phía Nam vùng giáp biển. Ngoài ra còn một phần bé nhỏ ven biển Jaffa; cộng chung diện tích là 11.300 km^2 (42,88% diện tích Palestine cũ), dân số: 1.380.000 người.

Nước Do Thái gồm: Phía Bắc vùng bên trong xứ Galile, ở giữa vùng ven biển có Thủ đô Tel Aviv, hải cảng Haifa và Jaffa ở phía Nam; vùng sa mạc Negue; cộng chung diện tích: 14.942 km^2 (56,47% diện tích Palestine cũ), dân số lúc đó là 70 vạn người.

Vùng Jerusalem và Bethlehem cùng các vùng phụ cận (chiếm 0,65% diện tích Palestine cũ) là một đơn vị hành chính độc lập với chế độ quốc tế đặc biệt.

Dân số Palestine được chia theo dân tộc: trong quốc gia Ảrập có 725.000 người Ảrập và 10.000 người Do Thái; còn trong quốc gia Do Thái có 498.000 người Do Thái và 497.000 người Ảrập; ở vùng Jerusalem có 105.000 người Ảrập và 100.000 người Do Thái. Tính chất dân chủ của các nhà nước Ảrập và Do Thái tương lai phải được đảm bảo bằng việc thông qua các hiến

THƯ VIỆN QUỐC HỘI
VV. 32123

pháp dân chủ và quyền bình đẳng cho các dân tộc là thiểu số sống trong các quốc gia này. Nghị quyết cũng quy định rõ: quyền ủy trị và sự chiếm đóng của quân đội Anh phải chấm dứt chậm nhất là vào ngày 1-8-1948; hai nước độc lập và chế độ quốc tế đối với Jerusalem phải bắt đầu tồn tại sau đó hai tháng, chậm nhất là vào ngày 1-10-1948.

Thực chất của quyết định phân trị này là phân chia Palestine và làm cho sự thống trị của chủ nghĩa phục quốc Do Thái giành được địa vị hợp pháp. Lúc ấy người Ảrập ở khu vực Palestine có 1,3 triệu người chiếm hơn 2/3 dân số, nhưng lãnh thổ "nước Ảrập" trong nghị quyết quy định chỉ chiếm 42,88% diện tích Palestine bao gồm những mảnh đất to nhỏ không liền nhau, phần lớn là gò đồi và khu vực cằn cỗi; còn người Do Thái chỉ có 70 vạn người, không đến 1/3 tổng dân số, lãnh thổ "nước Do Thái" được quy định chiếm 56,47% diện tích Palestine và phần lớn là những dải đất ven biển màu mỡ.

Cách phân chia kiểu "*da báo*" kể trên là theo ý đồ của Mỹ, lúc ấy đã thao túng Liên hợp quốc tạo nên tình trạng: mỗi quốc gia bị chia manh mún thành ba phần gần như tách rời nên khó có khả năng tự phòng thủ; khu vực cho người Dọ Thái là vùng thuận lợi cho phát triển kinh tế nông nghiệp, có hai hải cảng quan trọng, lại là đầu nối đường ống dẫn dầu từ Irắc sang. Còn khu vực chia cho người Ảrập là vùng khô cằn, núi non hiểm trở và rất nghèo.

Do đó, người Do Thái tiếp nhận thoải mái Nghị quyết trên và ngày 14-5-1948, nước Israel được tuyên bố thành lập. Mười phút sau đó, Mỹ lập tức tuyên bố thừa nhận Nhà nước Israel. Như vậy, nước Do Thái đã bị biến mất gần 2000 năm trước, nay được sống trở lại, giấc mộng của chủ nghĩa phục quốc Do Thái đã trở thành hiện thực. Nước Ảrập chưa thể thành lập ngay được, người Ảrập Palestine (khoảng 750.000 người trong tổng dân số 1 triệu người) trở thành những người mất nước. Họ buộc phải sống lưu vong ngay trên mảnh đất của mình hoặc phải rời bỏ mảnh đất quê hương đi tị nạn, sống lưu vong và ở tại các nước Trung Đông láng giềng.

Như vậy là, Nghị quyết 181 của Liên hợp quốc đã chia cắt một nước mà xét về lịch sử lâu dài cũng như 30 năm dưới sự cai trị của thực dân Anh vẫn giữ được thể thống nhất về chính trị, hành chính, kinh tế. Nghị quyết này được biểu quyết trong lúc vắng mặt người chủ thực sự của nước đó là nhân dân Ảrập Palestine. Họ không có một đại biểu, một tiếng nói trong Đại Hội đồng, thậm chí không được tham khảo ý kiến trước. Hạt giống thù hằn đã gieo xuống giữa người Do Thái và người Ảrập, kéo dài dai dẳng cho đến tận ngày nay.

Không thể chấp nhận thực tế này, người Ảrập Palestine đứng lên kêu gọi những người anh em Ảrập ở các nước trong khu vực đấu tranh, từ chối tiếp nhận quyết nghị phân trị, từ chối tiếp nhận một nước có

"người dị tộc" sống trong lòng Ảrập. Liên minh Ảrập (lúc này có bảy nước thành viên gồm Ai Cập, Gioócđani, Xyri, Libăng, Ảrập Xêút, Irắc, Yêmen) ra tuyên bố bày tỏ người Ảrập *"quyết tâm chiến đấu chống lại Nghị quyết của Liên hợp quốc phân chia Palestine"*[1]. Sau hai ngày nước Israel thành lập, chiến tranh Israel Ảrập bùng nổ. Từ đó, khu vực Trung Đông luôn gặp sóng gió, chiến tranh nối tiếp chiến tranh. Hơn 60 năm qua, nơi đây luôn là điểm nóng dai dẳng và đã để lại những hậu quả nặng nề cho nhân dân các nước này.

Trải qua năm cuộc chiến tranh, từ cuộc chiến tranh lần thứ nhất (5-1948) đến cuộc chiến tranh lần thứ năm (6-1982), Israel lần lượt chiếm phần lớn đất đai của người Palestine, đẩy nhân dân nơi đây thành những người tị nạn phải chạy sang sinh sống ở các nước Ảrập láng giềng. Đặc biệt, trong cuộc chiến tranh lần thứ ba năm 1967, nhờ yếu tố bất ngờ cộng với sự ủng hộ về mọi mặt của Mỹ, Anh, chỉ trong vòng sáu ngày, Israel đã chiếm được một vùng lãnh thổ rộng lớn của Ảrập gồm: bán đảo Sinai của Ai Cập, toàn bộ vùng Bờ Tây sông Jordan của Jordan gồm cả phần còn lại của thành phố Jerusalem và một phần cao nguyên Gôlan của Xyri, tổng cộng hơn 60.000km^2, gấp bốn lần diện tích Israel do Liên hợp quốc ấn định trong Nghị quyết ngày 29-11-1947 và gấp ba lần diện tích Israel đạt được vào năm

---

1. Thông tấn xã Việt Nam: *Xung đột Israel và Ảrập*, *Sđd* tr.33.

1949 trên cơ sở các Hiệp định đình chiến. Ngày 22-11-1967, trước sức ép của dư luận tiến bộ trên thế giới đứng đầu là Liên Xô, Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc đã thông qua Nghị quyết 242, trong đó nhấn mạnh "*việc chiếm đất đai bằng chiến tranh là điều không thể chấp nhận được*" và yêu cầu "*rút hết các lực lượng vũ trang Israel ra khỏi các đất đai mà họ đã chiếm đóng trong cuộc chiến tranh vừa qua*"[1]. Tuy nhiên, cũng như những lần trước đó, Nghị quyết của Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc đã không được Israel thực hiện. Nhưng Nghị quyết 242 của Liên hợp quốc chính là cơ sở cho những lần đàm phán gay gắt trong việc đòi lại chủ quyền đất đai và lãnh thổ của nhân dân Palestine sau Chiến tranh lạnh.

Như vậy, chiến tranh không những không thể giải quyết cốt lõi vấn đề Trung Đông là Israel - Palestine, mà còn gây nên sự thù hằn và mang lại hậu quả càng nặng nề hơn. Chiến tranh cũng không mang lại cho khu vực Trung Đông nền hòa bình và an ninh, ngược lại làm cho vùng đất này thêm rối ren, xáo động. Được chủ nghĩa đế quốc mà chủ yếu là đế quốc Mỹ tiếp tay nên qua các cuộc chiến tranh này, Israel không những giữ được độc lập của mình trước các nước Ảrập mà còn bành trướng thêm được một diện tích gấp bốn lần diện

1. Nguyễn Thị Thư, Nguyễn Hồng Bích, Nguyễn Văn Sơn:, *Lịch sử Trung Cận Đông* (Tái bản lần thứ ba), Nxb. Giáo dục, Hà Nội, 2007, tr.333.

tích đất được chia, còn nhân dân Palestine lại bị đẩy vào cảnh lưu vong không có Tổ quốc từ năm 1948 tới nay. Khát vọng về một quốc gia dân tộc độc lập chính đáng của nhân dân Palestine vẫn chưa thể trở thành hiện thực.

2. Vấn đề tôn giáo và vai trò của Chủ tịch Y.Arafat

a) Vấn đề tôn giáo

Xét trên góc độ lịch sử, yếu tố căn bản dẫn đến những xung đột dai dẳng cho đến tận ngày nay của Israel và Palestine chính là vấn đề dân tộc và tôn giáo mà trong đó thánh địa Jerusalem là nơi tranh chấp của ba tôn giáo lớn. Đạo Do Thái, đạo Thiên Chúa và đạo Hồi đều có quê hương nguồn gốc từ vùng đất Trung Đông. Trong từng thời kỳ khác nhau của lịch sử, các tộc người mà biểu hiện tập trung về văn hóa của họ là tôn giáo đều có những tác động mạnh mẽ đến đời sống chính trị của các nước trong vùng, mang đến những sắc thái riêng biệt. Có thể nói rằng không nơi nào trên thế giới, tôn giáo lại chi phối sâu sắc đến đời sống chính trị và tinh thần như ở Trung Đông. Ba tôn giáo trên ra đời trong cái thế không phải hoàn toàn chống đối nhau mà là do một loạt các sự kiện nối tiếp nhau một cách tự nhiên theo lôgic của lịch sử. Tất nhiên, giữa các tôn giáo này có xảy ra những cuộc đấu tranh nhưng là cuộc đấu tranh thông thương làm động lực cho sự phát triển mới.

Đạo Do Thái ra đời từ khi người Hebreu còn là một bộ tộc nhỏ, giáo tổ của họ là Moise người mà bộ tộc Hebreu trước đây cũng như người Do Thái hiện nay đều tôn sùng coi là vị cứu tinh của dân tộc họ, người đã thay mặt cho "Chúa tối cao" đề ra 10 điều răn mà người Do Thái luôn tâm niệm bất kỳ ở đâu và trong hoàn cảnh nào. Đạo Do Thái đã cực thịnh và chiếm vị trí độc tôn trong thời gian vương quốc Hebreu được thành lập trên đất Palestine cổ xưa, đặc biệt dưới triều vua Salomo (975 - 935 trước Công nguyên). Đền thờ Đạo đã được xây dựng uy nghiêm trên đồi Siôn tại Thủ đô Jerusalem trong thời gian này.

Năm 63 trước Công nguyên, Thủ đô Jerusalem bị quân xâm lược La Mã san bằng, đền thờ Do Thái cũng bị phá sập chỉ còn một bức tường lưu lại cho đến ngày nay, người Do Thái gọi nó là "Bức tường oán thán", nơi thiêng liêng của họ và hằng năm những người Do Thái sùng đạo đều đến đây cầu nguyện.

Đất nước bị xâm chiếm, nhân dân Do Thái bị áp bức, bóc lột nặng nề, nhưng họ luôn mơ ước và tin tưởng rằng "vị cứu thế" sẽ sớm xuất hiện xuống trần gian để giải thoát họ khỏi cảnh áp bức lầm than và đem lại hạnh phúc cho mọi người.

Đạo Thiên Chúa đã ra đời trong những năm đầy đau khổ và cũng nhiều ước mơ này, và 300 năm sau đạo Thiên Chúa trở thành quốc đạo của đế quốc La Mã và phát triển rộng trên thế giới như hiện nay.

Vào đầu thế kỷ VII sau Công nguyên, đất nước Arabie bị đế quốc Ba Tư đe dọa, nhân dân Ảrập lúc này rất cơ cực do còn quá lạc hậu, do sự tranh chấp thường xuyên xảy ra giữa các bộ lạc, giữa quý tộc và nông nô. Môhamét có tư tưởng muốn thống nhất các bộ lạc lại, tập hợp quần chúng nhân dân nhằm chống lại sự xâm nhập của bên ngoài, đồng thời xây dựng, mở rộng và phát triển đất nước về mọi mặt, nâng cao đời sống nhân dân Ảrập. Môhamét đã liên tưởng tới vai trò của Moise và Giêsu trước đây, tin tưởng rằng ông có đủ khả năng đạt được mục đích trên. Đạo Hồi ra đời từ đó với một nền giáo lý cơ bản là "lòng tin" và sự phục tùng tuyệt đối vào những lời giáo huấn của Thánh đã ghi trong *Kinh Côran* với những điểm tích cực như: khuyến khích giải phóng nô lệ, chống áp bức bóc lột, chống cho vay nặng lãi, bỏ lệ chôn sống con gái mới đẻ, không hành hạ phụ nữ, kêu gọi mọi người đoàn kết thương yêu nhau, không chém giết lẫn nhau...

Năm 632, lúc Môhamét chết, toàn thể nhân trong bán đảo Ảrập đều thống nhất theo luật lệ của đạo Hồi. Mécca trở thành trung tâm tôn giáo và Medine là thủ đô chính trị của quốc gia Ảrập thống nhất.

Đạo Hồi ngày càng phát triển rộng ra ngoài phạm vi bán đảo Ảrập, theo đó quốc gia Ảrập cũng ngày càng bành trướng. Năm 732, một đế chế Ảrập hùng mạnh đã được thành lập từ lưu vực sông Indus (Ấn Độ) đến nước Gauli (Pháp). Hồi giáo trở thành quốc đạo của đế chế Ảrập. Thành phố Jerusalem trở thành thánh địa thứ ba

của đạo Hồi, sau Mécca và Medine. Trên đất Jerusalem này có đền thờ Hồi giáo rất nổi tiếng "Al Aqsa" được xây dựng từ thế kỷ VII đến nay vẫn tồn tại và được người Ảrập đặc biệt tôn kính, coi đó là một di tích thiêng liêng của họ.

Qua quá trình lịch sử nêu trên chúng ta thấy rằng, thành phố Jerusalem đã từ lâu được xem là "thánh địa" của ba tôn giáo. Chính đặc điểm lịch sử này là một trong những nguyên nhân làm cho Jerusalem trở thành vùng "đất nóng" từ xưa đến nay. Mỗi triều đại khác nhau đều cố đảm bảo chủ quyền của mình tại vùng đất thiêng này. Sự tranh chấp vùng đất thánh này bắt đầu từ thế kỷ XI, khi bọn phong kiến Tây Âu lợi dụng danh nghĩa bảo vệ Thiên Chúa giáo đã đưa nhiều đoàn quân viễn chinh (quân Thập Tự) sang xâm lược vùng Trung Đông gần hai thế kỷ.

Sau các cuộc đụng đầu lịch sử giữa đạo Thiên Chúa và đạo Hồi suốt gần hai thế kỷ, với sự thất bại của đoàn quân Thập Tự, đạo Thiên Chúa đã gần như mất vị trí đứng chân ở khu vực Trung Đông. Ngược lại, đạo Hồi trở thành quốc đạo của các nước ở Trung Đông. Hồi giáo đã trở thành một vấn đề lớn trong vùng và cũng chứng minh rõ rằng: Chủ nghĩa liên Ảrập, có một cơ sở xã hội từ tôn giáo, một nội lực mãnh liệt mà chủ nghĩa đế quốc và Mỹ phải chú ý tới. Sức mạnh đó đã vượt ra khỏi phạm vi Trung Đông xuyên suốt thế giới Hồi giáo và trở thành một thế lực quốc tế buộc Mỹ và chủ nghĩa đế quốc phải tính đến trong quá trình hoạch định chiến

lược của mình ở Trung Đông. Một đặc điểm mang tính phổ biến nhiều năm nay của thế giới Hồi giáo ở Trung Đông mà chúng ta cần lưu ý là tình trạng rối loạn về chính trị của các nước trong khu vực vì nhiều nước ở Trung Đông là sự hợp nhất không tự nhiên của các dân tộc khác nhau hoặc các nhóm sắc tộc, nên sự xung đột nội bộ là tiềm ẩn và lan tràn ra khắp khu vực. Đây là nhân tố quan trọng giải thích vì sao các phe phái trong nội bộ các quốc gia luôn tranh giành nhau vai trò lãnh đạo về chính trị và tôn giáo nhằm tập hợp quần chúng cho những mục tiêu nhất định.

Để hiểu rõ thêm về tình trạng mất ổn định chính trị thường xuyên của các nước ở Trung Đông, chúng ta còn phải tìm hiểu và phân tích về tình hình dân tộc rất đa dạng và phức tạp ở đây. Mâu thuẫn giữa người Do Thái và người Ảrập nói chung, giữa người Israel và Palestine nói riêng là mâu thuẫn trung tâm của khu vực này. Lịch sử của dân tộc Do Thái và dân tộc Ảrập đã phản ánh một thực tế rằng: đây là những dân tộc có truyền thống lâu đời rất hùng tráng nhưng cũng nhiều đau thương, họ có ý chí quật cường và tính chủng tộc bất diệt. Dù ở đâu, bất kỳ hoàn cảnh nào thì họ vẫn giữ được bản sắc riêng. Người Do Thái bị lưu vong khắp thế giới 18 thế kỷ mà vẫn duy trì được dân tộc, bản sắc của mình. Điều đó cũng lý giải được nguồn gốc sâu xa của chủ nghĩa phục thù và bành trướng "Đại Do Thái" vẫn còn đang âm ỉ, nung nấu trong đầu giới lãnh đạo Israel hiện nay. Còn người Ảrập Palestine suốt gần thế

kỷ nay bị thống khổ trong các trại tập trung và các khu tị nạn nhưng họ vẫn luôn luôn vùng dậy đấu tranh đòi cho mình quyền tự trị trên chính mảnh đất quê hương của mình. Chính hai nhóm mâu thuẫn về tôn giáo và dân tộc này không thể giải quyết được một cách triệt để nên chiến tranh thường xuyên nổ ra. Trong quá trình mở rộng ảnh hưởng của mình đối với thế giới Ảrập, nhận thức được điều này, chủ nghĩa đế quốc, đặc biệt là "Anh, Mỹ không những đã dùng âm mưu thủ đoạn vô cùng xảo quyệt và thâm độc" trong việc chia rẽ lãnh thổ của người Ảrập bằng cách chia nhỏ các quốc gia này ra để dễ bề cai trị mà còn nuôi dưỡng và kích động các mối thù hằn dân tộc và sắc tộc, tìm cách cắm cho được *"một mũi dao Do Thái vào lưng thế giới Ai Cập vĩ đại"*[1], làm cho mâu thuẫn dân tộc ở đây được đẩy lên đến đỉnh điểm.

b) Vai trò của Y.Arafat

Lịch sử đã chứng minh rằng, trong những thời điểm khó khăn nhất của cuộc kháng chiến một dân tộc luôn xuất hiện những cá nhân sẽ làm nên bước ngoặt lịch sử mới cho dân tộc đó. Đây là điều ngẫu nhiên nhưng lại là một tất yếu của lịch sử. Yasser Arafat - con người gắn

---

1. Thái Văn Long: *Chiến lược của Mỹ ở Trung Đông và sự điều chỉnh chiến lược của Mỹ sau Chiến tranh lạnh ở khu vực*, Trung tâm thông tin khoa học và công nghệ quốc gia, Hà Nội, 1994, tr.15.

với những huyền thoại được lưu truyền trong dân chúng Palestine, từng được mệnh danh là người sống cạnh thần chết đã trải qua biết bao thăng trầm, sóng gió để hướng tới một nhà nước Palestine độc lập. Một "nền hòa bình dành cho những người dũng cảm" là mục tiêu, lẽ sống của cuộc đời ông. Khó có thể nói hết được vai trò của Y. Arafat - một thủ lĩnh sắc sảo trong lòng người Palestine, một con người đã dốc hết tâm sức suốt đời cống hiến cho sự nghiệp giải phóng đất nước, giải phóng dân tộc của mình - với cuộc đấu tranh kiên cường và bền bỉ nhằm giành chủ quyền quốc gia dân tộc thật sự của dân tộc bị mất tổ quốc và với khu vực Trung Đông. Quá trình hoạt động cách mạng từ thời niên thiếu tới khi qua đời cũng chính là quá trình ông đã cống hiến hết mình cho sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc của nhân dân Palestine.

Thời niên thiếu, bằng những hành động như bí mật chuyên chở vũ khí từ Cairô cung cấp cho người Palestine chống lại ách đô hộ của Anh và chủ nghĩa phục quốc Do Thái, dũng cảm đương đầu với những toán cướp trên sa mạc. Do vậy ngay từ lúc đó, ông đã là người anh hùng trong con mắt của nhân dân Palestine. Vốn có tư tưởng cấp tiến, ông đã nhanh chóng thiết lập quan hệ chặt chẽ với các tổ chức cách mạng ở Ai Cập, rồi trở thành Tổng Tư lệnh của "đội quân bão táp", lãnh đạo đội quân này giành một loạt thắng lợi. Tổ chức PLO do ông đứng đầu, cùng với nhân dân Palestine tiến hành cuộc chiến tranh du kích chống lại sự chiếm

đóng của Israel, được 115 nước công nhận là đại diện hợp pháp duy nhất của nhân dân Palestine vào năm 1979. Nhận thức được dấu tranh vũ trang không mang lại kết quả, để tranh thủ sự ủng hộ rộng rãi của cộng đồng quốc tế cần phải đi vào giải quyết cuộc xung đột này bằng con đường hòa bình, ông thực hiện các cuộc vận động ngoại giao nhằm tăng cường sự giúp đỡ của bạn bè quốc tế và cũng để họ hiểu rõ hơn về cuộc đấu tranh chính nghĩa mà ông cùng nhân dân Palestine đang phải tiến hành. Ngày 15-11-1988, Y. Arafat đã tuyên bố về việc thành lập Nhà nước Palestine độc lập. Mặc dù mới chỉ là trên danh nghĩa, nhưng tính đến cuối tháng 12-1988 đã có 90 nước trên thế giới công nhận Nhà nước Palestine. Đặc biệt, ngày 15-12-1988, khóa họp lần thứ XXXXIII của Đại hội đồng Liên hợp quốc tại Giơnevơ (Thụy Sỹ) đã thông qua Nghị quyết công nhận Nhà nước Palestine độc lập là quan sát viên của Liên hợp quốc. Nghị quyết nêu rõ: "Kể từ ngày 15-12-1988, tên Nhà nước Palestine được thay thế cho PLO tại Liên hợp quốc"[1].

Ngày 13-9-1993, Y. Arafat đã khiến toàn thế giới sửng sốt bằng việc ký Hiệp định Oslo với Israel. Năm 1996, ông đứng ra thành lập Hội đồng tự trị và được bầu làm Tổng thống. Hơn ai hết, ông hiểu sứ mệnh lịch

---

1. Thái Văn Long: *Chiến lược của Mỹ ở Trung Đông và sự điều chỉnh chiến lược của Mỹ sau Chiến tranh lạnh ở khu vực*, *Sđd*, 1994, tr.281.

sử mà dân tộc Palestine đã giao phó cho ông. Nhờ có ông, một dân tộc bị chìm trong lãng quên đã được đưa ra trước "ánh đèn sân khấu" lịch sử. Ông là một người không thể bỏ qua với tất cả những ai muốn tìm kiếm một lối thoát hòa bình cho cuộc xung đột. Không một hoạt động quân sự nào có thể khuất phục được biểu tượng sống của Palestine. Khi bị cầm tù ở Gaza, ông đã gắn số phận của mình với tiến trình hòa bình, ông đã dẫn dắt một tiến trình có một không hai trong lịch sử, nó đảo ngược trật tự thông thường của các yếu tố, ở đây sự hòa giải đi trước sự hòa bình. Tuy nhiên, cuối cùng ông đã ra đi khi ước vọng chưa thành hiện thực đó là giành độc lập và thành lập một lãnh thổ chủ quyền cho dân tộc Palestine. Dù vậy, ông vẫn luôn được xem là cha đẻ của quốc gia Palestine (tương lai) như nhận xét của Thủ tướng Israel Shimon Peres. Ông thường nói: "Tay trái tôi cầm súng, tay phải tôi cầm cành ô liu, nhân dân Palestine yêu chuộng hòa bình, nhưng đừng có buộc tôi phải dùng súng" [1]. Có thể nhận thấy, Y. Arafat là một thủ lĩnh chính trị tài ba, là anh hùng giải phóng dân tộc của nhân dân Palestine. Là một người nhạy bén chính trị, ông đã sớm nhận biết được sự thay đổi của thời cuộc, đã sớm biết chuyển từ đấu tranh vũ trang sang đấu tranh chính trị ngoại giao để giành độc lập tự do cho người dân Palestine, thành lập Nhà

---

1. Thông tấn xã Việt Nam: *Palestine thời hậu Arafat*, Tài liệu tham khảo đặc biệt, số 12, 2004, tr.16.

nước Palestine độc lập có chủ quyền trên vùng đất được phân định với Đông Jerusalem làm thủ đô là mục tiêu, là ước nguyện hàng đầu của Y.Arafat.

3. Sự vận động của nhân tố địa - chính trị

Sau gần nửa thế kỷ tồn tại kể từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai, Chiến tranh lạnh và trật tự thế giới hai cực trong vai trò là hình thái biểu hiện của cuộc đối đầu Đông Tây khốc liệt đã đi đến điểm kết khi các nước xã hội chủ nghĩa ở Đông Âu và Liên Xô sụp đổ. Những sự kiện này làm thay đổi sâu sắc cục diện thế giới, khiến cho cơ cấu địa chính trị và sự phân bố quyền lực toàn cầu bị đảo lộn. Chủ nghĩa xã hội hiện thực lâm vào thoái trào, cuộc khủng hoảng của phong trào cộng sản quốc tế càng trở nên trầm trọng. Tương quan lực lượng thế giới nghiêng hẳn về phía có lợi cho chủ nghĩa tư bản, chủ nghĩa đế quốc, bất lợi đối với chủ nghĩa xã hội và các lực lượng cách mạng, tiến bộ. Trật tự thế giới sau Chiến tranh lạnh chứa đựng nhiều yếu tố bất trắc, khó đoán định.

Trong bối cảnh đó, trên thế giới đã diễn ra xu thế đan xen phức tạp, thậm chí trái chiều nhau. Trên bình diện an ninh - chính trị, ngay sau khi Chiến tranh lạnh kết thúc, xu thế hòa dịu, hòa hoãn tỏ ra chiếm ưu thế trong quan hệ quốc tế. Với nhiều cấp độ khác nhau, tiến trình cải thiện quan hệ giữa các nước, các đối thủ cũ vốn từng đứng trên hai trận tuyến đối lập được thúc đẩy, hình thành nhiều mối quan hệ hợp tác, liên kết

mới trên các lĩnh vực theo xu hướng chú trọng lợi ích dân tộc và mục tiêu phát triển. Quan hệ giữa các nước lớn thay đổi nhanh chóng từ chỗ mất cân bằng chuyển sang tìm kiếm sự cân bằng mới, kiềm chế bất đồng, tránh xung đột mang tính chất đối kháng. Mỗi nước lớn đều coi trọng việc xác lập và củng cố những điều kiện quốc tế có lợi, tăng cường hệ số an toàn quốc gia, xây dựng những mối quan hệ theo mô thức "đối tác chiến lược" với quy mô khác nhau. Tuy vậy, vừa hợp tác, vừa đấu tranh và cạnh tranh gay gắt với nhau; vừa thỏa hiệp vừa xung đột, mâu thuẫn với nhau vẫn luôn hiện diện như hình thái đặc trưng của quan hệ giữa các nước lớn. Môi trường an ninh toàn cầu sau Chiến tranh lạnh vẫn tiếp tục trở nên không chắc chắn. Xung đột vũ trang, chiến tranh cục bộ, những bất ổn do mâu thuẫn dân tộc, tôn giáo, chạy đua vũ trang, hoạt động can thiệp, lật đổ, khủng bố xảy ra ở nhiều nơi, nhất là tại khu vực các nước đang phát triển.

Triệt để lợi dụng ưu thế trong so sánh lực lượng sau Chiến tranh lạnh, Mỹ tỏ rõ tham vọng độc tôn "lãnh đạo" thế giới. Theo đó, Mỹ tự cho mình quyền "đánh đòn phủ đầu", kể cả việc sử dụng vũ khí hạt nhân đối với các quốc gia bị Mỹ buộc tội là bảo trợ khủng bố "độc tài", sản xuất và tàng trữ vũ khí giết người hàng loạt hay bất kỳ thế lực nào dám thách thức địa vị "lãnh đạo" thế giới của Mỹ.

Hơn bao giờ hết, Trung Đông đã bộc lộ rất rõ những ảnh hưởng của thời kỳ hậu Chiến tranh lạnh. Cùng với

việc thay đổi cục diện chính trị trên thế giới, so sánh lực lượng ở Trung Đông cũng có những biến động lớn: sự đối đầu Xô Mỹ ở khu vực này không còn nữa, Mỹ đang trở thành cường quốc duy nhất có ảnh hưởng và lợi ích lớn nhất chi phối ở khu vực này. Vốn là nơi giành giật ảnh hưởng giữa hai siêu cường trong Chiến tranh lạnh, nhiều quốc gia và tổ chức chính trị ở Trung Đông đã mất hẳn một chỗ dựa do sự sụp đổ của Liên Xô.

Chiến tranh lạnh chấm dứt, Trung Đông vẫn là khu vực "điểm nóng", các mâu thuẫn cũ chưa được giải quyết dứt điểm thì nhiều mâu thuẫn mới đã nảy sinh, mâu thuẫn giữa Ảrập và Israel còn phải giải quyết lâu dài, cần có sự nhân nhượng của cả đôi bên và vai trò trung gian hòa giải của Mỹ. Trong khi đó, một số nước lớn ở khu vực như Iran, Irắc, Thổ Nhĩ Kỳ... có ý đồ vươn lên trở thành tiểu cường quốc trong khu vực, ăn chia ảnh hưởng với Mỹ và các nước khác ở đây. Nguy cơ phổ biến vũ khí hạt nhân đến gần. Tây Âu và Nhật Bản cũng đang muốn tăng cường ảnh hưởng ở khu vực để bảo vệ nguồn cung cấp dầu lửa của họ tại khu vực này.

Trung Đông có tổng diện tích 13.845.000 km^2, với dân số khoảng 250 triệu. Trung Đông là vùng đất gặp nhau giữa ba châu: châu Á, châu Âu và châu Phi, tiếp giáp với biển Địa Trung Hải và biển Ấn Độ Dương. Từ xa xưa, vùng này đã có những đường giao lưu buôn bán từ phương Đông sang phương Tây. Đó là con đường hương liệu và tơ lụa rất thịnh hành từ Trung Quốc, Ấn Độ sang châu Âu, châu Phi và ngược lại.

Trung Đông có vị trí chiến lược quan trọng ngay từ thời cận đại. Năm 1869, kênh đào Xuyê được khai thông, nối liền Ấn Độ Dương và Địa Trung Hải, điểm giao thông trọng yếu nhất giữa Đại Tây Dương và Ấn Độ Dương, giúp cho việc giao lưu giữa Tây và Đông được dễ dàng, nhanh chóng, thu ngắn được 40% đường (so với đi vòng qua châu Phi). Do vậy, có thể khẳng định rằng: Trung Đông là một *"yết hầu"* giao thông quan trọng vào bậc nhất trên thế giới, thông qua việc kiểm soát các eo biển và các đảo trên biển Địa Trung Hải sẽ tác động trực tiếp đến sự liên lạc giữa các vùng, các châu lục và giữa các đại dương, mọi hoạt động quân sự, kinh tế buôn bán mang tính chất quốc tế đều phải trung chuyển qua khu vực. Từ Trung Đông có thể kiểm soát được ba châu, uy hiếp Bắc Phi, Ban Căng và Nam Á, có vị trí thuận lợi trong việc triển khai lực lượng quân sự tại Nam châu Âu, bờ biển Đông Phi và châu Á. Do đó, Trung Đông là một vị trí chiến lược vô cùng quan trọng. Điều này đã được lịch sử chứng minh thông qua nhận định của các học giả, các nhà chinh phục hàng đầu thế giới khi họ đề cập đến vị thế của Trung Đông trên bản đồ thế giới: Napoleon Bonaparte từng có một đánh giá nổi tiếng: *Ai kiểm soát được Constantinople người đó cai trị được thế giới.* Hitler từng có những kế hoạch lớn và đã thất bại trong mưu đồ kiểm soát Địa Trung Hải. Trong thời kỳ Chiến tranh lạnh, Mỹ và Liên Xô đều coi Trung Đông là khu vực lợi ích sống còn. Chẳng hạn đối với Liên Xô, nguồn dầu mỏ

của Trung Đông không phải là thứ quan trọng số một bởi nước này cũng là quốc gia xuất khẩu dầu mỏ. Nhưng Trung Đông là cửa ngỏ phía Nam của Liên Xô, án ngữ trên đường đi xuống châu Phi và ra Ấn Độ Dương. Đây còn là nơi Liên Xô gây ảnh hưởng nhằm thúc đẩy phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc ở các nước Á Phi sau Chiến tranh thế giới thứ hai. Đối với Mỹ, Trung Đông có những lợi ích vĩnh viễn, là mục tiêu liên tục và trọng yếu trong chính sách đối ngoại của Mỹ. Ngoài dầu mỏ, Trung Đông còn là cửa ngỏ vào Địa Trung Hải, châu Phi và là chỗ dựa của khối NATO. Tổng thống Mỹ R. Nichxon viết: "Trung Đông là cái sườn phía đông của NATO, là cửa ngỏ vào châu Phi. Do vị trí của Trung Đông ở ngã tư thực sự của thế giới cho nên kẻ nào khống chế được khu vực này sẽ khống chế được châu Âu"[1].

Ngoài vị trí địa chiến lược quan trọng nêu trên, Trung Đông còn hấp dẫn các cường quốc bởi nguồn dầu lửa *máu cho toàn bộ nền kinh tế công nghiệp hiện đại* - mà trong một tương lai còn khá xa chưa thể có nguyên liệu nào thay thế được. Tổng lượng dầu thế giới có 136 tỉ tấn mà Trung Đông đã chiếm 89,3 tỉ tấn, tức bằng 65,2% trữ lượng dầu toàn thế giới. Các nước có nền kinh tế đang phát triển, đặc biệt là những nước

---

1. Xem: Cao Văn Liên: *Tiến trình hòa bình Trung Đông bế tắc, nguyên nhân và giải pháp*, Tạp chí *Nghiên cứu châu Phi và Trung Đông*, số 11, 2007, tr.23.

công nghiệp phát triển cao như Tây Âu, Nhật Bản, Mỹ không thể thiếu được nguồn dầu từ Trung Đông. Vào những năm 90 của thế kỷ XX, Mỹ nhập 50% lượng dầu vào Mỹ, trong đó dầu của Trung Đông chiếm 35%. Trung Đông cung cấp 100% nhu cầu dầu cho NATO, 80% dầu cho Nhật Bản. Ước đoán vào năm 2015, Trung Đông sẽ chiếm 60% giá trị xuất khẩu dầu của toàn thế giới[1].

Với vị trí địa chiến lược quan trọng, lại giàu có về tài nguyên, mang lại lợi nhuận cao cho các tập đoàn tư bản, nên Trung Đông trở thành nơi cạnh tranh bành trướng thế lực của các cường quốc. Từ trước tới nay, Trung Đông luôn là nơi tranh giành ảnh hưởng của nhiều cường quốc, không những giữa Liên Xô (sau này là Nga) với Mỹ mà còn cả Tây Âu, Nhật Bản, Trung Quốc. Nơi đây, Liên Xô đã đổ một khối lượng lớn tiền của và vũ khí nhằm làm cho sườn phía Nam của mình và Đông Âu luôn ổn định. Còn với Mỹ, chiếm vị trí chiến lược, bảo vệ và chiếm nguồn dầu mỏ buộc nó phải chảy về Mỹ là một trong các mục tiêu quan trọng trong chính sách đối ngoại của Mỹ ở Trung Đông, Mỹ còn muốn biến Trung Đông thành căn cứ quân sự, dùng nó làm *"bàn đạp chiến lược"* bao vây ngăn chặn Liên Xô và Đông Âu, cơ động chi viện cho các vùng cần thiết trong cả ba châu. Đồng thời, ngăn chặn sự phát triển

---

1. Xem: Cao Văn Liên: *Tiến trình hòa bình Trung Đông bế tắc, nguyên nhân và giải pháp, Tlđd,* tr.24.

của chủ nghĩa cộng sản, khống chế được phong trào giải phóng dân tộc của cả Trung Đông, Đông Phi và Nam Á. Đảm bảo an ninh cho Israel, nước mà Mỹ có mối quan hệ đồng minh đặc biệt. Đặc biệt là còn có thể khống chế được trung tâm Hồi giáo cực đoan mà chủ nghĩa khủng bố của nó đã làm run sợ đến tận các quan chức cao cấp có mặt tại Nhà Trắng. Với tính chất chiến lược đặc biệt quan trọng như vậy, Trung Đông đã trở thành một vùng "đất nóng" thường xuyên có xung đột vũ trang và mất ổn định chính trị trong suốt thời kỳ Chiến tranh lạnh.

Từ sau Chiến tranh lạnh đến nay, sự tranh chấp ảnh hưởng của các cường quốc đế quốc lại tăng lên. Tây Âu, Nhật Bản đã và đang tìm mọi cách tăng cường ảnh hưởng của mình ở khu vực để đảm bảo nguồn năng lượng, nguyên liệu cho nền công nghiệp cũng như các lợi ích tiềm năng khác. Trung Quốc cũng tăng cường sự có mặt ở Trung Đông nhằm cạnh tranh với Mỹ về nguồn năng lượng ở khu vực này. Còn Mỹ cần có Trung Đông, nơi có nguồn nguyên liệu quan trọng, nắm được nó, Mỹ có thêm uy lực trong chi phối các nước Tây Âu và Nhật Bản và đảm bảo cho vai trò "sen đầm" của Mỹ trong thế giới mới. Mặt khác, các nước ở Trung Đông cũng cần có Mỹ như là một "nhân vật trung gian" trong hòa giải Ảrập Do Thái, hay như một sự cân bằng lực lượng với những cường quốc khu vực đang lên cũng như có những giải pháp hữu hiệu đối với những hành động cực đoan của trung tâm Hồi giáo.

Jerusalem nằm ở chỗ giao nhau của Israel và Bờ Tây, giữa Địa Trung Hải và Biển Chết, cách thành phố Tel Aviv Yafo của Israel khoảng 50 km về phía Đông Nam. Jerusalem được hình thành từ hai phần Tây Jerusalem và Đông Jerusalem. Tây Jerusalem với cư dân chủ yếu là người Do Thái, là một phần của Israel từ khi nước này tuyên bố độc lập năm 1948. Đông Jerusalem với cư dân chủ yếu là cộng đồng Ảrập thuộc Palestine, từng bị Jordan chiếm vào năm 1949 và cuộc chiến tranh sáu ngày. Israel cho rằng, toàn bộ Jerusalem là thủ đô của mình nhưng Palestine bác bỏ và Liên hợp quốc cũng không công nhận. Trung tâm quần tụ của các di tích tôn giáo ở Jerusalem là khu thành cổ, bức tường được xây vào năm 1528. Người Do Thái Israel chiếm 73% dân số, 24% là dân Ảrập Palestine và phần còn lại là vài cộng đồng nhỏ như Do Thái chính thống giáo.

Trong khi đó, đây là mảnh đất thánh thiêng liêng với người Do Thái, Công giáo và cả Hồi giáo. Có một vị trí trên bản đồ hệt như mọi thành phố khác, nhưng Jerusalem tồn tại dưới nhiều màu sắc, nhiều sức mạnh và nhiều mối nguy hiểm hơn trong "*kinh tuyến và vĩ tuyến của sự tưởng tượng tôn giáo*". Mảnh đất đầy đồi núi và khô khan này từng đứng nhìn sự hành hình Chúa Kitô và cũng từng chứng kiến sự lên trời của Đấng tiên tri Môhamét. Đó là chỗ duy nhất trên trái đất được xem là nơi của sự cứu rỗi và phán xét cuối cùng. Trong *Tân ước*, Jerusalem chỉ "thành trì

của ngày tận thế, nơi mà tất cả những kẻ lãnh tụ hợp lại thành trì mới, nơi mà sự công chính và hòa bình ngự trị"[1]. Các bản đồ trung cổ luôn đặt Jerusaslem ở trung tâm vũ trụ và những bức vẽ cũng cho thấy Jerusalem trung cổ bay xuống trái đất như một tác phẩm thượng giới.

Alexander Đại đế chiếm Jerusalem năm 333 trước Công nguyên và sau khi ông chết, vùng đất này rơi vào tay Ai Cập rồi Syria. Vua Herod bắt đầu cai trị vùng này năm 63 trước Công nguyên, năm 637, Jerusalem nằm dưới sự cai trị của Hồi giáo sau khi vua Hồi Umar I chinh phục. Thế kỷ II, Jerusalem bị áp bức tàn bạo dưới bàn tay Thổ Nhĩ Kỳ và Giáo hoàng Urban II đã đứng ra kêu gọi cuộc Thập tự chinh đầu tiên tiến về Trung Đông để đòi lại đất thánh. Quân Thập tự chinh tàn sát người Hồi giáo lẫn Do Thái và cai trị hà khắc cho đến khi Saladin lấy được thành phố cho người Hồi vào năm 1187. Năm 1517, Jerusalem lại rơi vào tay đế quốc Ốttôman và tiếp tục tình trạng này cho đến thế kỷ XX. Chiến tranh thế giới thứ nhất, thực dân Anh dẹp sạch Ốttôman khỏi Jerusalem và bắt đầu cai quản thành phố vào năm 1917. Năm 1947, Liên hợp quốc đưa ra đề nghị biến Jerusalem thành một thành phố quốc tế.

---

1. Mạnh Kim, Nguyễn Văn Phước (biên dịch): *Một huyền thoại - Arafat - Một đời cho tự do*, Nxb. Tổng hợp, Thành phố Hồ Chí Minh, 2004, tr.125.

Chính lịch sử huyền thoại đã làm cho Jerusalem đến nay vẫn là thành phố trung tâm của "địa lý tôn giáo" và đó cũng là lý do Jerusalem không chỉ thể hiện một cuộc xung đột chính trị dai dẳng ở Trung Đông giữa người Ảrập và người Do Thái mà cả Israel và Palestine đều có gốc rễ thật sự ở miền đất thánh và cả hai đều muốn xem Jerusalem là thủ đô của mình. Vấn đề ở đây rõ ràng không đơn thuần là chuyện địa lý chính trị. Không có giải pháp khả thi nào đối với vấn đề Jerusalem mà không tính đến những yếu tố ràng buộc liên quan đến thành phố, nơi hình thành, tồn tại và phát triển trong xung đột bởi các mục tiêu tôn giáo. Nhà bình luận tờ *Newsweek*, Kenneth L. Woodward nói rằng: cho dù ai kiểm soát Jerusalem đi chăng nữa thì cũng luôn bị câu thúc bởi cái áp lực về ý nghĩa của thành phố từng tích tụ trên ba thiên niên kỷ chiến tranh, chinh phục và các mặc khải kỳ bí. Được ban phúc hay bị nguyền rủa, Jerusalem lúc nào cũng vẫn là *thành phố được xây bằng những viên gạch tôn giáo*[1].

Nhận thấy tính chất phức tạp về vị trí địa - chính trị và tôn giáo của Jerusalem nên trong Nghị quyết 181, Liên hợp quốc đã đặt Jerusalem là thành phố nằm dưới sự kiểm soát quốc tế. Điều đó đồng nghĩa với việc cả Israel và Palestine không thể xem đây là thành phố thuộc chủ quyền của riêng ai. Đó là một sự cố gắng rất

---

1. Mạnh Kim, Nguyễn Văn Phước (biên dịch): *Một huyền thoại - Arafat - Một đời cho tự do*, *Sđd*, tr.127.

lớn của Liên hợp quốc cũng như các bên liên quan góp phần kìm hãm xung đột của khu vực ở một mức độ nhất định cho phép. Nhưng thật ra *vấn đề Jerusalem* không đơn thuần như vậy. Là trung tâm của ba tôn giáo lớn, có vai trò rất quan trọng trong đời sống tín ngưỡng tinh thần, do vậy việc đấu tranh để giành sự kiểm soát vùng đất thiêng này tất yếu sẽ tiếp diễn. Bằng chứng là Israel đã chiếm toàn bộ Jerusalem trong cuộc chiến tranh năm 1967, cho tới nay vẫn đang thực hiện ý đồ biến nơi đây thành thủ đô tôn giáo mãi mãi của mình. Cái vòng xoáy tranh chấp ấy cứ lặp đi lặp lại từ đời này sang đời khác đến nay vẫn chưa có hồi kết.

Cũng giống như người Palestine, người Do Thái cũng từng có một quốc gia trong lịch sử và chung sống hòa bình với cộng đồng Ảrập Palestine. Thế nhưng, do tính chất phức tạp của lịch sử mà quốc gia này bị xóa sổ và cư dân phải phiêu bạt nơi đất khách quê người. Dù ở bất cứ đâu họ vẫn không đánh mất bản sắc riêng và khó hòa hợp với dân tộc bản địa. Họ vẫn luôn luôn ước mơ quay trở lại vùng đất tổ của mình và đã đưa ra khẩu hiệu: "*Cho một dân tộc không có đất nước, một đất nước không có dân tộc*"[1]. Cho đến khi phong trào bài Do Thái, thậm chí là tàn sát dã man người Do Thái ở các nước tư bản bùng lên và sau khi nước Nga Sa

---

1. Nguyễn Thị Thư, Nguyễn Hồng Bích, Nguyễn Văn Sơn: *Lịch sử Trung Cận Đông* (tái bản lần thứ ba), Nxb. Giáo dục, Hà Nội, 2007, tr.231.

Hoàng tàn sát với quy mô lớn vào giữa thế kỷ XIX thì hơn lúc nào hết, chủ trương khôi phục Nhà nước Do Thái lại bắt đầu. Đấy là khát vọng chính đáng của một dân tộc đang trên đà bị diệt chủng muốn trở lại quê hương xây dựng một quốc gia dân tộc cùng chung sống hòa bình với người Ảrập. Do vậy lúc đầu, sự thành lập Nhà nước Do Thái nhận được sự ủng hộ khá nhiều từ cộng đồng quốc tế bởi đồng cảm trước sự tàn sát dã man của Đức Quốc xã. Song sau này, việc hình thành và nới rộng lãnh thổ của Israel bằng biện pháp quân sự nhằm chiếm đất từ các cộng đồng cư dân Ảrập khiến sự đồng cảm dần bị mất đi. Hơn nữa, Israel còn bác bỏ sự thật là đất đai chiếm được sau "cuộc chiến sáu ngày" trước đây thuộc về người khác. Như vậy, chính Israel đã từ chối sự hiện diện của người Palestine, là điều không thể chấp nhận.

Trong cuộc đấu tranh giành độc lập của nhân dân Palestine, chúng ta không thể không nhắc tới vai trò của Liên đoàn Ảrập. Mặc dù các nhà lãnh đạo các nước Ảrập thường nhắc tới Khối Ảrập thống nhất, tức là cộng đồng các tín đồ Hồi giáo, coi đó như nền tảng và chỗ dựa của họ, nhưng trên thực tế khối này bị chia rẽ sâu sắc cả về chính trị, kinh tế và chiến lược. Chính trong sự chia rẽ này, họ đã tìm thấy một tổ chức đang phấn đấu cho một sự nghiệp chung vượt lên trên tất cả những chia rẽ đang tồn tại, đó là tổ chức Palestine, vì thế Palestine đã trở nên hết sức quan trọng và cần thiết đối với các dân tộc Ảrập nói riêng, thế giới Hồi

giáo nói chung. Âm mưu của chủ nghĩa đế quốc trong vấn đề Palestine chẳng những nhằm chống lại nhân dân Palestine mà còn chống cả nhân dân các nước Ảrập, cho nên: "cuộc chiến đấu giải phóng Palestine là một bộ phận của sự nghiệp đấu tranh chung, do đó nhiệm vụ của dân tộc Ảrập là phải ủng hộ cuộc chiến đấu này bằng mọi khả năng, mọi sức mạnh về vật chất và tinh thần của mình..."[1]. Liên đoàn Ảrập đưa ra các sáng kiến hòa bình nhằm tìm kiếm giải pháp hòa bình cho cuộc xung đột, giúp đỡ và tạo điều kiện cho các tổ chức vũ trang Palestine hoạt động; kêu gọi Mỹ và các bên liên quan nhanh chóng giải quyết cuộc xung đột này theo hướng tích cực. Chính do "sự nghiệp Palestine" đã trở thành một sự nghiệp chung của các dân tộc Ảrập và thế giới Hồi giáo như vậy, nên việc không thành lập được một Nhà nước Palestine cũng đồng nghĩa với việc khước từ đối với các quyền dân tộc cơ bản không riêng đối với người Palestine, mà cả đối với người Ảrập và Hồi giáo nói chung. Do vậy, giải quyết hòa bình giữa Israel - Palestine cũng đồng nghĩa với việc tạo sự ổn định và thống nhất chung của nhân dân các nước Ảrập trong quá trình phát triển lâu dài trong tương lai.

Tóm lại, trên đây là những nhân tố chung xuất phát từ lịch sử để lại, khách quan và chủ quan nằm trong tổng thể tác động đến cuộc đấu tranh giải phóng

---

1. *Vấn đề Palestine*. Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1982, tr.19.

dân tộc của nhân dân Palestine sau Chiến tranh lạnh. Những mâu thuẫn dân tộc, sắc tộc, tôn giáo nơi đây không phải một sớm một chiều có thể giải quyết được, vì vậy tình trạng bạo lực vẫn diễn ra thường xuyên và kéo dài sang những năm đầu thế kỷ XXI mà chưa hề có tín hiệu chấm dứt đến. Trong thời kỳ mới với những thay đổi của trật tự thế giới mới, cuộc đấu tranh này có những mặt thuận lợi nhất định nhưng cũng phải trải qua không ít thăng trầm. Quá trình hoàn thiện nền độc lập của nhân dân Palestine vẫn chưa có hồi kết thúc khiến cho Trung Đông tiếp tục biến động và khó đoán định.

II- TIẾN TRÌNH VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA CUỘC ĐẤU TRANH

1. Khái quát Tiến trình hòa bình Trung Đông

Sau Chiến tranh lạnh, tình hình thế giới và Trung Đông có nhiều thay đổi. Mỹ trở thành siêu cường duy nhất có quyền lợi và ảnh hưởng nhiều nhất ở Trung Đông. Mỹ cần ở đây một nền hòa bình và an ninh có lợi cho Mỹ. Vì vậy, Mỹ không những cần Israel mà còn cả sự cộng tác của người Ảrập và người Palestine nên Mỹ đã gây sức ép đối với Israel, buộc nhà cầm quyền Israel phải điều chỉnh chiến lược của mình, chuyển từ bành trướng lãnh thổ trong thời kỳ Chiến tranh lạnh sang chiến lược đàm phán với Palestine và thế giới Ảrập, với

nội dung chính là: "đổi đất lấy hòa bình" và an ninh cho Israel. Do vậy, quá trình đấu tranh để có được một nền độc lập thật sự của nhân dân Palestine sau Chiến tranh lạnh (1991-2008) đi liền với nội dung giải quyết mâu thuẫn giữa Israel Palestine còn có một tên gọi mới là: "Tiến trình hòa bình Trung Đông" do Mỹ và các bên liên quan đề xuất. Mục đích cuối cùng của cuộc đấu tranh là tiến tới thành lập Nhà nước Palestine *có biên giới, có chủ quyền, có thể chế chính trị độc lập, có tư cách đàng hoàng* trên các vũ đài quốc tế.

Tiến trình hòa bình Trung Đông sau Chiến tranh lạnh được khởi động bằng Hội nghị Hòa bình Madrid (năm 1991), tiếp đó là Hiệp định Oslo (năm 1993) và hàng loạt các Hiệp ước khác dưới sự bảo trợ của Mỹ. Qua đó, người Palestine dần đạt được những mục tiêu cơ bản cho một quốc gia dân tộc độc lập. Tuy nhiên, do nhiều yếu tố khách quan và chủ quan mà Tiến trình hòa bình Trung Đông cho đến nay vẫn chưa đi đến hồi kết.

a) Hiệp định hòa bình Oslo và quá trình thực hiện

Sau nhiều năm xem nhau như kẻ thù và "*đóng băng*" trong quan hệ giữa hai dân tộc Ảrập và Do Thái, quá trình đàm phán hòa bình giữa Israel và Palestine sau Chiến tranh lạnh được khởi động bằng Hội nghị Hòa bình Madrid năm 1991. Tuy nhiên, hai bên vẫn còn bất đồng về nhiều quan điểm nhất là những vấn đề tranh chấp từ lâu, đặc biệt là thành phố Jerusalem,

khu Bờ Tây, và dải Gaza vốn là nguyên nhân của các cuộc cuộc tranh chấp giữa người Ảrập Palestine - Israel vẫn chưa thể được giải quyết nhanh chóng. Hơn nữa, vấn đề người tị nạn, các khu định cư Do Thái, quy chế tự trị cho Palestine đang còn nhiều tranh cãi và chưa kết thúc. Với sự khởi đầu là tiến trình hòa bình Oslo, các cuộc đàm phán hòa bình giữa người Israel và Palestine đã tạo ra một bước nhảy vọt phi thường về phía trước, mở ra một triển vọng mới cho Tiến trình hòa bình Trung Đông.

Từ tháng 5-1993, đã có những cuộc đàm phán bí mật giữa PLO và Israel tại Oslo (thủ đô Na Uy) và các cuộc đàm phán không chính thức vẫn tiếp tục diễn ra cho đến khi đưa ra *Tuyên bố chung về các nguyên tắc (Declaration of Principles),* viết tắc là DOP vào ngày 19-8-1993. Đây là lần đầu tiên các nhà lãnh đạo của Palestine và Israel đạt được những thỏa thuận quan trọng tạo ra khuôn khổ cho các lĩnh vực đàm phán tiếp theo. *Tuyên bố chung về các nguyên tắc* cũng định ra được một khuôn khổ cho quan hệ tương lai của hai dân tộc.

Kết quả là ngày 10-9-1993, với sự dàn xếp của Mỹ và Ai Cập, tại Washington, Chủ tịch PLO là Y. Arafat và Thủ tướng Israel Y. Rabin đã ký văn kiện công nhận lẫn nhau với tinh thần chung là: phía PLO *"thừa nhận quyền sống của Israel trong hòa bình và an ninh..., từ bỏ việc sử dụng công cụ khủng bố cùng các hình thức bạo động khác..."*. Ngược lại, phía Israel *"quyết định*

công nhận PLO như là đại diện của nhân dân Palestine và bắt đầu thương thuyết với PLO trong khuôn khổ Tiến trình hòa bình Trung Đông". Đây là một bước tiến quan trọng mở đường cho việc lập lại hòa bình ở Trung Đông. Tiếp đó, vào ngày 13-9-1993, tại Washington, Bộ trưởng Ngoại giao Israel, ông Simon Peres và Ủy viên Ban Chấp hành Tổ chức Giải phóng Palestine (PLO) Abbas đã ký Hiệp định Hòa bình và các nguyên tắc trao quyền tự trị hạn chế cho người Palestine ở dải Gaza và thành phố Jericho thuộc Bờ Tây sông Jordan. Chủ tịch PLO Y. Arafat và Thủ tướng Israel Y. Rabin đã bắt tay nhau khi hai ông Peres và Abbas ký Hiệp định này. Hơn 3.000 quan khách, trong đó có Tổng thống Mỹ Bill Clinton, Bộ trưởng Ngoại giao Nga Corudep, hai cựu Tổng thống Mỹ Jimmy Cater và George H. Bush, Bộ trưởng Ngoại giao Na Uy, Chủ tịch Ủy ban châu Âu, Bộ trưởng Ngoại giao Bỉ, đại diện cho Cộng đồng châu Âu (EC) tham dự lễ ký. Những điểm chủ yếu của Hiệp định Gaza và Jericho là:

- *Quyền tự trị* của người Palestine. Thời gian 5 năm dành cho quyền tự trị hạn chế của người Palestine tại dải Gaza và thành phố Jericho thuộc Bờ Tây sông Jordan chính thức bắt đầu từ ngày 13-12-1993. Trước khi bước sang năm thứ hai, hai phía sẽ bắt đầu thương lượng về một hiệp định vĩnh viễn.

Việc Israel rút quân. Israel bắt đầu rút quân khỏi dải Gaza và vùng Jericho vào ngày 13-12-1993, khi một hiệp định nữa sẽ được ký kết bao gồm những điều

khoản chi tiết về sự kiểm soát của người Palestine ở hai khu vực nói trên. Chính quyền lập tức được chuyển từ chính quyền dân sự do quân đội Israel điều hành cho "Những người Palestine được ủy quyền" trong nhiều lĩnh vực như: giáo dục, văn hóa, y tế, phúc lợi xã hội lấy trực tiếp từ thuế và du lịch.

- *Bầu cử.* Người Palestine sẽ tổ chức bầu cử vào ngày 13-4-1994 để chọn ra Hội đồng của người Palestine quản lý dải Gaza và Bờ Tây.

- *An ninh.* Người Palestine sẽ bắt đầu ngay việc xây dựng một lực lượng cảnh sát, nòng cốt của lực lượng này sẽ là các chiến sĩ của PLO ở ngoài khu vực Bờ Tây và dải Gaza.

Giải quyết các cuộc tranh chấp. Các cuộc tranh chấp giữa Israel và Palestine sẽ do một Ủy ban Hỗn hợp, hoặc gọi là Ủy ban Hòa giải quyết định nếu cả hai bên nhất trí.

- *Định cư.* Israel sẽ tiếp tục bảo vệ những người định cư Israel có vũ trang đang sống ở Bờ Tây sông Jordan và dải Gaza.

- *Tị nạn.* Hiệp định quy định về việc thảo luận các biện pháp hồi hương 200.000 người Palestine chạy khỏi Bờ Tây và dải Gaza trong cuộc chiến tranh năm 1967. Hiệp định này không đảm bảo cho việc trở về của họ và tạm ngừng bàn bạc về những người tị nạn từ năm 1948 cho tới các cuộc đàm phán cuối cùng.

- *Jerusalem.* Tương lai Jerusalem vốn được cả người Palestine và Israel tuyên bố là thủ đô của mình tạm

hoãn bàn bạc cho tới các cuộc thương lượng cuối cùng về quy chế.

Viện trợ kinh tế. Hiệp định kêu gọi thiết lập một Ủy ban Hợp tác kinh tế Israel Palestine để thực thi các chương trình phát triển kinh tế cho dải Gaza và Bờ Tây, vốn đã bị kiệt quệ sau những cuộc xung đột.

Đây là một Hiệp định quan trọng có nhiều hy vọng đem lại sự chấm dứt hoàn toàn xung đột hơn 40 năm chiến tranh Trung Đông. Nhiều nước trên thế giới như Anh, Pháp, Đức, Nhật Bản, các nước vùng Vịnh, Pakistan, Trung Quốc, Tòa Thánh Vatican và Cộng đồng châu Âu (EC)...đã hoan nghênh việc ký kết Hiệp định này. Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc coi việc ký kết hiệp định là một sự khai thông đáng kể trong việc giải quyết mâu thuẫn và bắt đầu một Tiến trình hòa bình Trung Đông. EC đã thông qua quyết định viện trợ khẩn cấp 23 triệu USD cho người Palestine ở dải Gaza và thành phố Jericho. Nhiều người Palestine đã đổ xuống đường mừng ngày ký Hiệp định chấm dứt xung đột với Israel. Trong khi đó tại Washington, lại có khoảng 300 người Do Thái theo chủ nghĩa Siôn đã biểu tình phản đối.

Nhìn chung, Hiệp định này được nhiều nước Ảrập và dư luận thế giới hoan nghênh, coi đây là *"bước ngoặt lịch sử quan trọng"*, *"là tia nắng thật sự trong bầu trời u ám ở Trung Đông"*...Lần đầu tiên trong lịch sử, Israel và PLO đã ngồi vào bàn đàm phán đối thoại trực tiếp với nhau và đạt được những thỏa thuận bước đầu tạo cơ

sở cho việc giải quyết vấn đề Palestine cũng như các vấn đề khác ở Trung Đông. Việc Israel và PLO đạt được thỏa thuận Gaza và Jericho cùng với việc hai bên tuyên bố sẵn sàng công nhận lẫn nhau trước khi Hiệp định Gaza và Jericho được ký kết là những sự kiện có ý nghĩa sâu sắc. Từ bao đời nay, vấn đề cốt lõi đồng thời cũng là vấn đề khó khăn phức tạp nhất trong tiến trình hòa bình cho cuộc xung đột giữa các nước ở Trung Đông đã xuất hiện khả năng được tháo gỡ. "*Cái bắt tay lịch sử*" giữa người đứng đầu Israel là Thủ tướng Y. Rabin và người đứng đầu PLO là Y. Arafat, sau gần nửa thế kỷ coi nhau là kẻ thù không đội trời chung, đã được cả thế giới quan tâm theo dõi và phản ứng tích cực. Đây cũng là lần đầu tiên sau 30 năm tồn tại của mình, PLO đã được Mỹ và Israel công nhận là người đại diện của nhân dân Palestine.

Tuy còn không ít trở ngại từ các bên có liên quan, song Hiệp định Gaza và Jericho đã thể hiện mong muốn tìm ra những bước đi phù hợp với tình hình thực tế ở khu vực Trung Đông và việc giải quyết các cuộc xung đột bằng thương lượng hòa bình, tiến tới chấm dứt sự thù địch truyền kiếp giữa hai dân tộc Ảrập và Do Thái. Nó *chấm dứt chiến tranh, đau khổ và tàn phá kéo dài hàng mấy thập kỷ qua ở khu vực, phác ra con đường mới đến cuộc sống hòa bình cho tất cả các dân tộc ở Trung Đông.*

Hơn một tháng kể từ khi Hiệp định Oslo ra đời, tình hình diễn biến ở Trung Đông cho thấy các bên ký kết,

PLO và Israel đang cố gắng từng bước đưa Hiệp định này vào cuộc sống.

Đối với PLO: một trở ngại lớn sau khi Hiệp định được ký kết là giải quyết mâu thuẫn nội bộ. Nhiều nhóm người Palestine phản đối hiệp định. Hai tổ chức Mặt trận Dân chủ nhân dân giải phóng Palestine (PFLP) và Mặt trận Dân chủ giải phóng Palestine (DFLP) đã rút khỏi PLO. Mặc dù phái Fatah (phái lớn nhất trong PLO) cùng Phong trào kháng chiến Hồi giáo Hamas đã ký kết hiệp định tránh xung đột vì lợi ích chung của người Palestine, nhưng cả hai vẫn chủ trương tiến hành các cuộc đấu tranh vũ trang chống sự chiếm đóng của Israel. Điều đáng chú ý là 10 nhóm người Palestine phản đối Hiệp định đã quyết định thành lập một mặt trận chung nhằm thay thế cho PLO, có tên gọi là "Mặt trận Dân tộc, dân chủ và Hồi giáo" (NDIF) nhằm "làm thất bại Hiệp định Gaza - Jericho và cải tổ lại PLO trên cơ sở dân chủ" Thử thách lớn nhất đối với PLO là việc phê chuẩn hiệp định gặp không ít sóng gió, DFLP và PFLP đã tẩy chay và chỉ có 82 trong tổng số 107 thành viên tham dự. Sau nhiều cuộc tranh cãi gay gắt, ngày 12-10-1993, Chính phủ lâm thời Palestine ở dải Gaza và khu Bờ Tây sông Jordan thông qua quyết định thành lập chính quyền dân tộc Palestine do Chủ tịch Y. Arafat lãnh đạo để tiếp quản dải Gaza và Jericho từ Israel trong vòng hai tháng.

Phía Israel: có nhiều hành động thúc đẩy và tạo điều kiện thuận lợi để Hiệp định "Gaza - Jericho" trở thành

hiện thực. Bộ trưởng Ngoại giao S. Peres đã bác bỏ việc các Đảng đối lập ở Israel đòi tổ chức một cuộc trưng cầu ý dân toàn quốc về Hiệp định, và ngày 23-9-1993, Quốc hội Israel đã phê chuẩn Hiệp định này. Từ ngày 13-9-1993, nghĩa là từ ngày ký Hiệp định, Israel cho phép các nhân viên ngoại giao của mình ở các nước tiếp xúc với các đại diện của PLO. Quân đội Israel giảm các cuộc truy lùng du kích Palestine ở các vùng chiếm đóng. Israel cũng nới lỏng lệnh cấm những người Palestine vào Jerusalem và các nơi khác của nước này. Đồng thời, Israel bắt đầu trả lại tự do cho các tù nhân Palestine và cam kết trả tự do cho khoảng 12.000 tù nhân Palestine.

Ngày 13-10-1993, ngày đầu tiên Hiệp định Oslo có hiệu lực, tại thành phố Taba nằm trên bờ Biển Đỏ, giáp với biên giới Ai Cập, PLO và Israel đã bắt đầu các cuộc đàm phán nhằm vạch kế hoạch chi tiết cho việc thực hiện quyền tự trị hạn chế của người Palestine tại các vùng lãnh thổ bị chiếm đóng và việc rút quân đội Israel ra khỏi dải Gaza và thành phố Jericho.

Trước tình hình chuyển biến nói trên, Mỹ cũng đã điều chỉnh chính sách đối với PLO. Washington đã tuyên bố bác bỏ các điều luật cấm tiếp xúc với PLO, hủy bỏ điều luật cấm PLO mở văn phòng đại diện trên đất Mỹ. Cùng lúc đó, Chủ tịch Y. Arafat được đón tiếp trọng thị tại các nước mà ông tới thăm. Địa vị của PLO được nâng cao trên trường quốc tế. Đầu tháng 10-1993, đại diện của 47 nước tham dự Hội nghị quốc tế về viện trợ cho Palestine đã cam kết sẽ viện trợ 600 triệu USD

trong hai năm và 2 tỷ USD trong 5 năm để phát triển kinh tế Palestine trong giai đoạn tự trị. Nhiều nước Ảrập cũng bày tỏ mong muốn thiết lập quan hệ ngoại giao với Israel. Có thể nói rằng, tiến trình thi hành Hiệp định Oslo diễn ra khá thuận buồm xuôi gió.

Diễn biến nói trên cho thấy, "Tiến trình hòa bình Trung Đông" được khởi đầu bằng Hiệp định Oslo đã có những tiến triển mới, mặc dù nhiều nhóm Palestine chưa chấp nhận Hiệp ước này. Tuy nhiên, con đường để đi tới một nền hòa bình bền vững ở Trung Đông, đáp ứng lợi ích của các bên liên quan trong cuộc xung đột Ảrập - Israel lần này vẫn có thể hy vọng một tương lai tươi sáng hơn cho dù chặng đường đó vẫn còn gặp nhiều khó khăn và thử thách.

Điểm nổi bật nhất của Tiến trình hòa bình Trung Đông là việc thực hiện hai giai đoạn của Hiệp định hòa bình giữa PLO và Israel: *thứ nhất là:* rút quân đội Israel ra khỏi Bờ Tây sông Jordan, *thứ hai là:* mở rộng quyền tự trị cho người Palestine ở khu vực này. Các phần tử Hồi giáo cực đoan trong nhóm Hamas và Jihad, cùng những thế lực khác đã tìm mọi cách chống phá việc thực hiện Hiệp định, làm chậm hơn một năm việc thực hiện Hiệp định hòa bình PLO - Israel so với dự kiến ban đầu. Đã có những lúc tưởng chừng như Hiệp định này đang đứng bên bờ vực thẳm của sự tan vỡ. Nhưng sau nhiều lần đàm phán và lui thời hạn, mãi cho đến ngày 24-9-1995, PLO và Israel cũng ký tắt được Hiệp định mở rộng quyền tự do cho người

Palestine ở Bờ Tây sông Jordan tại Jaba (Ai Cập), còn đến ngày 28-9-1995, hai bên chính thức ký Hiệp định này tại Washington (còn gọi là Hiệp định Oslo II). Đây là một bước tiến quan trọng trong tiến trình hòa bình ở Trung Đông và là một thắng lợi quan trọng của cuộc đấu tranh kiên trì, bền bỉ vì các quyền cơ bản của nhân dân Palestine. Theo Hiệp định này, quân đội Israel phải rút khỏi sáu thành phố: Jenin, Nablus, Tuncan, Quanquylya, Bethlehem, Ramallad và 450 làng mạc với dân số 2 triệu người. Sau khi ký Hiệp định, Israel đã bắt đầu thi hành những cam kết.

Song song với quá trình hòa bình giữa Israel PLO, Tiến trình hòa bình Trung Đông còn được triển khai thực hiện giữa các nước Ảrập với Israel. Ngày 25-7-1994 tại Washington, vua Hussein của Gioócđani và Thủ tướng Israel Y. Rabin đã ký "Tuyên bố Washington", chấm dứt tình trạng chiến tranh kéo dài 46 năm và thỏa thuận thiết lập quan hệ hữu nghị hợp tác giữa hai nước. Đây là một mốc quan trọng của quá trình hòa bình ở khu vực Trung Đông.

Thế nhưng lực cản của Tiến trình hòa bình Trung Đông không chỉ đến từ phía các nước Ảrập và các tổ chức cực đoan của người Palestine, mà còn đến ngay từ phía Israel với những người "cánh hữu" cực đoan và những người theo chủ nghĩa Siôn cuồng tín.

Ngày 4-11-1995, Thủ tướng Israel Y. Rabin, một trong những người có nhiều công đóng góp vào Tiến trình hòa bình Trung Đông bị ám sát. Tiến trình hòa

bình Trung Đông tưởng chừng có nguy cơ tan vỡ nhưng nhờ những cố gắng của cả hai bên Israel và PLO, cùng những hoạt động ngoại giao con thoi của Mỹ và Ai Cập, nên sau vụ ám sát ông Y. Rabin, Tiến trình hòa bình Trung Đông vẫn tiến lên phía trước. Cụ thể: cuối năm 1995, quân đội Israel lần lượt rút khỏi sáu thành phố ở Bờ Tây sông Jordan. Ngày 20-1-1996, tại dải Gaza khu vực Bờ Tây sông Jordan và Đông Jerusalem đã diễn ra cuộc bầu cử dân chủ đầu tiên của người Palestine để bầu ra Hội đồng chấp hành tự trị Palestine gồm 88 thành viên. Chủ tịch Y. Arafat được nhân dân tín nhiệm nên đã trúng cử Chủ tịch Hội đồng với hơn 88% số phiếu. Thắng lợi này đặt nền tảng để tiến tới thành lập một Nhà nước Palestine độc lập và tự do.

Tóm lại, Tiến trình hòa bình Trung Đông đã đạt được những bước tiến quan trọng, trong tiến trình đó, không có ai thắng cũng không có ai thua ở Gaza và Jericho mà *hòa bình đã thắng*, lý trí của người Do Thái và Palestine đã từng chung sống với nhau ở vùng đất này từ hàng ngàn năm nay đã thắng. Trong *Kinh Cựu ước* có nói rằng *người Do Thái và Ảrập có cùng chung một tổ tiên là Tộc trưởng Abraham, đã phát hiện ra vùng đất mới và đưa con người đến sinh cư lập nghiệp ở vùng Eretz Israel.* Ngày nay, rõ ràng không có lý do gì mà người Ảrập và người Do Thái không thể hòa giải với nhau. Chủ tịch Y. Arafat thường ví Palestine là một "*ẩn số*" trong" *phương trình Trung Đông*", nay người ta đã tìm ra *ẩn số* này, đó là Tổ chức Giải phóng Palestine

(PLO) trong thỏa thuận Gaza - Jericho. Đây mới chỉ là bước đầu tiên trên con đường chông gai đi tới hòa bình trọn vẹn, bền vững ở Trung Đông. Cuộc xung đột kéo dài hơn nửa thế kỷ, không dễ gì giải quyết một sớm một chiều. Chỉ khi nào các quyền dân tộc cơ bản của người Palestine được đảm bảo, người Palestine có Tổ quốc như người Do Thái thì ở Trung Đông mới có thể có hòa bình bền vững.

b) Các lực lượng tham gia đấu tranh

Kể từ khi nhân dân Palestine bị Israel đẩy ra khỏi lãnh thổ của mình và phải sống phiêu bạt khắp nơi, đã có rất nhiều tổ chức và lực lượng yêu nước ở Palestine được thành lập, họ đều tích cực đấu tranh chống lại Israel nhằm mục đích là giành độc lập cho dân tộc. Tuy vậy, sau Chiến tranh lạnh, trước những biến đổi to lớn của tình hình, tính thích ứng của mỗi tổ chức không giống nhau nên phương pháp đấu tranh của các tổ chức này không còn thống nhất. Sự hoạt động riêng lẻ, thậm chí còn tranh giành quyền lực của từng nhóm vũ trang Palestine làm cho nội bộ bất ổn đã ảnh hưởng đến tiến trình hòa bình. Các lực lượng chính của Palestine hiện nay là:

Thứ nhất: Tổ chức Giải phóng Palestine - PLO:

Với mục đích đoàn kết các lực lượng yêu nước Palestine vào một mặt trận thống nhất trong cuộc đấu tranh chống sự xâm lược của Israel, tháng 1-1964, Hội nghị nguyên thủ các nước Ảrập họp ở Cairô (Ai Cập) đã

quyết định thành lập Tổ chức Giải phóng Palestine (PLO). Tổ chức này được tuyên bố chính thức thành lập ngày 28-5-1964 tại khóa họp thứ nhất của Hội đồng Dân tộc Palestine ở Đông Jerusalem. Khóa họp đã thông qua Hiến chương Dân tộc Palestine đồng thời là Cương lĩnh Chính trị của PLO, trong đó xác định rõ mục đích của PLO là giải phóng tất cả các vùng lãnh thổ Palestine bị Israel chiếm đóng. Ngày 1-1-1965, các lực lượng quân sự của tổ chức Al Fatah (một trong những tổ chức của Phong trào kháng chiến Palestine mà sau này trở thành nòng cốt trong PLO) đã tiến hành thắng lợi chiến dịch quân sự đầu tiên chống quân đội Israel chiếm đóng. Từ đó, ngày 1-1-1965 trở thành ngày kỷ niệm sự ra đời của phong trào kháng chiến Palestine. Hoạt động vũ trang của quân đội cách mạng đã cổ vũ quần chúng nhân dân trong các trại tị nạn và ở các vùng bị Israel chiếm đóng, củng cố thêm lòng tin tưởng của họ vào thắng lợi cuối cùng của sự nghiệp giải phóng Palestine.

Tháng 2-1969, tại khóa họp lần thứ năm của Hội đồng Dân tộc Palestine, đại biểu của tổ chức Al - Fatah ông Y. Arafat được bầu làm Chủ tịch Ban Chấp hành PLO và sau đó làm Tổng Chỉ huy quân đội Palestine. Tính đến tháng 12-1979, PLO đã được 115 nước công nhận là đại diện hợp pháp duy nhất của nhân dân Palestine, tổ chức này có cơ quan đại diện ở 82 nước. Tháng 12-1987, PLO đứng ra lãnh đạo cuộc nổi dậy của nhân dân Palestine ở các vùng bị Israel chiếm đóng. Ngày 15-11-1988, trong khóa họp lần thứ 19 của Hội

đồng Dân tộc Palestine, Chủ tịch PLO, Y. Arafat đã tuyên bố thành lập Nhà nước Palestine độc lập nhưng bị Mỹ và Israel phản đối. Tuy nhiên, việc tuyên bố thành lập Nhà nước Palestine, với quan điểm mềm dẻo của PLO và sự ủng hộ rộng rãi của dư luận quốc tế đã mở đường cho một giải pháp hòa bình ở Trung Đông. Sau Chiến tranh lạnh, với chính sách ôn hòa, PLO đã được chọn làm đại diện hợp pháp duy nhất của phong trào giải phóng dân tộc Palestine ký Hiệp định Oslo và thực hiện Tiến trình hòa bình Trung Đông Tuy nhiên, PLO cũng bị chỉ trích rất nhiều từ các nhóm Hamas và Jihad quá khích vốn chủ trương chống Israel đến cùng. Do vậy, sau khi Arafat qua đời, các nhóm này đã đấu tranh với Fatah, không công nhận PLO là tổ chức độc quyền lãnh đạo Palestine và đòi chia xẻ quyền lực cho Hamas, Jihad trong các cuộc bầu cử.

Thứ hai: Phong trào kháng chiến Hồi giáo Hamas:

Hamas là tên gọi tắt những chữ đầu tiếng Ảrập của "Phong trào kháng chiến Hồi giáo", thuộc giáo phái Sunni. Đây là tổ chức quân sự lớn nhất Palestine, tuyên bố thành lập vào ngày 15-12-1987.

Bị Israel, Mỹ, EU dán nhãn khủng bố, nhưng những người ủng hộ coi đây là lực lượng chiến đấu hợp pháp bảo vệ người Palestine khỏi bị chiếm đóng tàn bạo của Israel. Mục tiêu ngắn hạn của tổ chức này đuổi Israel ra khỏi những vùng lãnh thổ bị chiếm đóng của Palestine. Họ hy vọng sẽ đạt được mục tiêu này thông qua các cuộc tấn công vào quân đội Israel và những

người định cư Do Thái trên lãnh thổ Palestine, thậm chí chống lại cả dân thường Israel.

Còn mục tiêu dài hạn là thành lập một Nhà nước Hồi giáo tại "lãnh thổ Palestine bị chiếm đóng" Theo quan điểm của Hamas, "lãnh thổ Palestine bị chiếm đóng" bao gồm toàn bộ lãnh thổ Israel hiện nay cùng với Gaza và Bờ Tây. Họ hoàn toàn bác bỏ việc thành lập Nhà nước Israel năm 1948 và công khai phấn đấu để xóa bỏ "thực thể Do Thái Israel" hiện nay. Đây không phải vấn đề "không công nhận Israel", mà là "không công nhận sự tồn tại của Israel"

Hamas chia hoạt động thành hai lĩnh vực chính gồm các chương trình xã hội như xây dựng trường học, bệnh viện và các cơ sở tôn giáo. Còn các hoạt động quân sự và các vụ tấn công khủng bố do các lữ đoàn "tử vì đạo" (Al-Qassam) thuộc phái vũ trang bí mật của Hamas thực hiện. Nhưng càng ngày, tổ chức này càng dính đến các hoạt động chính trị của Palestine cả trong vùng lãnh thổ bị chiếm đóng đến các chi nhánh người Palestine lưu vong.

Hamas là tổ chức đầu tiên trong các lực lượng kháng chiến Palestine phản đối Hiệp định Oslo tiến trình hòa bình do Mỹ đỡ đầu nhằm từng bước và từng phần rút Israel ra khỏi vùng đất họ chiếm đóng để đổi lại Palestine đảm bảo an ninh cho Israel. Mặc dù bị Israel tung ra vô số chiến dịch nhằm tiêu diệt lực lượng này và chính sách khẩn cấp của chính quyền Palestine do Y. Arafat ngăn cản, nhưng Hamas vẫn thực hiện các

mục tiêu của mình bằng những vụ tấn công tự sát. Ví như: Trong tháng 1 và tháng 3-1996, Hamas thực hiện nhiều vụ đánh bom tự sát nhằm vào xe buýt, giết chết gần 60 người Israel để trả dũa nhà chế tạo bom Yahya Ayyash của họ bị quân Israel pháo kích giết chết hồi tháng 12-1995.

Trong thời kỳ "hậu Oslo", đặc biệt tiếp theo thất bại của Tổng thống Mỹ Bill Clinton tại cuộc họp thượng đỉnh ở Trại David hồi mùa hè năm 2000 và ngay sau đó là Intifada lần 2, Hamas đã giành được quyền lực và ảnh hưởng trong cộng đồng người Palestine khi Israel phá hoại cơ cấu quyền lực của Tổng thống Y. Arafat và chính quyền của ông. Trong những thành phố và trại tị nạn bị quân đội Israel bao vây, Hamas đã tổ chức các bệnh viện và trường học để phục vụ người Palestine, những người hoàn toàn chán nản trước nạn tham nhũng và sự thiếu năng lực của chính quyền Palestine (PA).

Nhiều người Palestine hoan nghênh làn sóng tấn công tự sát của Hamas (và của những chiến binh Hồi giáo anh em Jihad và lữ đoàn tử vì đạo Al Aqsa). Họ coi tử vì đạo là cách tốt nhất để trả thù những mất mát của họ mà Israel đã gây ra và xóa đi những khu định cư mà Israel dựng lên ở Bờ Tây.

Hamas chống lại tất cả mọi nỗ lực mà PLO đã thỏa thuận ký kết với Israel, cũng như công nhận tính hợp pháp của Israel và từ bỏ đấu tranh vũ trang. Tuy nhiên, họ cũng đồng ý với điều kiện 10 năm ngưng chiến để

đổi lại Israel rút hoàn toàn ra khỏi những vùng lãnh thổ đã chiếm đóng hồi năm 1967: Bờ Tây, dải Gaza, và Đông Jerusalem. Nhưng họ kiên quyết không nhượng bộ việc những người tị nạn Palestine (từ năm 1948) không được phép trở về nhà của mình - nơi hiện đã trở thành của Israel, động thái đe dọa đến sự hiện hữu của Israel với tư cách Nhà nước Do Thái. Các cuộc tấn công của Hamas vào Israel tiếp tục diễn ra với cường độ nhanh hơn và dày hơn. Các vụ đánh bom "liều chết" của Hamas làm hàng trăm người chết. Tuy nhiên, cuối cùng Hamas cũng nhận ra rằng những hành động bạo lực đó không giải quyết được vấn đề. Như Abdel Aziz Rantissi, thủ lĩnh chính trị của Hamas nói: "Mục tiêu chính của phong trào nổi dậy là giải phóng khu Bờ Tây, dải Gaza và Jerusalem. Chúng tôi không buộc phải giải phóng toàn bộ lãnh thổ của mình. Điều cấm kị trong tôn giáo của chúng tôi là việc từ bỏ một phần lãnh thổ, do đó chúng tôi không thể công nhận Israel, nhưng có thể chấp nhận một hiệp định ngừng bắn với họ, chúng tôi có thể sống bên cạnh nhau và chuyển tất cả các vấn đề chưa giải quyết cho thế hệ tới"[1].

Thứ ba: Nhóm vũ trang Hồi giáo Jihad:

Được thành lập năm 1980 dưới sự ủng hộ của Iran, nhóm Hồi giáo quá khích lâu đời nhất của Palestine -

---

1. Thông tấn xã Việt Nam: *Trung Đông: Lộ trình hoà bình đang bị đe doạ bởi các vụ đánh bom*, Tài liệu tham khảo đặc biệt ngày 18-4-2005, tr.13.

nhóm Jihad - đã dấy lên cuộc đấu tranh vũ trang chống lại Nhà nước Do Thái. Đầu tiên, Jihad liên kết với tổ chức Fatah của ông Y. Arafat trong PLO. Nhóm Jihad là tổ chức đầu tiên dấy lên Phong trào Intifada lần thứ nhất kéo dài từ năm 1987 1993 sau cái chết của bốn thành viên Jihad hồi tháng 10-1987. Cùng với Hamas, Jihad đã liên kết với nhau trong cuộc chiến đấu chống Israel, họ có chung mục đích và phương pháp với nhau nhưng không được dân chúng ủng hộ và cũng không có các dịch vụ xã hội lấy lòng dân như Hamas. Quan điểm của Jihad là cuộc xung đột Ảrập - Israel chỉ có thể giải quyết qua đối đầu vũ trang, đặc biệt là các cuộc đánh bom liều chết chống lại người Israel.

Jihad đã tẩy chay cuộc bầu cử chính quyền Palestine hồi tháng 1-1996 gây ra những khó khăn cho ông Arafat. Chính Jihad đã thực hiện các vụ đánh bom cảm tử ở Tel Aviv năm 1995 và năm 1996 làm 33 người Israel thiệt mạng để chống lại chính quyền Công đảng Israel đã ủng hộ tiến trình hòa bình với người Palestine. Jihad dã nhiều lần chọn giải pháp đối đầu với cả chính quyền Palestine lẫn Hamas.

Thứ tư: Phong trào Intifada:

Những người Palestine "*trong nước*" lại tiếp tục cuộc đấu tranh chống sự chiếm đóng vào tháng 12-1987 bằng cuộc phát động phong trào nổi dậy Intifada và kéo dài trong sáu năm đến năm 1993. Không chỉ là cuộc nổi dậy mang tính dân tộc, đây còn là một cuộc nổi dậy mang tính xã hội mà lâu nay các nhà chức trách Israel

vẫn đánh giá thấp. Cuộc nổi dậy xuất phát từ một bộ phận dân chúng sống trong sự chiếm đóng quân sự vốn đã khó khăn, lại càng thêm trầm trọng do việc xây dựng các khu định cư Do Thái thường dành cho những người Do Thái có tư tưởng dân tộc chủ nghĩa nhất. Các thanh thiếu niên đã chống lại binh lính Israel bằng cách ném đá, do vậy mà người ta còn gọi cuộc nổi dậy này là "*Cuộc chiến tranh ném đá*". Về sau, họ tự vũ trang cho mình bằng những cái chai chứa dung dịch gây cháy, những quả lựu đạn, súng bắn lửa và chất nổ. Phong trào lại tiếp tục bùng lên lần thứ hai vào năm 2000 sau sự kiện thủ lĩnh Đảng Likud đối lập của Israel Ariel Sharon bị những người Palestine căm ghét, đã tới thăm khu thành phố Jerusalem của người Hồi giáo vì họ cho rằng hành động đó đã "làm ô uế" ngôi đền thiêng liêng thứ ba của họ. Sự kiện này đã khiến cho mối quan hệ Palestine và Israel liên tục nổ ra xung đột đẫm máu suốt mấy năm liền. Hầu hết các cuộc xung đột theo hình thức này đã gây nên những thiệt hại về người cho chính quyền Israel, nhưng nó cũng làm cho con số thương vong và tàn tật suốt đời đối với nhân dân Palestine lên tới hàng chục nghìn người. Tính đến tháng 5-2003, đã có 3.100 người bị chết trong các cuộc xung đột này, trong số đó có 2.400 người Palestine[1].

---

1. Xem: Đỗ Đức Định: *Trung Đông những vấn đề và xu hướng kinh tế - chính trị trong bối cảnh quốc tế mới*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 2008, tr.176.

Qua các vụ bắn giết, bắt bớ, và đánh đập cộng với lệnh giới nghiêm được thiết lập, hàng nghìn người Palestine bị bắt, tra tấn hoặc giam giữ trong những điều kiện hết sức tồi tệ.

Thứ năm: Lực lượng người Palestine ở nước ngoài:

Trong quá trình đấu tranh giành độc lập dân tộc của nhân dân Palestine, không chỉ có lực lượng trong nước mà còn một bộ phận quan trọng khác góp phần không nhỏ vào sự nghiệp cách mạng Palestine. Đó là lực lượng người Palestine lưu vong ở nước ngoài. Đây là những người Ảrập Palestine lưu vong sang một số nước Ảrập trong các cuộc chiến tranh Trung Đông hoặc đã sinh sống ở đó từ trước. Họ đã từng bước hòa nhập và trở thành người bản địa ở vùng đất này. Tuy nhiên, họ không quên gốc rễ và nguồn cội của mình là những người Ảrập Palestine nên phải có trách nhiệm đấu tranh đòi lại đất và chủ quyền quốc gia trước sự xâm chiếm của Israel. Trong số đó, phải kể đến lực lượng du kích Hezbollah (theo tiếng Ảrập có nghĩa là "đảng của Chúa trời") ở Libăng. Được thành lập từ năm 1982, du kích Hezbollah là một tổ chức quân sự và chính trị mạnh, có nhiều ghế trong Quốc hội và nội các ở Libăng. Mặc dù là lực lượng vũ trang của Libăng, nhưng du kích Hezbollah có chung nguồn cội với người Ảrập Palestine nên cùng "*chia lửa*" với các nhóm vũ trang Palestine trong cuộc đấu tranh đòi lại đất đai, thả các tù nhân người Ảrập và chống lại sự chiếm đóng của Israel. Đến tháng 5-2000, Israel tuyên bố rút khỏi các

vùng dất của Libăng. Mặc dù bị Mỹ và Israel liệt vào danh sách các tổ chức khủng bố, nhưng những hoạt động vũ trang của Hezbollah và các nhóm vũ trang Palestine tạo nên sức mạnh nội lực và ngoại lực trong mục tiêu giải phóng dân tộc của nhân dân Palestine.

Nhìn chung, các lực lượng tham gia đấu tranh đều có chung một mục tiêu đó là *loại bỏ Israel ra khỏi lãnh thổ bị chiếm đóng, thành lập một quốc gia dân tộc Palestine có chủ quyền*. Tuy nhiên, phương pháp hành động, quan điểm đấu tranh lại khác nhau, thậm chí một số tổ chức bị liệt vào danh sách khủng bố cho nên khó có tiếng nói chung tạo nên sự thống nhất trong phương thức giành độc lập, kéo dài tiến trình thành lập một Nhà nước Palestine độc lập. Đây được xem là một hạn chế lớn nhất trong quá trình đấu tranh giành độc lập dân tộc của nhân dân Palestine sau Chiến tranh lạnh. Như vậy, từ sự kiện Hiệp định Oslo (1993) được ký kết giữa các nhà lãnh đạo của hai dân tộc, thế giới lại được hy vọng Tiến trình hòa bình Trung Đông sẽ tạo nên bước chuyển biến mạnh mẽ, đưa tới một giải pháp hòa bình bền vững cho vùng "đất nóng" này. Tuy nhiên, trên thực tế tiến trình lại diễn ra theo chiều hướng ngược lại để rồi từ đó tới nay, cuộc xung đột Israel Palestine vẫn tiếp diễn và rơi vào bế tắc.

2. Nội dung cơ bản của cuộc đấu tranh

Cuộc đấu tranh giành độc lập dân tộc của nhân dân Palestine sau Chiến tranh lạnh (1991-2008) diễn ra

trong bối cảnh tình hình thế giới có nhiều biến đổi và được chia làm hai giai đoạn chính bắt đầu từ Hội nghị Hòa bình Trung Đông Madrid (1991) đến Hội nghị Quốc tế Paris (7-2008). Trong tiến trình này, cuộc đấu tranh đã diễn ra trên nhiều lĩnh vực với những hình thức phong phú dưới sự ảnh hưởng mạnh mẽ của Hoa Kỳ và các bên liên quan. Nhìn chung, trải qua nhiều thăng trầm trên con đường tiến tới một nền hòa bình bền vững, cuộc xung đột Israel Palestine đến nay vẫn chưa có hồi kết.

a) Giai đoạn 1991-2001

Đây là giai đoạn mà cuộc đấu tranh giành được những kết quả quan trọng, nhất là trên lĩnh vực chính trị ngoại giao với sự hoạt động tích cực của Chủ tịch Arafat, tạo dấu ấn lớn cho việc khởi động lại tiến trình hòa bình. Đồng thời, điều này còn làm nền tảng cho các cuộc đàm phán song phương, giải quyết nhiều vấn đề còn tồn tại ở giai đoạn sau. Giai đoạn này bắt đầu khởi động bằng Hội nghị Hòa bình Trung Đông Madrid và kết thúc với sự kiện khủng bố nước Mỹ ngày 11-9 đã tác động mạnh mẽ tới vai trò người bảo trợ cho Tiến trình hòa bình Trung Đông của Washington.

Trên lĩnh vực chính trị - ngoại giao:

Sau nhiều năm bế tắc trong đàm phán ngoại giao giữa Israel và các nước Ảrập về cuộc xung đột Trung Đông, ngày 30-10-1991, Israel và bốn nước Ảrập: Libăng, Xyri, Gioócđani, Baranh bắt đầu tổ chức Hội

nghị Hòa bình Trung Đông tại Madrid. Đó là một nội dung lớn trong năm 1991 được cả thế giới chú ý. Trong lịch sử, hai bên đã năm lần giao chiến, luôn luôn thù địch với nhau, xem nhau như kẻ thù không đội trời chung, mà nay lại cùng ngồi chung bên bàn đàm phán, quả thật là một việc lớn có ý nghĩa lịch sử. Đồng thời đó là một khâu đột phá quan trọng của Mỹ trong việc lập *"trật tự mới sau Chiến tranh lạnh"* ở khu vực Trung Đông.

Hội nghị Hòa bình Trung Đông được bắt đầu sau khi có những biến đổi hết sức quan trọng của tình hình thế giới và khu vực sau Chiến tranh lạnh.

Trước hết, bối cảnh cuộc xung đột giữa Ảrập và Israel tồn tại từ lâu là sự tranh giành giữa hai nước siêu cường Mỹ - Xô. Sau khi Liên Xô giải thể, Đông Âu biến đổi dữ dội, cục diện hai nước bá quyền tranh giành khống chế thế giới không còn nữa. Ở khu vực Trung Đông, Mỹ Xô từ đối kháng đi đến hòa giải hợp tác, sự thay đổi tình hình to lớn ấy là nguyên nhân bên ngoài loại bỏ những trở ngại cho việc triệu tập Hội nghị Hòa bình Trung Đông. Hơn nữa, sau chiến tranh vùng Vịnh lần thứ nhất, ảnh hưởng và thế lực của Mỹ ở khu vực Trung Đông được tăng cường hơn trước, uy tín cũng được nâng lên rất cao, lập trường của thế giới Ảrập đối với Mỹ cũng có sự thay đổi rất lớn. Các nước vùng Vịnh như Ảrập Xêút, Côoét càng phải dựa vào Mỹ về mặt quân sự. Còn Palestine, vì trong chiến tranh vùng Vịnh nghiêng về Irắc nên bị các nước Ảrập ôn hòa lạnh nhạt,

chiến sự đã gây nhiều mất mát to lớn cho nhân dân Palestine, nhưng vẫn chưa thực hiện được mục tiêu tự trị và dựng nước của họ. Sự mong muốn thiết tha của nhân dân Palestine là tranh thủ được sự ủng hộ của các nước, thoát khỏi sự cô lập, thực hiện nguyện vọng lâu dài của mình. Vấn đề Palestine là vấn đề cốt lõi của sự tranh chấp trong đàm phán hòa bình Ảrập Israel, nhưng sự bất đồng giữa hai bên Palestine và Israel về vấn đề tự trị của người Palestine vẫn còn rất lớn.

Hai bên Palestine và Israel, trong đàm phán về quyền tự trị, từ cái khung chung đến cách tiến hành đàm phán, đều có bất đồng về nguyên tắc. Cái khung chung của Israel đến nay vẫn chưa thay đổi, tức là lấy nguyên tắc của Hội nghị Thượng đỉnh Trại David để xử lý vấn đề Palestine, kiên trì đi hai bước. *Giai đoạn thứ nhất* là dựa theo "Bản ghi nhớ thông cảm" do các nước đề xướng tại hội đàm Madrid đã nêu lên là bắt đầu từ việc đàm phán về quyền tự trị; *giai đoạn thứ hai,* tức vấn đề quy thuộc cuối cùng của lãnh thổ bị chiếm, cần chờ sau thời kỳ quá độ 5 năm sẽ đàm phán. Cho nên, từ ngày 31-1-1992, tức vòng đàm phán thứ ba của hai bên, Israel luôn luôn tính toán tách riêng hai giai đoạn. Nhưng cái khung chung của Palestine lại kiên trì hai giai đoạn không thể chia cắt được là quyền tự trị của lãnh thổ bị chiếm và xác định địa vị cuối cùng của nó; kết quả của giai đoạn tự trị trong thời hạn một năm tất nhiên sẽ dẫn đến sự khôi phục quyền tự quyết của Palestine. Vì vậy, cách đàm phán của Palestine là

mong muốn trước hết giữa Palestine Israel đã đạt được những nguyên tắc chung cơ bản giải quyết vấn đề Palestine, sau đó lần lượt đàm phán những vấn đề cụ thể của hai giai đoạn.

Về thực chất, sự bất đồng căn bản giữa hai bên là vấn đề vị trí cuối cùng của Palestine. Ngày 19-12-1992, Thủ tướng Israel Y. Rabin nhấn mạnh rằng, Israel không thể đồng ý việc Chính phủ Palestine tự trị có quyền lập pháp, vì điều ấy có thể dẫn đến việc thành lập một Nhà nước Palestine độc lập. Nhưng những người Palestine đã kiên trì, tiếp tục đấu tranh cho Palestine trở thành một thực thể quốc gia độc lập, giành lại chủ quyền lãnh thổ. Lúc này, phía Ảrập gửi gắm hy vọng rất lớn vào Mỹ với tư cách là người bảo trợ cho tiến trình hòa bình, có thể gây sức ép nhất định với Israel, thúc đẩy họ có những nhượng bộ nào đó. Mặc dù Mỹ suy tính đến lợi ích chiến lược lâu dài của họ, nhưng cũng không thể làm gì trước vấn đề phức tạp này ở Trung Đông.

Trong đàm phán hòa bình Ảrập Israel, Mỹ luôn luôn bày tỏ là người hòa giải, không gây sức ép đối với bất kỳ nước nào, nhưng trên thực tế ảnh hưởng của họ vẫn tồn tại. Mỹ đã mềm dẻo tác động vào các bên, đạt được nghị quyết về tự trị hạn chế của người Palestine đối với lãnh thổ bị chiếm với mức độ Israel có thể chấp nhận được, đồng thời cũng đạt được mục đích là xây dựng một căn cứ quyền lực cho người Palestine tại chỗ, độc lập với Tổ chức giải phóng Palestine.

Tuy nhiên, sự tranh chấp Ảrập - Israel là do nhiều nguyên nhân và đã tồn tại từ lâu nên việc đàm phán đi đến giải quyết các tranh chấp này rất khó khăn và phức tạp. Hơn nữa, cuộc đấu tranh trên bàn đàm phán nhiều lúc còn phải chịu tác động của sự can thiệp từ nhiều phía khác nhau. Cho nên, đạt được một hiệp định hòa bình ngay sau đó là điều không dễ dàng.

Trong nỗ lực tìm kiếm một hiệp định có lợi cho nhân dân Palestine trên con đường đòi lại chủ quyền lãnh thổ, ngày 13-9-1993, Hiệp định Oslo được ký kết chính thức giữa Israel và PLO tại Washington với sự chứng kiến của đại diện Mỹ, Nga và nhiều nước trên thế giới. Theo đó, Israel sẽ rút khỏi Gaza và Jericho với diện tích 385 km^2 và 72 vạn dân (trong tổng số hơn 11.000km^2 lãnh thổ Palestine bị Israel chiếm đóng), trao quyền tự trị hạn chế cho người Palestine có thẩm quyền; chín tháng sau người Palestine trong các vùng bị chiếm, kể cả vùng Đông Jerusalem, sẽ bầu ra hội đồng tự quản của mình trong thời hạn 5 năm; bắt đầu từ năm thứ ba sau khi thỏa thuận được ký, Israel và PLO sẽ bàn quy chế cuối cùng về các vấn đề người tị nạn, biên giới, an ninh mà hai bên cùng quan tâm. Đây là một bước tiến mới trên con đường tìm giải pháp hòa bình trong những lần đàm phán tiếp theo cho hai quốc gia. Tuy nhiên, hoàn cảnh khách quan sau đó đã không cho phép hiệp ước này thực hiện trọn vẹn trên thực tế, đã nhiều lần tiến trình hòa bình lại lỗi hẹn. Nhưng liên tiếp những năm sau đó, nhờ những cố gắng của Israel, PLO, rồi

những hoạt động ngoại giao "con thoi" của Mỹ và Ai Cập sau vụ ám sát ông Y. Rabin, Tiến trình hòa bình Trung Đông vẫn tiến lên phía trước với những bước đi nhanh hơn. Nhân dân Palestine đã đạt được một số kết quả nhất định trong quá trình đấu tranh đàm phán với Israel về đường biên giới và quyền tự trị.

Ngày 4-5-1994, tại Cairo (Ai Cập) Hiệp định về nền tự trị của Palestine tại dải Gaza và Jericho được ký kết giữa Israel và PLO. Tiếp đó, ngày 28-9-1995, tại Washington, hai bên lại ký thêm một hiệp định nữa (Hiệp định Oslo II) về việc Israel trao trả thêm một phần khu vực Cis Jordan (Bờ Tây sông Jordan) gồm sáu tỉnh và 4.500 ngôi làng của người Palestine, chiếm 30% diện tích và 90% dân số Bờ Tây sông Jordan. Và cuối cùng, điểm mấu chốt là: sau giai đoạn tự trị tạm thời 5 năm, đến ngày 4-5-1999 phải kết thúc mọi thương thuyết về một quy chế chính thức của người Palestine.

Lần đầu tiên sau nhiều năm đấu tranh trên bàn đàm phán ngoại giao, nhân dân Palestine đã được thực hiện quyền cơ bản của mình là bầu cử chọn ra người có tâm huyết cho cuộc đấu tranh giành độc lập. Ngày 20-1-1996, theo quy định của Hiệp định Oslo II, tại dải Gaza, khu vực Bờ Tây sông Jordan và Đông Jerusalem, đã tiến hành cuộc bầu cử dân chủ đầu tiên của người Palestine bầu ra Hội đồng chấp hành tự trị Palestine gồm 88 thành viên dưới sự giám sát của các quan sát viên quốc tế. Chủ tịch Y. Arafat trúng cử

Chủ tịch Hội đồng với hơn 88% số phiếu. Thắng lợi này đặt nền tảng để tiến tới thành lập một Nhà nước Palestine độc lập và tự do. Thế nhưng, sau đó phía Israel không chịu thực hiện tiếp những cam kết của mình, họ viện cớ cho rằng nền an ninh của Israel vẫn chưa được đảm bảo nên chưa thể thương thuyết về một nền độc lập của Palestine.

Đến tháng 6-1996, sau khi Thủ tướng Y. Rabin bị ám sát, Công đảng thất cử và đảng cực hữu Likud lên nắm quyền, ông Benjamin Netanyahu trở thành Thủ tướng Israel. Sau khi thắng cử, ông ta đã phải hứng chịu sự tấn công từ nhiều phía. Trước hết là sức ép của Mỹ trong việc thực hiện tiến trình hòa bình, tiếp theo phe cánh hữu buộc tội ông ta đã nhượng bộ người Palestine quá nhiều, trong khi phe tả lại khó chịu trước sự đình trệ của tiến trình hòa bình. Đầu tháng 6-1997, B. Netanyahu trình bày một kế hoạch trong đó đề nghị trả lại đất cho người Palestine - lần đầu tiên xảy ra đối với một Thủ tướng thuộc Đảng Likud. Kế hoạch này cùng với sự chấp thuận các điều khoản của thỏa ước Oslo là những bước đi đầu tiên ra khỏi đường lối tư tưởng cứng rắn mà ông ta được thừa hưởng từ cha mình.

Tháng 10-1998, Hiệp định Oai Rivơ được ký kết. Hiệp định này quy định Israel trao thêm 10% khu Bờ Tây cho người Palestine kiểm soát, thả hàng trăm tù nhân Palestine và tiến hành các biện pháp nhằm mở rộng quyền tự trị của người Palestine. Cũng trong

tháng này, một hiệp định quan trọng khác được ký kết là Hiệp định Wye ký ngày 23-10-1998 sau chín ngày làm việc căng thẳng ở bang Maryland của Mỹ với sự chứng kiến của Tổng thống Bill Clinton và Quốc vương Jordan là ông Hussein. Theo đó, Israel phải rút quân khỏi 13% Bờ Tây (thực thi trong 90 ngày), mảnh đất nằm ở Đông Israel và bị quân Israel chiếm giữ trong cuộc chiến 1967. Trong đó các cuộc rút quân của Israel đã nới rộng thêm 40% Bờ Tây cho Palestine. Hiệp định Wye cũng yêu cầu Isarel mở tự do cho tuyến đường "hành lang hòa bình" giữa Bờ Tây và dải Gaza mà Israel thường xuyên khóa chặt vì vấn đề an ninh. Việc này khiến cho mậu dịch và kinh tế Palestine bị hạn chế nhiều. Ngoài ra, Israel cũng đồng ý cho Palestine mở một phi trường và một công viên công nghiệp ở Gaza, đó là còn chưa kể chuyện thả các tù nhân Palestine (700 tù nhân, thực thi ba giai đoạn). Đổi lại, Palestine chấp nhận đảm bảo an ninh cho Israel khỏi các đe dọa khủng bố từ các nhóm quá khích như Hamas. Hiệp định Wye tuy đã được những bước tiến đáng kể trong việc thực hiện Tiến trình hòa bình, nhưng vấn đề cốt lõi là việc thành lập Nhà nước Palestine vẫn tiếp tục bị trì hoãn.

Ngày 13-9-1999, Thủ tướng người của Công đảng, ông Ehud Barak (đắc cử tháng 5-1999) lại ký thêm một giao ước với Arafat để bổ sung cho Hiệp định Wye. Giao ước này chọn ngày 13-9-2000 là thời hạn cuối cùng cho việc hai bên cùng thống nhất ký một hiệp ước chung cuộc.

Nhưng trước đó, vào ngày 11-7-1999, tại một căn cứ quân sự Israel ở cửa khẩu Erez nằm trên biên giới Israel Gazza, đã diễn ra cuộc gặp cấp cao chính thức đầu tiên giữa lãnh đạo hai nước trong nỗ lực làm sống lại Tiến trình hòa bình Trung Đông và khẳng định lại cam kết chấm dứt nhiều năm xung đột giữa nhân dân hai quốc gia này.

Cuộc gặp quan trọng này được đánh giá là thành công trong bối cảnh quá trình hòa bình bị bế tắc dưới thời Thủ tướng B. Netanyahu. Sau một giờ hội đàm với Tổng thống Y. Arafat, lần đầu tiên Thủ tướng E. Barak đã cam kết rằng, Chính phủ Israel dứt khoát sẽ thực hiện Hiệp định Oai Rivơ. Tuy nhiên, Thủ tướng E. Barak cho biết, ông sẽ hoãn thực thi một số điểm trong Hiệp định trên cho đến khi nào cả hai bên thương lượng được cái gọi là thỏa thuận về quy chế cuối cùng liên quan đến vấn đề biên giới và quyền làm chủ đất đai của người Palestine.

Trong khi đó, Tổng thống Y. Arafat bày tỏ tin tưởng hai bên cùng nhau thực hiện Tiến trình hòa bình Trung Đông một cách nghiêm túc và chân thành, nhưng đồng thời cũng bác bỏ việc thay đổi Hiệp định Oai Rivơ dưới bất kỳ hình thức nào và nhấn mạnh Israel phải ngừng mọi hoạt động xây dựng các khu định cư người Do Thái tại các vùng đất vốn là của Palestine bị Israel chiếm dóng, nơi người Palesrine hy vọng sẽ thành lập một Nhà nước độc lập. Tổng thống Y. Arafat cũng đưa ra cam kết mạnh mẽ chống lại những hành động bạo lực

do những phần tử cực đoan tiến hành chống lại Tiến trình hòa bình Trung Đông.

Đến ngày 23-8-1999, các nhà thương lượng Israel và Palestine đã đạt được thỏa thuận mới thi hành hai khía cạnh trong Hiệp định hòa bình Oai Rivơ: *Một là*, để cho người Palestine được đi lại tự do hơn giữa dải Gaza và Bờ Tây sông Jordan bắt đầu từ ngày 1-10-1999. *Hai là*, để vùng lãnh thổ ở dải Gaza có hải cảng riêng, bắt đầu xây dựng vào ngày 1-10-1999. Tuy nhiên, hai bên vẫn chưa đạt được thỏa thuận về lịch trình rút quân đội Israel khỏi Bờ Tây và việc Israel trả tự do cho tù nhân Palestine.

Sau cuộc họp ba giờ tại Jerusalem, trưởng đoàn thương lượng Palestine là Saeb Erekat hy vọng sẽ đạt được hiệp định về lịch trình rút quân Israel khỏi Bờ Tây vào ngày 26-8-1999. Palestine sẽ trao cho phía Israel danh sách cảnh sát Palestine, thu giữ vũ khí bất hợp pháp, thực thi mọi cam kết theo Hiệp định hòa bình Oai Rivơ.

Ngày 4-9-1999, với sự chứng kiến của Tổng thống Ai Cập H. Mubarak, Vua Gioócdani Apdulla, Tổng thống Palestine Y. Arafat và Thủ tướng Israel E. Barak đã ký thỏa thuận thực thi Hiệp định hòa bình Oai Rivơ. Ngày 5-9-1999, với 21 phiếu thuận và 2 phiếu chống, Chính phủ Israel đã thông qua bản thỏa thuận này và sẽ trình Quốc hội Israel thông qua vào ngày 8-9-1999.

Thỏa thuận vừa ký đặt thời hạn một năm cho các bên đàm phán để thực hiện các điều khoản Oai Rivơ, trong đó có việc rút quân Israel khỏi Bờ Tây trong vòng năm

tháng, trao trả tù binh, mở cảng biển Gaza và lập một hành lang giao thông an toàn từ Gaza sang Bờ Tây.

Tổng Thư ký Liên hợp quốc Kofi Annan và Tổng thống Mỹ B. Clinton tỏ ý hoan nghênh thỏa thuận (còn được gọi là Hiệp ước Oai Rivơ 2) này và coi đây là bước tiến quan trọng tới việc ký các thỏa thuận hòa bình mới nhằm "*kiến tạo một nền hòa bình lâu dài và hiểu biết*" cho cả khu vực Trung Đông bao gồm cả Xiri và Libăng. Tuy nhiên ông B. Clinton cũng cho rằng, từ nay đến lúc đạt được mục tiêu đó, còn "rất nhiều việc phải làm". Tổng thống Ai Cập H. Mubarak nói, mục tiêu của Tiến trình hòa bình Trung Đông là "đạt được một hiệp định hòa bình công bằng về quy chế cuối cùng cho Bờ Tây sông Jordan và dải Gaza"[1].

Dư luận báo chí các nước vùng Vịnh đánh giá Oai Rivơ 2 là một bước tiến tích cực nhằm khởi động lại Tiến trình hòa bình Trung Đông bị bế tắc trong nhiều tháng qua nhưng tỏ ý nghi ngờ sự tôn trọng cũng như thái độ nghiêm chỉnh trong việc thực hiện thỏa thuận của chính quyền E. Barak.

Với những gì đã đạt được trong các vòng đàm phán, ngày 4-5-1999 là cột mốc đánh dấu sự kết thúc của quá trình chuyển tiếp 5 năm mà qua đó Israel sẽ rút quân từ từ khỏi Bờ Tây và Palestine sẽ thiết lập một nhà nước độc lập hoàn toàn. Đó là ngày mà người dân Palestine

---

1. Thông tấn xã Việt Nam: *Xung đột Israel và Ảrập*, Nxb. Thông tấn, Hà Nội, 2002, tr.84.

mong đợi suốt 5 năm để được nghe Y. Arafat tuyên bố chính thức nền độc lập của đất nước như Hiệp định Gaza Jericho ký vào ngày 4-5-1994 (tám tháng sau Hiệp định Oslo). Tuy nhiên, bối cảnh chính trị sau đó đã không cho phép ông Arafat thực hiện điều này và lời tuyên bố độc lập đã bị hoãn lại cho đến sau kỳ tổng tuyển cử ở Israel (ngày 17-5-1999) và vẫn tiếp tục bị hoãn.

Như vậy, mọi nỗ lực ngoại giao cũng như đàm phán cho một quốc gia dân tộc độc lập Palestine trong thế kỷ XX đã không đạt được như mong muốn. Vẫn còn quá nhiều bất đồng mà hai bên không thể giải quyết được. Trong khi đó nhân loại đang bước vào ngưỡng cửa của thế kỷ XXI, sự đổi thay của tình hình chính trị thế giới đã góp phần làm hòa dịu đi mối quan hệ của hai quốc gia, tiến tới một giải pháp hòa bình lâu dài.

Trong hy vọng cuối cùng trên cương vị Tổng thống, ngày 5-7-2000, Tổng thống Mỹ Bill Clinton đã thuyết phục được Thủ tướng E. Barak của Israel và nhà lãnh đạo Palestine Y. Arafat gặp nhau tại Trại David để tiến hành hội nghị cấp cao nhằm vạch ra khuôn khổ cho hiệp định mà họ hy vọng sẽ đạt được vào tháng 9-2000. Lần này, ông Clinton hy vọng sẽ thuyết phục được hai nhà lãnh đạo nhượng bộ. Ông nói: "Một cuộc gặp cấp cao là tốt nhất - đương nhiên là biện pháp duy nhất - để tiến lên và phá vỡ bế tắc hiện nay"[1]. Cuộc gặp lần này dự định bắt đầu vào ngày 11-7-2000 tại Trại David và

---

1. Thông tấn xã Việt Nam: *Xung đột Israel và Ảrập*, *Sđd*, tr.89.

sẽ kéo dài một tuần. Với Clinton, kết quả cuộc gặp có ý nghĩa rất lớn vì Tiến trình hòa bình Trung Đông là một trong những ưu tiên đối ngoại hàng đầu trong năm cầm quyền cuối cùng của ông. Hiệp định hòa bình Isarel Palestine dược ký kết sẽ là một dấu ấn sâu sắc trong thành tích đối ngoại và Bill Clinton rất có thể sẽ đề cử nhận giải thưởng Nobel hòa bình.

Trong khi đó, các nhà lãnh đạo hai bên đều mang tới hội nghị này những ý định làm sao đạt được ưu thế có lợi nhất trên bàn đàm phán. Trước đó, nội bộ của người Palestine rất tức giận không chỉ vì Israel nắm quyền kiểm soát lãnh thổ mà việc thành lập Nhà nước Palestine vẫn chưa ngã ngũ. Mặc dù kinh tế có phục hồi, nhưng cuộc sống của đại bộ phận người Palestine lại khó khăn hơn kể từ khi các cuộc đàm phán hòa bình bắt đầu tại Oslo năm 1993. Vì thế, Arafat tới Trại David với những yêu sách không hề thay đổi, ví như đòi Israel phải rút khỏi những vùng đất họ đã chiếm đóng từ tháng 6-1967, bắt đầu từ Đông Jerusalem, nơi người Palestine muốn lấy làm thủ đô của Nhà nước Palestine trong tương lai mà đối với người Hồi giáo, thành phố này là mảnh đất thiêng liêng thứ ba của đạo Hồi. Hơn nữa, Palestine không có sự nhượng bộ nào cho vấn đề Jerusalem, sự trở về của những người tị nạn hay việc trao trả đất. Còn Israel với những quan điểm cứng rắn của mình cũng không chịu từ bỏ tham vọng trong việc chiếm trọn Jerusalem, coi đây là thủ đô lịch sử và là "*trái tim*" của cộng đồng người Do Thái.

Như vậy, Jerusalem là vấn đề gai góc nhất trong Tiến trình hòa bình Trung Đông, nó là sự kết tinh những luận cứ không thể dung hòa giữa Palestine và Israel. Điều này đã tạo ra những khó khăn khổng lồ và vực sâu ngăn cách giữa hai bên trong đàm phán.

Với những động thái như trên của cả hai phía, trước thềm hội nghị dư luận thế giới và báo chí đánh giá cuộc gặp thượng đỉnh lần này khó khăn hơn so với hội nghị hồi năm 1978 và có thể sẽ thất bại. Tờ nhật báo *Al Quds* thì cho rằng: "Tổng thống Bill Clinton sẽ bị khuất phục trước sức ép của Israel, và hội nghị này sẽ không giải quyết được những vấn đề cơ bản" Tờ báo viết tiếp: "Hội nghị thất bại vì nó không được chuẩn bị tốt"[1]. Còn dư luận báo chí Mỹ thì cho rằng, hội nghị sắp tới là một canh bạc lớn đối với B. Clinton, E. Barak và Y. Arafat vì cuộc gặp diễn ra trong bối cảnh đầy hoài nghi tới mức Clinton cũng phải thừa nhận không dám đảm bảo chắc chắn cho sự thành công. Tin của Hãng *Reuters* từ Jerusalem cho biết, ngày 9-7-2000, trước khi diễn ra hội nghị thượng đỉnh mang tính chất "được ăn cả, ngã về không" tại Mỹ, cả hai phía Israel và Palestine đều đang phải đối mặt với những khó khăn trong nước làm hạn chế nỗ lực chấm dứt cuộc xung đột đã kéo dài 52 năm của họ.

Đúng như dự đoán từ trước, ngày 25-7-2000, người phát ngôn Nhà Trắng Joe Lockhart thông báo, cuộc

---

1. Thông tấn xã Việt Nam: *Xung đột Israel và Ảrập*, *Sđd*, tr.93.

đàm phán hòa bình tay ba Mỹ Isarel Palestine đã kết thúc sau 15 ngày đàm phán căng thẳng tại Trại David mà không đạt được bất kỳ thỏa thuận nào, chủ yếu do bế tắc về quyền kiểm soát Jerusalem mà cả Palestine và Israel đều nhận là thủ đô của mình.

Kết cục, cuộc đàm phán bị đổ vỡ khi Israel cự tuyệt chủ quyền của Palestine đối với toàn bộ Jerusalem, chỉ cho phép quyền tiếp cận duy nhất đối với khu nhà thờ Al Aqsa, trong khi đó Tổng thống Y. Arafat gửi cho Tổng thống Mỹ một bức thư với tuyên bố, ông thấy không còn bất kỳ lý do nào để tiếp tục các cuộc thương lượng vì lập trường của Israel về Jerusalem không bao giờ có thể dẫn tới hiệp định. Như vậy, dụng ý tốt đẹp của ông Bill Clinton đã thất bại trong cuộc hội đàm này. Tuy nhiên, ông cũng kịp trấn tĩnh với báo chí rằng: "Tin xấu là chúng tôi không đạt được thỏa thuận. Tin tốt là lần đầu tiên họ chính thức tham gia trực tiếp, toàn diện vào các vấn đề cơ bản này. Mặc dù không có một giải pháp, nhưng chúng tôi đã đạt được tiến bộ đáng kể về tất cả các vấn đề cốt lõi"[1].

Vậy nguyên nhân nào làm cho hội nghị lần này đổ vỡ? Đó chính là vấn đề Jerusalem. Người Israel và Palestine xung đột với nhau từ hơn 50 năm nay chỉ vì một thành phố thiêng liêng của ba thứ tôn giáo. Tờ *Egypitian Mail* đã phân tích về nguyên nhân thất bại này, bài báo viết: Jerusalem là một trong năm "không"

---

1. Thông tấn xã Việt Nam: *Xung đột Israel và Ảrập*, *Sđd*, tr.99.

nổi tiếng của ông E. Barak và những "giới hạn dở" mà ông đã hứa với đồng bào mình là ông sẽ không vượt qua. Trong bài phát biểu của ông tại Quốc hội trước khi lên đường tới Trại David, E. Barak đã khẳng định cam kết của ông về một Jerusalem thống nhất và là thủ đô lâu dài, vĩnh viễn của Nhà nước Do Thái. Hiển nhiên là lập trường cứng rắn về Jerusalem của ông đã ngăn chặn được cuộc bỏ phiếu bất tín nhiệm chính phủ ông. Như thế làm sao Barak có thể nhượng bộ Đông Jerusalem trong các cuộc thương lượng ở Trại David được? Còn ông Arafat cũng không thể có bất cứ sự nhượng bộ nào về Jerusalem vì ông biết rằng làm như vậy sẽ nguy hại đến cuộc đời ông, đến sự kỳ vọng của nhân dân Palestine trong việc đấu tranh đòi chủ quyền lãnh thổ của mình. Ông kiên quyết đòi chủ quyền hoàn toàn của Palestine đối với Đông Jerusalem, kể cả khu vực thành phố cổ, nơi diện tích chỉ bằng 1% diện tích Jerusalem, nhưng có các đền thờ thiêng liêng của Hồi giáo, Cơ Đốc giáo, Do Thái giáo và ông khăng khăng đòi quyền của người tị nạn được trở về theo Nghị quyết 194 của Liên hợp quốc[1].

Thất bại tại Hội nghị hòa bình Trại David cũng đồng nghĩa với việc các cuộc xung đột của cả hai bên sẽ bùng phát trở lại bất chấp sự lên án của Liên hợp quốc và

---

1. Ngày 11-12-1948, Đại hội đồng Liên hợp quốc đã thông qua Nghị quyết 194/III, trong đó quy định Israel phải cho phép người tị nạn Ảrập trở về quê hương và phải bồi thường cho họ.

cộng đồng quốc tế. Tuy nhiên, phía Palestine mà đứng đầu là Y. Arafat sẽ tuyên bố một Nhà nước Palestine độc lập vào ngày 13-9-2000. Nhưng giới phân tích cho rằng, nếu ông Y. Arafat công bố nhà nước của mình vào tháng 9, thì ông cũng phải tự đặt ra những câu hỏi về khả năng tồn tại của nó. Liệu nhà nước tự nó là một mục đích hay một cơ sở cho sự giải phóng và tiếp tục những quyền đã mất? Y. Arafat sẽ ăn nói như thế nào và có chính sách ra sao với 140.000 người Palestine đang làm việc ở Israel, đương nhiên sẽ bị mất việc nếu như Nhà nước Palestine đơn phương được công bố? Và các nước lâu nay vẫn công bố viện trợ cho Palestine còn tiếp tục công việc nhân đạo của mình không? Liệu việc tuyên bố đơn phương một nhà nước có nằm trong một sự dàn cảnh của một kịch bản được dựng lên để tán tỉnh dư luận công chúng không? Có không ít người Palestine chủ trương cứ có nhà nước trước đã, rồi sẽ "tiến dần từng bước" tới nền độc lập, như trường hợp của Ai Cập: công bố Nhà nước độc lập vào ngày 28-2-1923, trong khi đó vẫn là một chế độ quân chủ dưới sự chiếm đóng của Anh, và phải đợi đến tận năm 1956 các binh lính Anh mới rút khỏi lãnh thổ Ai Cập. Tại sao kịch bản này lại không có giá trị đối với Palestine?

Sau khi rời Trại David, Y. Arafat đã có chuyến công du 19 ngày tới 18 thủ đô các nước trên thế giới, nhằm tìm kiếm sự ủng hộ sau thất bại ở Hội nghị Thượng đỉnh sụp đổ ngày 25-7-2000. Ông đã tích cực gặp gỡ các nhà lãnh đạo nước ngoài ủng hộ sự nghiệp của ông,

khởi đầu là cuộc gặp với Tổng thống Pháp Jacques Chirac và Tổng thống Ai Cập Hosni Mubarak, nhằm giải thích về những yêu sách của người Palestine. Nhưng có thể thấy rằng, Arafat vẫn chưa giành được sự ủng hộ rõ ràng đối với cam kết của ông, là tuyên bố một Nhà nước Palestine độc lập vào ngày 13-9-2000 hoặc lời kêu gọi ủng hộ chủ quyền của Palestine đối với Đông Jerusalem. Thậm chí ở Mátxcơva, nơi người Palestine thường nhận được sự ủng hộ, Arafat cũng không đạt được một cam kết chắc chắn nào từ phía Nga. Tại Trung Đông, nơi ông có nhiều chặng dừng chân, như Ai Cập, trụ sở của Liên đoàn Ảrập và Iran, nước giữ chức Chủ tịch luân phiên của OIC, Arafat cũng thu được ít hơn những gì mà ông mong đợi.

Tuy nhiên, ông Arafat cũng có dấu hiệu nhượng bộ khi ông nói với các phóng viên sau cuộc gặp Tổng thống Indonesia A. Wahid ở Jakarta rằng, PLO đang xem xét lại kế hoạch tuyên bố một Nhà nước Palestine độc lập vào ngày 13-9-2000 và sẽ quyết định về việc có tuyên bố thành lập Nhà nước Palestine độc lập hay không. Ông nói: "Tôi đã tiến hành một chuyến công du khắp thế giới và tôi đã nhận được nhiều lời khuyên từ các nhà lãnh đạo thế giới rằng, việc tuyên bố một Nhà nước Palestine độc lập nên xúc tiến sau cuộc bầu cử ở Israel"[1].

---

1. Thông tấn xã Việt Nam: *Xung đột Israel và Ảrập*, *Sđd*, tr.123.

Ngày 17-8-2000, Bộ trưởng Hợp tác khu vực Israel Simon Peres, đang ở thăm Trung Quốc cho rằng, Tổng thống Palestine đã có một quyết định sáng suốt khi xem xét lại kế hoạch đơn phương tuyên bố một nhà nước độc lập vào tháng tới. Ông cho rằng, đây là một quyết định khôn ngoan của Arafat, bởi vì nếu ông ta đơn phương tuyên bố thành lập một nhà nước thì ông ta chỉ *có một tuyên bố chứ không có một nhà nước*. Còn Thủ tướng Ehud Barak cảnh báo rằng, việc đơn phương tuyên bố một nhà nước độc lập của người Palestine có thể dẫn đến các hành động trả đũa của Israel và tình trạng bạo lực, đồng thời người chịu thiệt hại đầu tiên và nhiều nhất chính là những người Palestine. Tuy nhiên, ông cũng tuyên bố rằng Israel có thể chấp nhận việc thành lập một Nhà nước Palestine nếu những người Palestine chấm dứt xung đột với Israel. Không nhắc nhở gì đến vấn đề biên giới hoặc Jerusalem, Barak nói rõ rằng ông có thể chấp nhận một Nhà nước Palestine, một vấn đề mà từ trước tới nay ông vẫn thường đề cập một cách mơ hồ trước công chúng. Ông nói: "nếu ban lãnh đạo Palestine chuẩn bị để đương đầu với thách thức của việc thành lập một Nhà nước Palestine và giải quyết nỗi đau khổ của nhân dân họ, thì họ phải hiểu rằng điều kiện để đạt được điều đó là chấm dứt xung đột với Israel" Đây là những nhượng bộ hết sức quan trọng của ông Barak nhằm đi tới việc chấm dứt xung đột kéo dài ở khu vực này. Nó đã thổi vào Tiến trình hòa bình

Trung Đông một luồng gió mới, mang đến những hy vọng hòa giải mối thù hằn giữa hai dân tộc, đồng thời tạo khả năng đạt được một hiệp định hòa bình giữa Israel - Palestine.

Tối ngày 10-9-2000, sau hai ngày bàn bạc kỹ lưỡng tại dải Gaza do Palestine kiểm soát, Hội đồng Trung ương Palestine đã quyết định hoãn việc tuyên bố thành lập một Nhà nước Palestine độc lập ít nhất hai tháng nữa thay vì thực hiện điều này vào thời điểm cuối cùng là ngày 13-9, nhằm tạo thêm cơ hội cho khả năng chấm dứt cuộc xung đột với Israel kéo dài 52 năm qua. Israel đã hoan nghênh quyết định này, coi đây là bước đi tích cực theo hướng đúng đắn, phù hợp với lập trường thống nhất của cộng đồng quốc tế là phản đối những bước đi đơn phương có thể làm tổn hạn đến Tiến trình hòa bình. Bằng việc hoãn kế hoạch tuyên bố thành lập nhà nước, Y. Arafat nuôi hy vọng cho dù không chắc chắn, là cuối cùng Israel sẽ thay đổi thái độ và tạo cho hòa bình một cơ hội thật sự. Bởi vì, ông Arafat biết rõ rằng việc tuyên bố nhà nước độc lập cũng không có ý nghĩa nhiều lắm trên thực tế vì người Palestine mới kiểm soát được không quá 23% dải Gaza và vùng Bờ Tây sông Jordan. Trong khi đó, Israel vẫn tiếp tục trì hoãn việc thực hiện những điều khiển trong các hiệp định hòa bình mà họ đã ký kết trước đây, đồng thời không giấu diếm ý định phong tỏa những khu vực tự trị của người Palestine và thôn tính những lãnh thổ còn nằm dưới sự kiểm soát của họ nếu

Palestine đơn phương tuyên bố nhà nước độc lập. Nếu Israel thực hiện những lời đe dọa của mình, hai bên sẽ rơi vào một cuộc đối đầu mà hậu quả chưa thể lường trước được.

Ngày 6-1-2000 được ghi dấu như là một mốc căng thẳng trong lịch sử đàm phán hòa bình Trung Đông đầy trắc trở, ngày mà Ariel Sharon được coi là nhân vật diều hâu thuộc Đảng Likud cánh hữu ở Israel, một đảng có quan điểm khác xa với Công đảng của ông E. Barak - đắc cử Thủ tướng khiến mọi người lo ngại tiến trình hòa bình có nguy cơ khủng hoảng. Trong tuyên bố đầu tiên sau khi đắc cử, ông nói rằng sẵn sàng thương lượng với người Palestine, sẵn sàng chấp nhận mọi nhân nhượng để đạt tới hòa bình, nhưng không phải tiếp tục những gì ông Barak còn đang dang dở, sẽ thương lượng lại từ đầu và sẽ không bị ràng buộc bởi bất kỳ hiệp định nào đã ký với Palestine, điều mà người Palestine không thể chấp nhận được.

Ngày 7-3-2001, thủ lĩnh Ariel Sharon đã nhận chức Thủ tướng thứ 11 của Israel, đứng đầu một nội các lớn nhất trong lịch sử nước này và chìa bàn tay hòa bình với các nước láng giềng Ảrập nhưng vẫn khăng khăng nói rằng ông sẽ không đàm phán với người Palestine một khi bạo lực chưa chấm dứt. Trong bài diễn văn nhận chức kêu gọi người dân Israel đoàn kết, A. Sharon nói: "Chúng tôi đã chuẩn bị xem xét những ý kiến khác nhau để thúc đẩy đàm phán và làm dịu sự đau khổ của người Palestine,

nhưng chúng tôi không thể đàm phán dưới sức ép của khủng bố và bạo lực"[1].

Với những gì mà tân Thủ tướng Israel dự định sẽ tiến hành, dư luận chung ở Palestine đều thống nhất cho rằng, A. Sharon là *con người của chiến tranh*. Người Palestine không mong đợi và hy vọng gì sẽ có hòa bình đối với con người này. Bạo lực sẽ tiếp diễn và người Palestine sẽ phải đương đầu với nó. Bộ trưởng Bộ Thông tin Palestine tuyên bố rằng: "Người Mỹ và châu Âu khuyên chúng tôi nên chờ đợi những động thái mới của Israel, nhưng thế giới đều biết rằng sau bảy năm đàm phán, chúng tôi chẳng thu được kết quả gì. Người Israel vẫn chiếm đóng đất đai của chúng tôi và biến những vùng chiếm đóng thành các nhà tù. A. Sharon muốn an toàn cho người Israel nhưng lại cũng muốn người Palestine tiếp tục sống cảnh nô lệ. Sharon nói muốn bớt đau khổ cho người Palestine nhưng lại muốn đàm phán trên những cơ sở mới. Chẳng qua đó chỉ là liều thuốc an thần, che đậy ý đồ chiếm đóng lâu dài lãnh thổ của chúng tôi. Đối với Sharon, đổi đất lấy hòa bình chỉ là đổi lương thực lấy hòa bình. Đứng trước thái độ cứng rắn của Sharon và những tuyên bố mang tính đe dọa của quân đội Israel, người Palestine chỉ có một sự lựa chọn duy nhất là tiếp tục chiến tranh"[2].

1, 2. Thông tấn xã Việt Nam: *Xung đột Israel và Ảrập*, *Sđd*, tr.202, 209-210.

Tóm lại, với tình hình chính trị ở Israel thay đổi, chắc chắn rằng bạo lực sẽ tiếp tục leo thang, tiến trình đàm phán hòa bình đi vào ngõ cụt. Thực tế đó báo hiệu một giai đoạn đầy khó khăn của người Palestine. Hơn nữa, vào ngày 11-9-2001, nước Mỹ và cả thế giới đều kinh hoàng trước vụ tấn công khủng bố lớn nhất trong lịch sử đã làm cho cục diện, tình hình Trung Đông thay đổi về cơ bản. Chính quyền Palestine ra sức thanh minh mình không có dính líu vào vụ này, còn Israel tìm cách lợi dụng thế yếu này của Palestine thực hiện những biện pháp mạnh chống lại cuộc nổi dậy Intifada. Trong khi đó, thế giới Ảrập đã tỏ ra thân thiện hơn với Israel, ủng hộ cuộc chiến chống khủng bố càng làm lu mờ sự nghiệp của chính quyền Palestine và Arafat vì từ lâu Arafat đã bị Mỹ và Isarel liệt vào danh sách những kẻ khủng bố và quyết tâm chống đối đến cùng. Có thể nói, người Palestine đang ở trong thời kỳ đen tối nhất của lịch sử nước này.

Trong bối cảnh cái bóng của vụ khủng bố nước Mỹ bao trùm cả khu vực Trung Đông, Tổng thống Y. Arafat và Ngoại trưởng S. Peres đã bắt tay nhau lần thứ ba trong vòng một năm xung đột kịch phát giữa Israel và Palestine. Ngay tại cuộc gặp ở sân bay quốc tế Gaza ngày 26-9-2001, hai bên đã đạt được một thỏa thuận có tính bước ngoặt về kế hoạch ngừng bắn ba giai đoạn. Thỏa thuận ngừng bắn mới giữa Israel và Palestine còn được gọi là thỏa thuận Tenet vì nó không khác là mấy so với kế hoạch ngừng bắn có hiệu lực từ tháng 6-2001

do Giám đốc Cục Tình báo Trung ương Mỹ (CIA) George Tenet làm trung gian kiến tạo. Tuy nhiên, điều đáng nói ở đây chính là sự chấp thuận trong im lặng của Thủ tướng A. Sharon, người luôn dị ứng với mọi cuộc đàm phán với người Palestine.

Sau vụ khủng bố ngày 11-9 khiến cho Washington lạnh nhạt với vai trò "*người bảo trợ Tiến trình hòa bình Trung Đông*", làm đảo lộn mọi ưu tiên mới trong chính sách đối ngoại của chính quyền Bush. Điều này trái ngược hẳn với chính sách can dự của chính quyền Clinton. Nước Mỹ hầu như dồn tất cả sức mạnh, mối quan tâm của mình cho một ưu tiên bao trùm: truy tìm và tiêu diệt tận gốc rễ của chủ nghĩa khủng bố. Tiến trình hòa bình Trung Đông đã bị gác sang một bên cho dù nó không liên quan đến cuộc chiến chống khủng bố của nước Mỹ. Tuy vậy, Washington cũng đang muốn có hòa bình ở Trung Đông để lôi kéo các quốc gia Hồi giáo ở đây vào liên minh chống khủng bố, do đó ông Bush phần nào quan tâm hơn khi ông khẳng định ý tưởng về một Nhà nước Palestine luôn là một phần trong cách nhìn nhận của Mỹ đối với Trung Đông cũng như quyền tồn tại của Israel phải được tôn trọng. Đối với chính quyền của A. Sharon, lợi dụng vụ khủng bố 11-9 đã liên tục tấn công vào lãnh thổ Palestine với ý đồ tiêu diệt tận gốc các phần tử khủng bố là các nhóm vũ trang Palestine, đồng thời khẳng định sự hiện diện quân sự tại các khu định cư của người Do Thái, càng đẩy xung đột hai nước tiếp diễn phức tạp hơn trong thời gian sau đó.

Trên lĩnh vực đấu tranh vũ trang:

Song song với các hoạt động chính trị ngoại giao của chính quyền Palestine nhằm kêu gọi sự ủng hộ của cộng đồng quốc tế và các bên liên quan để tìm một giải pháp đi tới một hiệp ước hòa bình, chấm dứt xung đột kéo dài triền miên, giới lãnh đạo Palestine lại không hề khoan nhượng với Israel trên bàn hội nghị khi đề cập tới nhiều vấn đề quan trọng như Jerusalem, Bờ Tây, dải Gaza. Điều này dẫn tới sự đổ vỡ của nhiều cuộc đàm phán và kéo theo đó là xung đột lại leo thang gây ra những thiệt hại lớn mà nạn nhân là người dân thường phải gánh chịu. Hầu hết các nhóm vũ trang Palestine tiến hành các cuộc đánh bom tự sát chống lại các lực lượng an ninh Israel, hay lên tiếng phản đối những thỏa thuận đạt được cũng đều nhằm loại bỏ nguy cơ đánh chiếm mở rộng lãnh thổ và các khu định cư Do Thái của chính quyền Israel. Không chỉ xung đột diễn ra trên lãnh thổ Palestine mà nó còn được tiến hành ngay cả trên vùng đất Israel. Cho dù bằng phương thức nào đi chăng nữa thì những hành động đó cũng mang lại những dấu hiệu tích cực, góp phần làm hạn chế các hành động "leo thang" của chính quyền Israel. Nhưng đôi khi lại đi quá xa trong các hoạt động ám sát, nên dư luận quốc tế xem đó là những hành động khủng bố.

Từ khi Hội nghị Hòa bình Madrid tổ chức năm 1991 đến Hiệp định Oslo được ký kết năm 1993, mặc dù vẫn còn nhiều hạn chế nhưng nó đã làm hồi sinh quá trình hòa bình vốn bị đóng băng từ lâu. Tình hình căng

thẳng giữa hai dân tộc đã phần nào giảm bớt. Việc thực thi những điều khoản trong hiệp định mang lại sự nới lỏng quyền kiểm soát của quân đội Israel ở các thành phố của người Palestine, từ đó cũng dần hạn chế sự mở rộng các khu định cư Do Thái. Tuy nhiên, trên thực tế có lúc lại diễn ra ngược lại. Suốt thời gian dài, các lực lượng an ninh Israel đã phong tỏa đường biên giới tại khu Bờ Tây và dải Gaza. Đáp trả lại, hàng loạt các vụ đánh bom liều chết của các nhóm vũ trang Palestine tiêu biểu là nhóm dân quân Hồi giáo Hamas và Jihad liên tục diễn ra với mục tiêu: *"không còn tên lính Israel nào trên lãnh thổ Palestine"*.

Sau đây là một số ví dụ thống kê về hoạt động đấu tranh vũ trang của người Palestine tiến hành trong giai đoạn 1991-2002:

Ngày 6-4-1994, một người Palestine đã đậu một chiếc ô tô chất đầy chất nổ cạnh một chiếc xe buýt ở Afula, phía Bắc Israel làm chín người Israel thiệt mạng. Ngày 19-10-1994, một người đánh bom cảm tử Palestine làm 22 người Israel thiệt mạng trong một vụ nổ xe buýt ở Tel Aviv. Ngày 22-1-1995, hai người Palestine tự nổ tung mình ở Beit Lod (miền Trung Israel), làm 21 người Israel thiệt mạng. Ngày 9-4-1995, hai người Palestine tự nổ tung mình bên ngoài hai khu định cư Do Thái ở dải Gaza, làm bảy binh lính Israel và một người Mỹ thiệt mạng. Ngày 25-2-1996, những người đánh bom cảm tử Palestine làm nổ tung một chiếc xe buýt ở Jerusalem, làm 24 người Israel, hai

người Mỹ và một người Palestine thiệt mạng. Ngày 3-3-1996, một quả bom gài xe buýt ở Jerusalem làm 18 người, trong đó có sáu người Romania và hai người Palestine thiệt mạng. Ngày 30-7-1997, hai người đánh bom cảm tử tự nổ tung mình và làm 15 người khác thiệt mạng tại một khu chợ ngoài trời ở Jerusalem. Ngày 4-9-1997, ba quả bom phát nổ ở khu siêu thị ngoài trời chính của Jerusalem, làm bốn người chết.

Ngày 30-9-2000, cuộc đụng độ bằng súng, gậy gộc và đá giữa hàng nghìn thanh niên Palestine và các lực lượng an ninh Isarel đã làm ít nhất 15 người Palestine người thiệt mạng, trong đó có một em bé 12 tuổi, và làm 523 người khác bị thương tại Bờ Tây, dải Gaza và Jerusalem. Đây là cuộc xung đột đẫm máu nhất kể từ năm 1996 khi 59 người Palestine, 16 người Israel và 3 người Ai Cập bị bắn chết trong ba ngày giao tranh giữa cảnh sát Palestine và binh lính Israel[1]. Nó mở đầu cho phong trào Intifada lần thứ hai của người Palestine. Cuộc xung đột nổ ra sau sự kiện thủ lĩnh Đảng Likud đối lập của Israel Ariel Sharon bị những người Palestine căm ghét, đã tới thăm khu thành phố Jerusalem của người Hồi giáo, coi đây như là chủ quyền của mình. Một vài người đã chỉ trích chuyến thăm của ông "làm ô uế" ngôi đền thiêng liêng thứ ba của người Hồi giáo. Trước tình hình bạo lực gia tăng, Thủ tướng

1. Xem: Thông tấn xã Việt Nam: *Xung đột Israel và Ảrập*, *Sđd*, tr.210-211.

Israel lúc đó là ông E. Barak đã kêu gọi nhà lãnh đạo Palestine Y. Arafat nỗ lực khôi phục lại trật tự. Sự kích động càng lên cao trong cộng đồng người Palestine và sự đàn áp cứng rắn của binh lính Israel đã làm tình hình ngày càng tồi tệ hơn và làm giảm triển vọng đạt được một hiệp định hòa bình Israel - Palestine. Ngày 2-10-2000, phớt lờ những lời kêu gọi ngừng bắn từ khắp thế giới, cuộc xung đột giữa binh sĩ Israel và người Palestine trên khắp Bờ Tây và dải Gaza khiến 56 người thiệt mạng và hơn 1000 người bị thương. Israel đã cho máy bay lên thẳng vũ trang bắn vào các vị trí của lực lượng an ninh Palestine ở dải Gaza, đồng thời triển khai nhiều xe tăng và pháo lớn gần các khu vực nóng ở Bờ Tây sông Jordan, dải Gaza và tuyên bố sẽ sử dụng những vũ khí này nếu cần thiết. Tư lệnh của lực lượng Palestine cho rằng, danh sách ngày càng tăng về những tổn thất của người Palestine là một dấu hiệu cho thấy nhân dân Palestine sẽ chiến đấu để bảo vệ bản thân và bảo vệ dân tộc. Người Ảrập Palestine ở Israel đã bày tỏ sự ủng hộ đối với người Palestine bằng cách xung đột với cảnh sát Israel.

Các nhà lãnh đạo Israel và Palestine đã tố cáo và chỉ trích lẫn nhau về vụ bạo động này. Tờ *Haaretz* của Israel cho biết, chính quyền Palestine đã đồng ý ngừng bắn với điều kiện quân đội Israel rút các xe tăng và bọc thép đang phong tỏa các thành phố trên lãnh thổ Palestine và rút binh lính khỏi các khu vực xung đột. Tuy nhiên, quân đội Israel tỏ ra bi quan về khả năng

chấm dứt ngay tình trạng bạo lực vì cho rằng, Tổng thống Y. Arafat coi việc tiếp diễn bạo lực sẽ có lợi cho ông ta. Bất chấp cuộc gặp thượng đỉnh giữa Palestine và Israel được tiến hành tại Paris vào tối ngày 4-10-2000, với sự có mặt của Ngoại trưởng Mỹ Albright để thảo luận với nhau về hòa bình ở Trung Đông, xung đột vẫn tiếp diễn tại dải Gaza làm năm người thiệt mạng đưa tổng số người chết trong bảy ngày lên 62 người và hơn 1800 người bị thương.

Người Israel và Palestine đều cho rằng xung đột ngày càng leo thang có thể bóp nghẹt các nỗ lực hòa bình Trung Đông, trong khi các nhà lãnh đạo thế giới thúc giục hai bên chấm dứt các cuộc xung đột đã làm thiệt mạng gần 100 người trong đó hầu hết là người Palestine hoặc người Israel gốc Ảrập.

Khi cuộc nổi dậy Intifada của người Palestine được tiếp tục triển khai lần hai, phái Fatah của Tổng thống Palestine Arafat đã ra tuyên bố tình trạng báo động khẩn cấp và tăng cường đấu tranh. Nhà lãnh đạo Arafat đã kêu gọi cộng đồng quốc tế nhanh chóng bảo vệ nhân dân Palestine chống lại các cuộc tấn công của Israel sau một tháng bạo động, nhắc lại đề nghị của các nước Ảrập đối với Hội đồng Bảo an và Đại hội đồng Liên hợp quốc "đảm bảo sự an toàn" cho người Palestine "theo hướng thành lập một lực lượng quốc tế trên các vùng lãnh thổ của Palestine". Đồng thời, lãnh tụ Palestine cảnh cáo rằng, người Palestine sẽ tiếp tục cuộc nổi dậy chống lại Israel cho đến khi có thể tuyên

bố Jerusalem là thủ đô của mình. Ông nói: "*Nhân dân Palestine sẽ kiên trì cho đến chừng nào một cậu bé hay một cô bé kéo lá cờ Palestine lên Jerusalem, thủ đô của người Palestine*"[1].

Những cuộc trả đũa lẫn nhau giữa hai quốc gia cứ liên tục diễn ra bất chấp lời kêu gọi của Liên hợp quốc và các bên liên quan. Để dàn áp các hành động vũ trang của người Palestine, Israel ngày càng tỏ ra hiếu chiến và tiến sâu hơn vào lãnh thổ của người Palestine, chiếm đóng và thực hiện chiến thuật mới "giành thế chủ động" Ngày 14-5-2001, Israel đã tăng cường các cuộc tấn công bằng tên lửa vào các mục tiêu an ninh của Palestine và đưa xe tăng, xe ủi đất đến các khu vực do Palestine kiểm soát như là sự trừng phạt đối với các cuộc tấn công vào Israel, hoặc giả để ngăn chặn các vụ tấn công tương tự. Đặc biệt, ngày 10-8-2001, quân đội Israel đã chiếm giữ Ngôi nhà Phương Đông Tổng Hành dinh không chính thức của nhân dân Palestine tại Jerusalem, nơi được coi là cơ sở mang tính biểu tượng về sự hiện diện của người Palestine tại Đông Jerusalem, nơi người Palestine muốn lấy làm thủ đô cho một nhà nước Palestine độc lập trong tương lai - và tiến hành các cuộc tấn công quân sự ở khu vực Bờ Tây càng làm cho tình hình ở đây thêm phức tạp. Sự kiện này bắt nguồn sau khi một thành viên phong trào

---

1. Thông tấn xã Việt Nam: *Xung đột Israel và Ảrập, Sđd*, tr.227.

Hamas theo đường lối cứng rắn của người Palestine cho nổ một quả bom giết chết 15 người trong một cửa hàng bán bánh pizza đông đúc ở Tây Jerusalem hôm ngày 9-8-2001. Các nguồn tin chính trị dẫn lời ông Sharon nói rằng, Israel sẽ chiếm giữ Ngôi nhà Phương Đông cho đến khi chính quyền Palestine từ bỏ chủ nghĩa khủng bố và cũng có thể sẽ chiếm giữ "vĩnh viễn"

Ngay sau khi Ngôi nhà Phương Đông bị chiếm giữ, chính quyền Palestine của ông Arafat lên án hành động này, đồng thời kêu gọi cộng đồng quốc tế gây áp lực với Israel để nước này trao trả lại. Lời kêu gọi được đưa ra giữa lúc các nhà lãnh dạo Palestine cảnh báo rằng, vụ chiếm giữ sẽ leo thang thành cuộc xung đột trên toàn khu vực, yêu cầu Israel phải "thấu hiểu nguy cơ của việc này trước khi quá muộn" Lãnh tụ phong trào Fatah của Y. Arafat thúc giục người Hồi giáo và người Ảrập trên khắp thế giới cùng tham gia hành động phản đối này và đã có những tín hiệu tích cực. Tổng thống Bush tỏ ý thất vọng trước tình hình Trung Đông ngày càng xuống cấp và nói thêm rằng cả hai bên, nhất là Y. Arafat nên cố gắng nhiều hơn. Cố vấn Tổng thống Arafat khẳng định, người Palestine không có sự lựa chọn nào khác là đẩy mạnh cuộc chiến đấu và nổi dậy để giải phóng Jerusalem thiêng liêng và Ngôi nhà Phương Đông cùng các địa điểm khác của Palestine. Nước Pháp cũng lên án vụ việc này và vạch rõ, việc chiếm giữ đó trái ngược với Hiệp định Oslo năm 1993, làm tăng căng thẳng giữa hai dân tộc đồng

thời bày tỏ hy vọng biện pháp chiếm giữ này sẽ sớm được hủy bỏ. Bộ trưởng Ngoại giao Nga, Igor Ivanov nói rằng, khu vực Trung Đông đang bước tới một giới hạn nguy hiểm và khẳng định điều khẩn cấp cần làm hiện nay là phải ngăn chặn tình trạng đang xấu đi trở thành một thảm họa.

Đáp trả lại những hành động quân sự của Israel tấn công vào lãnh thổ Palestine, nhân dân Palestine cùng các nhóm vũ trang đã tiến hành các cuộc chiến tranh du kích, gây tổn thất về người của binh lính Israel. Đặc biệt, cuộc tấn công táo bạo vào lúc rạng sáng ngày 25-8-2001 khiến ba lính Israel bị thiệt mạng tại dải Gaza là bằng chứng về việc lần đầu tiên phía Palestine thật sự sử dụng chiến thuật chiến tranh du kích kể từ cuộc nổi dậy Intifada và giáng một đòn khá nặng nề đối với Israel. Cuộc tấn công này còn làm bảy lính Israel bị thương, tuy nhiên, hai người Palestine tấn công bị thiệt mạng, càng làm nổi bật những sơ hở nghiêm trọng trong hệ thống phòng thủ của Israel và làm phương hại hình ảnh "bất khả chiến bại" của nước này.

Đây là thắng lợi quan trọng đầu tiên của Palestine trước Israel kể từ khi bắt đầu cuộc nổi dậy Intifada lần hai và được coi là thất bại lớn nhất của lực lượng vũ trang Israel. Mặt trận Dân chủ giải phóng Palestine (DFLP) thuộc cánh tả đã nhận trách nhiệm tiến hành cuộc tấn công này, nhưng phía Israel cho rằng trách nhiệm cuối cùng phải thuộc về Arafat. Cuộc tấn công gây tác động lớn trong nội bộ Israel, làm sống lại những

ký ức về lực lượng Hezbollah của Libăng từng leo thang các cuộc tấn công vào lực lượng của Israel ở phía Nam Libăng, trước khi Israel rút quân khỏi khu vực này.

Đáp lại cho vụ tấn công trên, ngày 27-8-2001, Israel cho máy bay lên thẳng bắn tên lửa vào trụ sở của Mặt trận Nhân dân giải phóng Palestine (PFLP), một bộ phận cấu thành của Tổ chức Giải phóng Palestine (PLO) ở Ramallah thuộc Bờ Tây làm thủ lĩnh PFLP Mustafa Zibri bị thiệt mạng. Cuộc không kích chính xác này là cuộc ám sát cấp cao nhất trong 11 tháng leo thang bạo lực. Phẫn nộ trước tội ác nói trên, người Palestine ở khắp các thành phố và thị trấn thuộc Bờ Tây đã xuống đường biểu tình chống Israel. Họ nói rằng Israel đã "vượt qua tất cả các ranh giới đỏ", gây nên mối lo ngại là cuộc khủng hoảng sẽ ngày càng trầm trọng hơn. Tại làng Arabe, quê hương của thủ lĩnh PFLP, khoảng 5.000 người đã biểu tình và tức giận hô các khẩu hiệu chống Israel. Chỉ ít giờ sau khi ông Mustafa chết, một số người Palestine vũ trang đã trả đũa bằng cách bắn vào một chiếc xe con chạy gần khu định cư Elon Moreh ở Bờ Tây, làm một người Israel thiệt mạng.

Sau sự kiện tấn công khủng bố ngày 11-9-2001, chính phủ Sharon cố tình biến cuộc đấu tranh của Palestine chống Israel thành các cuộc tấn công của chủ nghĩa khủng bố, nên xung đột Palestine Israel càng trở nên ác liệt chưa từng thấy. Ngày 13-9-2001, các xe tăng của Israel đã ầm ầm tiến vào các thành phố của

Palestine tại khu vực Bờ Tây, gây ra các cuộc dọ súng khiến ba người Palestine thiệt mạng và 21 người khác bị thương. Các nhà lãnh đạo Palestine đã tố cáo Israel tăng cường xâm nhập vào lãnh thổ của họ trong khi cả thế giới đang chăm chú theo dõi hậu quả của các cuộc tấn công kinh hoàng tại Mỹ. Các xe tăng của Israel đã nã pháo vào các tòa nhà và tiếp tục cuộc đọ súng với các tay súng của Palestine ở thị trấn Jenin và Jericho thuộc Bờ Tây trong các cuộc tấn công mà giới quân sự cho rằng "diệt trừ tận gốc bọn khủng bố".

Các quan chức quân đội cho rằng, các cuộc xâm nhập này đã phá hủy các trung tâm an ninh và chính trị của Palestine, đồng thời tố cáo Israel sử dụng thảm kịch ở Mỹ như cái cớ để tăng cường "cuộc chiến tranh tiêu hủy" chống Palestine.

Chính quyền của Tổng thống Arafat không chỉ phải đương đầu với các hành động quân sự leo thang của phía Israel mà còn phải đối phó với sự tranh giành quyền lực trong nội bộ phong trào và sự bất đồng trong quan điểm và hành động. Trong khi các hoạt động chính trị và ngoại giao được tiến hành ở nhiều nơi nhằm tìm một giải pháp hòa bình cho cuộc xung đột thì những mâu thuẫn đáng tiếc lại xảy ra ngay chính trong nội bộ Palestine qua vụ bạo động tại khu vực Trường đại học Hồi giáo ở dải Gaza, trong đó cảnh sát Palestine đã nổ súng làm ba người Palestine bị chết và 120 khác bị thương. Đây là vụ bạo động tệ hại nhất trong nội bộ Palestine kể từ khi nổ ra cuộc nổi dậy

Intifada hơn một năm qua và là một vết nội thương nguy hiểm nhất kể từ sau vụ cảnh sát Palestine bắn chết 14 đồng bào của mình bên ngoài nhà thờ Palestine ở Gaza hồi tháng 11-1994. Cũng từ đây, những vụ tranh chấp về vai trò lãnh đạo chính quyền Palestine của các nhóm vũ trang cũng tăng lên cùng với các cuộc tấn công trả đũa sự xâm phạm chủ quyền lãnh thổ của binh lính Israel.

Ông Arafat đã phản ứng bằng một cử chỉ quen thuộc là im lặng và lảng tránh. Ông để cho Fatah thu xếp mọi việc cho ổn thỏa. Một cuộc họp khẩn cấp giữa các phe phái Palestine kể cả phái Hamas đã diễn ra và một tuyên bố mang tính chất "thống nhất" đã được thỏa thuận.

Tuy nhiên, nhân dân Palestine muốn có sự đoàn kết, họ biết rằng nội chiến là tồi tệ. Nhưng họ muốn có sự cải cách đối với những cuộc nổi dậy và đời sống của họ. Trước tiên, họ muốn một hình thức chịu trách nhiệm nào đó đối với những người lãnh đạo họ. Các phe phái đều đặt lợi ích của mình lên trên lợi ích dân tộc, trong khi muốn đạt được lợi ích dân tộc cao nhất phải đoàn kết. Trong khi đó, Tổng thống Y. Arfat vào những năm cuối đời chưa tạo được sự cải cách. Người dân Palestine thật sự cảm thấy thất vọng sau sự kiện này. Họ cho rằng, chính họ có thể sống sót trong cuộc chiến tranh của Israel nhưng lại không thể sống nổi trong một cuộc chiến tranh giữa những người Palestine với nhau.

Đầu tháng 12-2001, tình hình càng trở nên tồi tệ hơn sau khi nhóm Hồi giáo quá khích có vũ trang Hamas tuyên bố nhận trách nhiệm về hai vụ tiến công trong hai ngày 1 và 2-12-2001 ở Jerusalem và Haifi làm 25 người chết để trả thù cho việc một nhà lãnh dạo của họ bị chết do tên lửa của Israel. Điều này đặt các nhà lãnh đạo Palestine trước những sự lựa chọn khó khăn bởi vì họ dang cần một sự ổn dịnh cho cuộc dàm phán hòa bình với chính quyền Israel. Y. Arafat bị giằng xé giữa hai xu hướng, hoặc là hành động một cách quyết liệt dể chống lại những người Palestine quá khích, thiên về bạo lực hoặc là phải đối mặt với sự chống đối quyết liệt từ phía Israel. Để kìm chế hai nhóm Hamas và Jihad quá khích, Arafat buộc phải giữ hàng trăm người và điều này dẫn tới việc nổ ra xung đột giữa những người trung thành với ông với những người ủng hộ những người quá khích, thậm chí cả những người cấp tiến trong phong trào Fatah của ông đang ngày càng tăng lên. Ngay sau khi xảy ra hai vụ tiến công trên, ngày 2-12-2001 lực lượng an ninh Palestine đã bắt giữ hai quan chức cao cấp của Hamas là Abu Shanab và Ismail Haniyan, đồng thời hàng chục người quá khích của Hamas ở Bờ Tây và dải Gaza cũng đang bị vây ráp như một phần của tình trạng khẩn cấp được ban lãnh đạo Palestine ban bố. Không những thế, an ninh Palestine còn bắt hụt lãnh tụ tinh thần của Hamas Sheikh Mamed Yassin và trấn áp hàng trăm các phần tử quá khích nhằm làm dịu di tình hình.

Cho đến thời điểm đó, bất chấp những lời kêu gọi, thuyết phục và cả trấn áp từ phía Palestine, phong trào kháng chiến Hamas không chịu từ bỏ cam kết sẽ theo đuổi tới cùng cuộc chiến chống Israel. Song, trước các biện pháp trấn áp các phần tử quá khích của các lực lượng an ninh ở Palestine, ngày 21-12-2001, Hamas tuyên bố ngừng các cuộc đánh bom cảm tử và cuộc tấn công chống Israel nhằm "cứu vãn sự thống nhất của Palestine" Tiếp theo Hamas, nhóm vũ trang Hồi giáo Jihad cũng quyết định tạm đình chỉ hành động tiến công bên trong lãnh thổ Israel. Chính quyền Palestine đã hoan nghênh quyết định của Hamas và Jihad và cho rằng, quyết định đó có lợi cho lợi ích quốc gia và có tác dụng ngăn chặn kế hoạch của Thủ tướng A. Sharon mưu toan phá hoại Tiến trình hòa bình và xóa bỏ những nỗ lực của cộng đồng quốc tế trong việc thành lập một Nhà nước Palestine độc lập.

Nói tóm lại, trong hoạt động đấu tranh quân sự, phái Fatah của PLO chủ trương ôn hòa và dùng đàm phán ngoại giao hòa bình để giải quyết vấn đề mâu thuẫn, từng bước giành độc lập chủ quyền cho quốc gia dân tộc. Các phái Hamas, Jihad chủ trương đẩy mạnh hoạt động vũ trang kể cả đánh bom tự sát để giải quyết vấn đề. Nội bộ lực lượng PLO trong suốt thời gian này vẫn chưa dạt được sự thống nhất trong quan điểm cũng như hành động, thậm chí còn mâu thuẫn, tranh giành quyền lực, tự làm suy yếu lẫn nhau. Trước các hoạt

động vũ trang của Hamas và Jihad, phía Israel không những không biết tự kiềm chế mà còn lợi dụng để tiến tới đạt được các tham vọng bằng con đường bạo lực. Điều này không phải là phương cách giải quyết cho vấn đề Trung Đông.

Trên lĩnh vực kinh tế, văn hóa - xã hội:

Thực trạng dời sống xã hội của người Ảrập Palestine trong giai đoạn này có thể miêu tả một cách khái quát như sau:

Đối với người Palestine, việc dỡ bỏ các khu chiếm đóng là điều kiện hàng đầu thể hiện chủ quyền của mình trên một lãnh thổ không bị chia cắt. Nhưng những rào chắn ngày càng làm cho các thành phố và làng mạc Palestine nghẹt thở. Trước hết là sự bấp bênh của cuộc sống hàng ngày, đại bộ phận dân chúng ở trong tình trạng thất nghiệp trầm trọng và bị hạn chế đi lại. Điều đó không chỉ gây ảnh hưởng đối với đời sống mà còn ảnh hưởng đối với các mối liên hệ xã hội. Các hoạt động, văn hóa tinh thần tôn giáo cũng bị hạn chế tại khu đền thiêng Jerusalem bởi sự tranh giành quyền kiểm soát của Israel. Không những thế, chính hàng rào an ninh mà chính quyền Israel dựng lên để ngăn cản các lực lượng vũ trang và người dân Palestine xâm nhập vào lãnh thổ, vô hình chung tạo ra sự ngăn cách và phân biệt đối xử tôn giáo làm cho đời sống của nhân dân Palestine càng thêm khó khăn, do đó càng khoét sâu hơn vào mâu thuẫn hai dân tộc vốn đã tồn tại từ lâu.

Trong khuôn khổ khu vực Trung Đông, xã hội Palestine từ lâu đã hình thành mạng lưới liên kết - một cơ sở của sự phản kháng chống lại ách chiếm đóng, bên cạnh những hình thái tổ chức truyền thống theo kiểu gia đình, tu viện, nhà thờ hay cộng đồng làng xóm. Trước hết, mạng lưới này đáp ứng nhu cầu vật chất của người dân về y tế, giáo dục mà thường xuyên bị chính quyền Israel loại bỏ. Mạng lưới đó còn vận động xã hội và chính trị để bảo toàn bản sắc của các vùng đất bị chiếm đóng. Đây là bản sắc văn hóa dân tộc, thể hiện tính cố kết và tinh thần kiên cường và bền bỉ của nhân dân Palestine trong cuộc đấu tranh với người Do Thái nhằm ổn định kinh tế và xã hội.

Nhìn lại lịch sử, theo Nghị quyết 181 của Liên hợp quốc, người Do Thái được những phần đất màu mỡ hơn để trồng trọt nên nền kinh tế nông nghiệp phát triển thuận lợi, còn đất đai của nhân dân Palestine chỉ là những vùng sa mạc cằn cỗi. Hai xã hội Israel và Palestine cùng chung sống trên một vùng đất nên ở một mức độ nào đó nền kinh tế của hai xã hội này cũng hòa quyện, gài răng lược đan chéo nhau tùy thuộc một mức độ nhất định vào nhau. Chính quyền Israel không những không nhận thức điều này mà còn thực hiện các biện pháp nhằm hạn chế người Palestine nhập cư, do đó người dân Palestine phải đấu tranh và tìm cách di chuyển sang lãnh thổ của Israel để tìm việc làm sinh sống, họ vào làm việc trong các nhà máy, xí nghiệp của các doanh nhân Israel. Bởi vậy, Israel không thể phát

triển dễ dàng nếu không có lực lượng lao động người Palestine, ngược lại Palestine cũng không thể phát triển nếu không tiến vào thị trường Israel. Một trong những nguyên nhân dối với việc GDP của Palestine giảm trong suốt cuộc chiến Intifada thứ hai là chính sách dối phó "khép kín" của Israel. Nhưng trước dòi hỏi sinh tồn người Palestine đã tìm mọi cách tiến vào thị trường lao động Israel dể mưu sinh bằng cách không đi qua những trạm kiểm soát mà vẫn lén lút theo đường bộ phía sau vào làm việc bất hợp pháp cho các nhà thầu người Israel. Người ta đã ước tính rằng, trước khi xảy ra Intifada lần thứ hai, "có 130.000 người Palestine làm việc tại Israel (khoảng một nửa trong số dó là lao động bất hợp pháp)"[1]. Sau vài tuần đầu tiên của chiến tranh Intifada và cho tới các sự kiện tháng 3-2002, trên thực tế khoảng 50.000 công nhân có thể quay lại công việc ở Israel và các khu định cư, mặc dù biên giới băng qua các trạm kiểm soát này bị đóng kín và chỉ mở lại vào những thời điểm nhất định.

Nhiều hiệp hội Palestine đã ra đời cố gắng nắm sự kiểm soát các công doàn, các tổ chức phụ nữ, sinh viên. Nhưng do mâu thuẫn trong nội bộ giữa Fatah và Hamas nên một "cuộc chiến thiết chế" đã xảy ra giữa Fatah và các nhóm cánh tả trên các vùng dất Palestine được trao trả hay chính ngay tại các khu định cư Do

---

1. Bernard Wassertein: *Cuộc chiến giữa Israel và Palestine*, Nxb. Văn hoá Thông tin, Hà Nội, 2008, tr.58.

Thái, ở các vùng quân Israel còn chiếm đóng, bởi vì các cơ quan dân sự này dù là cơ quan thực thi hay quan sát đều cùng được gọi là những cơ sở phôi thai của một nhà nước tương lai. Các ủy ban nhân dân này làm việc tự nguyện nhiệt tình làm thay đổi dần bản chất của cuộc đấu tranh vũ trang mà các phe Hồi giáo vũ trang tiến hành. Hoạt động chính của họ là: mở rộng các hoạt động tu sửa các thành phố, giúp đỡ y tế, sáng lập các hợp tác xã hoặc trung tâm kế hoạch hóa gia đình. Mạng lưới các ủy ban nhân dân như thế đã tạo thành cơ sở vận động quần chúng tạo nên những thắng lợi trên bàn ngoại giao của PLO, đồng thời tạo sự đoàn kết thống nhất hơn giữa những phe nhóm Palestine. Có thể nói, trong bối cảnh bị phong tỏa bởi chính quyền Israel, nhân dân Palestine vẫn tích cực đấu tranh tìm ra những phương pháp phù hợp, vừa ổn định đời sống, vừa tạo dựng một bản sắc văn hóa riêng của người Hồi giáo.

Riêng ở Jerusalem, đời sống kinh tế xã hội và cuộc đấu tranh giữa hai cộng đồng người, hai tôn giáo lớn ở đây có nét khác biệt so với các vùng đất Palestine còn lại. Đã từ lâu, Jerusalem là một thủ đô thống nhất trên giấy tờ, nhưng trên thực tế thì lại khác. Đó là một thành phố của sự phân biệt xã hội, của biên giới vô hình ngăn cách không những người Palestine và người Israel mà cả người theo đạo và người không theo đạo, tín đồ Do Thái giáo, Hồi giáo và Cơ Đốc giáo. Đây là trung tâm của xung đột và là lực cản lớn đối với Tiến trình hòa bình Trung Đông. Vượt qua "những biên giới"

đó ví tựa như soi gương bằng mặt trái: đi từ phần Tây sang phần Đông, đó là một bức tranh đôi khi không giống những chiếc lô cốt đang đánh nhau. Sự phân biệt xã hội nghiêm trọng đến nỗi, trẻ em Palestine ở Đông Jerusalem học bằng sách giáo khoa do chính quyền Israel soạn thảo, còn Palestine chấp nhận cho dán kín biểu tượng in trên bìa sách. Không những thế, chính quyền Israel luôn tuyên bố Jerusalem là thủ đô "mãi mãi" của mình nên đã hạn chế các hoạt động tôn giáo của người Hồi giáo tại khu vực này. Bất chấp sự ngăn cản, các tín đồ Palestine vẫn thường xuyên tổ chức các buổi lễ cầu nguyện, thực hiện các nghi thức lễ nghi của tôn giáo mình tại phần Đông Jerusalem. Trong cuộc trao đổi với Hãng tin *Reuters*, ông Hassan Abdel-Rahmane, đại diện của PLO tại Washington, thành viên của cuộc gặp Trại David, đã nói rõ quan điểm của phong trào: "Lập trường của chúng tôi rất rõ ràng, và tôi khẳng định tại đây rằng, chúng tôi công nhận chủ quyền toàn diện của Israel ở Tây Jerusalem và đổi lại, yêu cầu chủ quyền toàn diện của Palestine ở Đông Jerusalem"[1].

Như vậy, trong khuôn khổ xã hội Palestine, mặc dù bị cấm vận biên giới bởi Nhà nước Israel cũng như kiểm soát tôn giáo văn hóa tại khu vực tranh chấp Jerusalem, nhưng nhân dân Palestine vẫn tìm mọi biện pháp đấu tranh để bảo vệ sự sinh tồn của mình. Trong

---

1. Thông tấn xã Việt Nam: *Xung đột Israel và Ảrập*, Nxb. Thông tấn, Hà Nội, 2002, tr.107.

không gian đó, họ vẫn tự tổ chức ra nhiều hình thức hoạt động đa dạng trên các lĩnh vực, khẳng định bản sắc của dân tộc Ảrập.

b) Giai đoạn 2002-2008

Trong giai đoạn này, Tiến trình hòa bình Trung Đông có nhiều khởi sắc hơn khi được sự quan tâm của Mỹ và các bên liên quan, Liên đoàn Ảrập trong việc đưa ra các sáng kiến hòa bình mới, làm tiền đề thúc dẩy dàm phán Israel Palestine tiến triển thêm một bước quan trọng là tiến tới thành lập Nhà nước Palestine độc lập. Tuy nhiên, cũng như giai đoạn trước, do nhiều yếu tố lịch sử, khách quan và chủ quan mà việc giải quyết cuộc xung đột giữa hai dân tộc vẫn rơi vào bế tắc.

Trên lĩnh vực chính trị - ngoại giao:

Sau những thất bại trong các phương án đề xuất cho một giải pháp nhằm đem lại một nền hòa bình cho cuộc xung đột ở Trung Đông, vào trung tuần tháng 2-2002, Khối Ảrập mà cụ thể là Thái tử Ảrập Xêút Apdulla, đưa ra sáng kiến hòa bình với trọng tâm giải quyết vấn dề chủ quyền dất đai, gọi là sáng kiến "*Đổi chủ quyền lấy an ninh*" Nội dung của sáng kiến này là: tất cả các nước Ảrập sẽ thiết lập quan hệ ngoại giao bình thường với Israel để đổi lấy việc Nhà nước Do Thái phải rút quân khỏi tất cả các vùng lãnh thổ Ảrập mà họ chiếm đóng trái phép trong cuộc chiến tranh Trung Đông năm 1967. Đó là cao nguyên Gôlan, khu vực Gaza, Bờ Tây sông Jordan và Đông Jerusalem.

Sáng kiến hòa bình của Thái tử Apdulla được xem như là một lối thoát cho tiến trình hòa bình đang bế tắc. Có nhiều lý do để sáng kiến này trở nên hấp dẫn và được tất cả các bên quan tâm hưởng ứng. Trước hết phải kể đến tính kịp thời của nó, bởi đây là sáng kiến hòa bình chính thức được đưa ra sau 17 tháng xung đột đẫm máu tại Trung Đông. Mặt khác, nó được đề xuất bởi Ảrập Xêút một nước có vai trò quan trọng trong khu vực, đặc biệt là trong thế giới Ảrập. Cuối cùng, nội dung của sáng kiến đã phần nào phản ánh được các mục tiêu mà Israel và Palestine - hai chủ thể chính của tiến trình hòa bình đang hết sức quan tâm. Ngày 28-2-2002, Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc đã thông qua sáng kiến này với đa số phiếu, và đã được Tổng thống Mỹ Bush lẫn Ngoại trưởng Collin Powell hoan nghênh, cho đây là một bước tiến của Tiến trình hòa bình Trung Đông. Một số nước khác như Nga, Trung Quốc, Liên minh châu Âu (EU) cũng bày tỏ sự ủng hộ và mong muốn một cuộc gặp gỡ trực tiếp giữa Chủ tịch Palestine và Thủ tướng Israel sẽ được mau chóng tổ chức. Tuy nhiên, sáng kiến này đã không tìm được hướng giải quyết bởi nhiều nguyên nhân phức tạp liên quan đến lịch sử, tôn giáo và chính trị từ xưa đến nay. Thêm vào đó là các cuộc đấu tranh mang tính tự phát và không có chiến lược hợp lý của các nhóm vũ trang quá khích Palestine. Các nhóm này hoạt động không theo một sự chỉ huy thống nhất nào nên hầu hết các cuộc đánh bom và bạo động là theo cảm tính, chính vì thế lại càng tạo

có cho các hành động quân sự trả đũa của chính quyền Israel và mâu thuẫn lại có dịp bùng phát.

Trước tình hình mới, ngày 24-6-2002, Chính phủ Bush buộc phải công bố một "kế hoạch hòa bình mới" cho Trung Đông. Tháng 12-2002, bốn bên là Mỹ, Nga, Liên minh châu Âu (EU) và Liên hợp quốc đã triệu tập Hội nghị về vấn đề hòa bình Trung Đông, đưa ra "Lộ trình hòa bình Trung Đông" Nhưng xung đột Israel và Palestine đã làm cho Lộ trình này không có hiệu quả. "Lộ trình hòa bình Trung Đông" chính thức được công bố vào ngày 4-6-2003 và Mỹ ra sức thúc đẩy thực hiện, nhằm tìm ra một giải pháp thỏa hiệp cho cuộc xung đột Israel Palestine. Đây là dự án được thành lập sau khi liên quân Anh - Mỹ xâm chiếm Irắc và trước hết là do Washington tăng sức ép đối với Chính phủ Sharon cũng như ban lãnh đạo Palestine. Các điểm chính của Lộ trình hòa bình năm 2003 là: Bước 1 (từ tháng 5-2003): chấm dứt các hoạt động khủng bố, bình thường hóa đời sống người Palestine và tiến hành cải tổ chính trị. Israel phải rút quân và chấm dứt hoạt động của các khu định cư. Tổ chức bầu cử tại Palestine. Bước 2 (từ tháng 6 đến tháng 12-2003): thành lập Nhà nước Palestine độc lập với đường biên giới tạm thời, mở hội nghị quốc tế và giám sát quốc tế việc thực hiện lộ trình. Bước 3 (2004-2005): mở hội nghị quốc tế lần thứ hai, đưa ra thỏa thuận lâu dài, chấm dứt xung đột; đưa ra hiệp định cuối cùng về phân định biên giới Jerusalem; người tị nạn; khu định

cư; các nhà nước Ảrập ký kết hiệp định hòa bình với Nhà nước Do Thái.

Cả ba bước này dự kiến hoàn tất vào cuối năm 2005. Như vậy, đối với Israel họ có thể bớt bị ám ảnh bởi khủng bố, còn Palestine họ có thể ngẩng cao đầu với tư cách một dân tộc có chủ quyền và độc lập. Với Mỹ, khi vẽ lại bức tranh chính trị Trung Đông, Washington không chỉ khống chế được thành phần Hồi giáo cực đoan mà còn lôi được một quốc gia Palestine mới (thời "hậu Arafat") vào "trục" của mình hơn "trục Nga", hoặc "trục châu Âu" Qua lộ trình hòa bình Trung Đông, Tổng thống Bush cũng hàn gắn được rạn nứt quan hệ với cộng đồng Ảrập.

Khi lộ trình này được công bố thì người ta đã đoán rằng nó sẽ thất bại ngay từ đầu, bởi tương tự như đối với Hiệp định Oslo đã được thỏa thuận 10 năm trước đây, các lực lượng cực đoan ở cả hai phía chưa bao giờ chấp nhận Lộ trình này ngay trong ý tưởng chính của nó. Người Do Thái định cư chủ trương tách vùng đất của người Palestine khỏi vũng lãnh thổ của người Do Thái, chỉ nhượng lại 30% vùng lãnh thổ Bờ Tây và dải Gaza cho người Palestine, đồng thời đặt mục tiêu ngăn cản bằng mọi giá việc giải tỏa các khu định cư và quá trình thành lập một nhà nước Palestine. Còn Hamas thẳng thừng bác bỏ lộ trình hòa bình mới và gọi đó là "kế hoạch thanh toán sự nghiệp của người Palestine"

Lộ trình mới kêu gọi hai bên ngừng bắn ngay lập tức, chính quyền Palestine trấn áp du kích, Israel rút

khỏi các thành phố của Palestine và dỡ bỏ những khu định cư Do Thái được thiết lập từ năm 2001. Kết quả cuối cùng là một Nhà nước Palestine sẽ hình thành sớm nhất vào năm 2005.

Ngày 4-6-2003, cuộc họp ba bên giữa Bush, Abbas và Sharon dược tổ chức ở Gioócdani để khởi động "Lộ trình hòa bình Trung Đông" trong tình hình xung đột ác liệt vẫn diễn ra. Cuối tháng 6-2003, với cố gắng thuyết phục của các bên, hai bên đã ký hiệp định dình chiến tạm thời trong ba tháng. Đầu tháng 9-2003, Palestine đã bổ nhiệm Thủ tướng. Đầu tháng 10-2003, Arafat đã giao quyền cho Thủ tướng Qorei khẩn cấp tổ chức nội các mới, loại bỏ Abbas, người đàm phán với Mỹ và Israel. Vậy là "Lộ trình hòa bình" của Mỹ bị công kích mạnh mẽ và lại bị bóng đen bao phủ.

Tuy nhiên, triển vọng về giải quyết cuộc xung đột Israel - Palestine lại được nhen nhóm khi vào cuối năm 2003, sau ba năm thương lượng bí mật bởi cựu Bộ trưởng Israel Yossi Beilin và đại diện Palestine Yasser Abed Rabbo, thỏa thuận Giơnevơ được ký vào ngày 1-12-2003 để dự liệu một kế hoạch hòa bình cho Trung Đông, hiển nhiên không phải là một văn kiện chính thức, nhưng nó cho phép hy vọng giải quyết một cuộc xung đột đã gây thất vọng cho bao người. Tất cả cộng đồng quốc tế đều quan tâm đến điều này và khơi dậy một phong trào ủng hộ trong dư luận công chúng trên toàn thế giới. Hiệp định này đi sâu hơn vào chi tiết so với tất cả những hiệp định trước đó, thậm chí dự kiến

quyết định ngay tức khắc về những vấn đề nhạy cảm nhất như quy chế Jerusalem và vấn đề người tị nạn Palestine. Nhân dân hai nước sẽ buộc các đại diện của mình đi tới hòa bình từ những cơ sở đó hoặc là họ tiếp tục dấn sâu vào địa ngục với bạo lực.

Sáng kiến Giơnevơ dựa trên *giải pháp cho cả hai nhà nước*, qua đó tôn trọng quyền của các dân tộc, đối với chủ quyền đất nước một cách hợp pháp. Với sáng kiến này, trước hết Palestine được công nhận là một nhà nước có chủ quyền. Và tiếp đó, một cách tự nhiên, Palestine quyết định một số biện pháp đi tới hòa bình.

Mặt khác, nó *quy định Israel phải rút khỏi các vùng đất chiếm đóng năm 1967* cũng như phá bỏ những nguyên tắc định cư thực dân bất hợp pháp, đồng thời những trao đổi về đất đai sẽ được trù tính thực hiện xung quanh ranh giới này. Israel sẽ giữ lại một số khu vực thực dân tại Bờ Tây. Để đổi lấy các vùng đất đã bị Israel hóa, Palestine được nhận những diện tích đất tương đương, chủ yếu nằm ở dải Gaza. Cuối cùng, Israel cam kết để nguyên các cơ sở hạ tầng hiện có tại tất cả những vùng thực dân khác mà họ rời đi. Nhà cửa, đường xá, các công trình công cộng sẽ chuyển cho người Palestine quản lý.

Về vấn đề Jerusalem, theo sáng kiến Giơnevơ, thành phố này sẽ là thủ đô của cả Israel và Palestine. Điều 6 giải quyết những thể thức phân chia thành phố này. Với Palestine, nó bao hàm cả những ưu tiên và nhượng bộ. Một mặt, việc công nhận Jerusalem là Thủ đô - một

việc bất khả kháng và là yếu tố quan trọng trong yêu sách của người Palestine, nổi lên như một thắng lợi thật sự. Mặt khác, việc phân chia thành phố trên cơ sở của sự phân bố dân cư nhằm bác bỏ một việc làm đã rồi của Israel. Những người Palestine sẽ có chủ quyền ở toàn bộ khu thành phố cổ, trừ "Bức tường oán thán" và khu Do Thái vẫn thuộc sự quản lý của người Israel.

Về vấn đề người tị nạn, Điều 7 (phần 4) khẳng định quyền hồi hương bằng việc mở cho mỗi người Palestine những lựa chọn (kèm theo những thông tin cần thiết). Thời hạn lựa chọn là trong vòng hai năm cho dù họ ra đi vào bất kỳ thời điểm nào: 1. Trở về Palestine (trong lãnh thổ Palestine dự tính trong hiệp định); 2. Trở về Israel; 3. Tiếp tục trở lại đất nước họ đã tị nạn; 4. Tới một nước thứ ba sẵn sàng đón nhận một số lượng người Paelstine.

Cuối cùng, lãnh thổ ở Bờ Tây cũng như dải Gaza được bảo đảm với việc thành lập một hành lang. Hành lang ấy được đặt dưới chủ quyền của Israel, bởi nó chủ yếu nằm trên phần đất được công nhận của Israel. Nhưng sự cai quản hành lang ấy lại thuộc về Palestine. Khi xuất hiện những khó khăn trong hoạt động, nhóm áp dụng và theo dõi hiệp định (quốc tế) sẽ là người bảo trợ.

Như vậy, đóng góp quan trọng của sáng kiến Giơnevơ là đã chỉ ra rằng trong cả hai xã hội (Israel và Palestine), con người không e ngại lẫn nhau. Sáng kiến này vẫn chỉ là sự kiến tạo hòa bình tưởng tượng, nhưng

chỉ có thể thực hiện sáng kiến với sự can thiệp tích cực của cộng đồng quốc tế và những người ủng hộ hy vọng nó có thể là một lựa chọn thay thế nghiêm túc.

Quá trình đấu tranh bền bỉ giành độc lập chủ quyền của nhân dân Palestine lại càng trở nên khó khăn hơn khi chính quyền Israel đã cho xây dựng bức tường an ninh mà qua đó hạn chế những quyền cơ bản của người dân về chính trị và kinh tế.

Ý tưởng dựng bức tường được nhen nhóm trong thập niên 90 thế kỷ XX, nhưng chỉ bắt đầu định hình khi các lực lượng quá khích Palestine tấn công Israel bằng hàng loạt các vụ đánh bom cảm tử leo thang nghiêm trọng trong năm 2001. Không phải là bức tường bê tông bình thường (hệ thống bức tường cao 3,6m, khi hoàn thành sẽ bao chu vi 480km, với hàng rào thép gai và vọng gác). Ngày 29-7-2003, Thủ tướng Sharon tuyên bố công trình "vạn lý trường thành" không có sự thay đổi và tiếp tục tiến hành đúng kế hoạch đưa ra trước đó một năm. Tuyên bố của Thủ tướng Sharon xuất hiện bốn ngày sau khi Tổng thống Bush lên tiếng rằng hàng rào an ninh Israel là vấn đề quan trọng đầy nhạy cảm có thể làm hỏng phác thảo lộ trình hòa bình. Gần như cô lập Palestine tại khu vực Trung Đông, bức tường không chỉ là hàng rào quân sự mà còn là ranh giới chính trị. Giải pháp bức tường của Sharon bị phản đối ngay từ đầu lộ trình thực hiện. Trong buổi gặp đầu tiên với Sharon tháng 5-2003, Thủ tướng Palestine Abbas đã yêu cầu Israel ngưng xây dựng tường và trong cuộc

diện kiến nhóm an ninh quốc gia Israel, cố vấn an ninh quốc gia Mỹ Condoleezza Rice cũng phản đối công trình bức tường.

Dự án bức tường không chỉ bị phản đối từ Palestine mà còn đối mặt với sự lên án từ các nhóm nhân quyền Israel cũng như quốc tế. Hàng trăm người Palestine sẽ phải sống trong cảnh "cá chậu chim lồng" ngay trên lãnh thổ của mình và chịu ảnh hưởng nghiêm trọng đến đời sống kinh tế lẫn tư cách chính trị. Quan trọng hơn đất đai Palestine dã bị bức tường lấn chiếm thô bạo.

Với những gì đã xảy ra, năm 2003 lẽ ra là năm có thể thay đổi được cuộc xung đột Israel - Palestine theo chiều hướng tốt. Một kế hoạch hòa bình được Mỹ bảo trợ được đưa ra và người ta trông chờ vào hội đàm về một Trung Đông mới. Tuy nhiên, kết thúc năm 2003 mà lộ trình hòa bình vẫn bế tắc.

Trong khi sự nghiệp cách mạng của người Palestine vẫn còn đang tiếp tục thì vào ngày 11-11-2004, Chủ tịch Y. Arafat một người suốt đời gắn bó sự nghiệp đấu tranh cho một dân tộc Palestine thống nhất đã qua đời. Đây là một tổn thất lớn cho dân tộc Palestine. Sự ra đi của Arafat khỏi sân khấu chính trị Trung Đông đã khiến nhân dân Palestien mất đi một nhà lãnh đạo, người được coi là đại diện cho ý chí tồn tại và giành quyền độc lập dân tộc cho người dân Palestine, nhưng cũng đã mang lại cơ hội cho các nhà lãnh đạo mới của Palestine đoàn kết và thực hiện tốt hơn sự nghiệp lãnh đạo nhân dân Palestine đấu tranh để có

một nhà nước vững chắc. Ông đã làm cho toàn thế giới hiểu rõ sự nghiệp của dân tộc Palestine, đã phá tan sự im lặng, đánh thức lương tri và tạo ra sự đoàn kết thống nhất. "Cái chết của Arafat sẽ đánh dấu sự kết thúc của một kỷ nguyên rất dài trong lịch sử của nhân dân Palestine và sẽ mở đầu một thời kỳ mới"[1]. Arafat chết đi cũng là một tin xấu đối với Israel, bởi ông là nhà lãnh đạo duy nhất của người Palestine có thể đưa ra nhiều nhượng bộ như ông từng làm mà vẫn tồn tại về mặt chính trị.

Đối với nhân dân Palestine, ai và phái nào sẽ đóng vai trò chủ chốt trên chính trường Palestine thời kỳ hậu Arafat? Ông không chỉ định người kế nhiệm và trên thực tế cũng không ai có khả năng kế nhiệm giành được sự ủng hộ rộng rãi. Mỗi người đều bị hạn chế ở khu vực địa lý và tổ chức của họ. Còn một số nhân vật được các phương tiện thông tin đại chúng phương Tây chú ý, nhưng lại hoàn toàn không có vai trò quan trọng trên chính trường Palestine.

Theo Hiến pháp Palestine, Chủ tịch Hội đồng lập pháp (Quốc hội) sẽ tạm quyền sau khi Arafat qua đời. Một cuộc bầu cử được tổ chức trong thời hạn 30 ngày. Thủ tướng Ahmed Qorei (còn gọi là Abu Ala) đứng đầu Nhà nước Palestine, đây là tổ chức lâm thời được thành lập sau Hiệp định Oslo năm 1993 và đang quản

---

1. Thông tấn xã Việt Nam: *Palestine thời hậu Arafat*, Tài liệu tham khảo đặc biệt, tháng 12-2004, tr.27.

lý người Palestine ở Bờ Tây và dải Gaza. Còn ông Mahmud Abbas (còn gọi là Abu Mazen) sẽ lãnh đạo tổ chức giải phóng Palestine PLO - một cơ cấu mang tính lịch sử, đại diện cho tất cả mọi người Palestine cả trong và ngoài nước. Tuy nhiên, trên chính trường Palestine còn có một lực lượng quan trọng khác là nhóm Hồi giáo Hamas cũng tham gia tranh giành quyền lực nhưng không thể tiếp thu chính trường Palestine vì chỉ được 20% người Palestine ủng hộ. Trong đó, Mỹ đặt niềm hy vọng vào ông Abbas thay đổi được bộ mặt của Palestine, nhưng rất khó thay đổi toàn bộ chính sách của Arafat. Sau khi Arafat qua đời, Abbas tuyên bố kế thừa di sản của Arafat, kiên trì xây dựng nhà nước với Thủ đô là Jerusalem, quyết không từ bỏ quyền trở về của nạn dân.

Ngày 10-1-2005, Abbas một chính trị gia kỳ cựu và một cộng sự thân cận của cố lãnh tụ Arafat, một trong những kiến trúc sư của Hiệp ước hòa bình Oslo đã thắng cử chức Chủ tịch Nhà nước Palestine với 62,3% số phiếu bầu, dễ dàng vượt qua sáu đối thủ hầu như không có tên tuổi khác để trở thành người có thể "vãn hồi những khát vọng của người Palestine" Kể từ nay, dư luận Palestine đang chờ đợi ông trở thành một người mang lại một bước ngoặt lịch sử cho việc nối lại tiến trình hòa bình. Trong con mắt của ông, không phải dân tộc Do Thái là kẻ thù truyền kiếp của người Palestine, mà chỉ là những lực lượng hiếu chiến trong cộng đồng Do Thái, những người chống lại quyền tự

quyết của người Palestine, thì mới là kẻ thù của người Palestine. Ông cũng biết vừa mềm mỏng, vừa kiên quyết để tìm cách kiềm chế tham vọng bạo lực của một số nhóm vũ trang Palestine, nhưng không tạo cho họ cảm giác bị thất thế. Ông Abbas đã tuyên bố: "Cuộc thánh chiến nhỏ đã kết thúc, bắt đầu một cuộc thánh chiến mới"[1]. Sau đó những người thân cận của ông giải thích rằng "cuộc thánh chiến lớn" là thành lập một Nhà nước Palestine độc lập và tiến hành đấu tranh giải phóng tù nhân Palestine. Còn sự kết thúc "cuộc thánh chiến nhỏ" có nghĩa là chấm dứt cuộc đấu tranh vũ trang. Một điều thuận lợi đối với Abbas là việc Mỹ coi ông là "một nhà lãnh đạo ôn hòa và thực dụng và là người mà Mỹ có thể cộng tác"[2] và đưa ra một lời mời mà Tổng thống Mỹ đã từng không bao giờ đưa ra đối với Y. Arafat đó là sẽ sẵn sàng chào đón Abbas tới Washington để thảo luận. Nhưng nhiệm vụ hàng đầu của lãnh đạo mới Palestine là ổn định và thống nhất nội bộ. Các nhóm vũ trang Hồi giáo mặc dù không giành được thắng lợi trong cuộc bầu cử nhưng uy tín của họ cũng khá cao trong lòng người Palestine và cơ hội để có thể tham gia trong Hội đồng Nhà nước trong cuộc bầu cử Quốc hội vào tháng 7-2005 là rất lớn.

---

1. Thông tấn xã Việt Nam: *Abbas, thuốc thử thiện chí của Mỹ và Israel*, Tài liệu tham khảo đặc biệt, ngày 17-1-2005, tr.13.

2. Thông tấn xã Việt Nam: *Đối với Arafat, giờ đây là một công việc khó khăn*, Tài liệu tham khảo đặc biệt, ngày 17-1-2005, tr.3.

Thách thức đầu tiên đối với Abbas sẽ tìm cách thuyết phục các nhóm vũ trang này đồng ý ngừng bắn bởi cuộc nổi dậy Intifada kéo dài trong bốn năm đã không đưa người Palestine tới gần hơn chút nào với giấc mơ của họ về một quốc gia độc lập; và mục tiêu đó chỉ có thể thành đạt tốt nhất bằng việc thông qua con đường chính trị.

Xung đột đẫm máu liên tục trong bốn năm qua không chỉ phá vỡ cơ sở lòng tin vốn đã mỏng manh giữa hai quốc gia, mà còn khoét sâu thêm mối thù hằn dân tộc. Vì vậy, 53% dân Israel cho rằng Arafat qua đời không mang lại cơ hội hòa bình, 49% cho rằng phía Palestine vẫn không phải là bạn hòa đàm. Trong khi đó, 88% dân Palestine cho rằng Israel không phải là bạn đàm phán, 44,7% cho rằng cần thông qua khởi nghĩa vũ trang để giành quyền dân tộc. Tuy nhiên, hy vọng lạc quan mà cộng đồng quốc tế nhìn nhận được qua kết quả cuộc bầu cử Tổng thống Palestine không thể chỉ được cụ thể hóa bằng cam kết hòa bình duy nhất của Abbas, mà nó còn phụ thuộc vào thiện chí hòa bình thật sự của Sharon, người được coi là mấu chốt trực tiếp của giải pháp hòa bình. Cũng cần phải nói rằng chỉ có chính quyền Bush mới đủ khả năng gây sức ép để thủ lĩnh Đảng Likud phải tuân thủ các lịch trình đàm phán và thực thi các khoản mục trong lộ trình hòa bình đã được "Bộ tứ" thông qua. Chắc chắn rằng kế hoạch đơn phương rút khỏi Gaza của Sharon sẽ tạo một bước tiến hướng tới hòa bình.

Ngày 15-8-2005, một sự kiện cực kỳ quan trọng và thật sự bất ngờ với Palestine và dư luận thế giới là việc đương kim Thủ tướng Israel A. Sharon quyết định rút người Do Thái khỏi các khu định cư tại dải Gaza và trao trả vùng đất này cho người Palestine kiểm soát theo đúng chủ quyền chính đáng của họ. Cuộc di dời hàng ngàn người định cư Do Thái ở dải Gaza được triển khai từ ngày 15-8-2005 và kết thúc vào ngày 22-8-2005. Như vậy, sau khi cuộc di dời này kết thúc, 21 khu định cư Do Thái ở dải Gaza đã bị xóa sổ và tiếp đó người Do Thái di dời khỏi bốn khu định cư nhỏ tại Bờ Tây.

Tiếp theo đó, tháng 11-2005, Thủ tướng Israel - ông A. Sharon đã rời khỏi Đảng Likud và thành lập một đảng chính trị mới có tên là (Fatima Đảng Tiến lên) đồng thời thay đổi quan điểm về Tiến trình hòa bình Trung Đông. Ông ủng hộ sáng kiến "Đổi chủ quyền lấy an ninh" đã đưa ra trước đó. Theo ông Sharon, sáng kiến này thiết thực hơn và nó khuôn gọn mâu thuẫn lại chỉ còn giữa Israel - Palestine thay vì Israel với thế giới Ảrập như trước đây. Nhưng rất tiếc là ông bị đột quỵ và rơi vào hôn mê sâu khi quan điểm này triển khai chưa được bao lâu. Người kế nhiệm Sharon là ông Ehud Olmert tuyên bố sẽ tiếp tục con đường mà Sharon khởi xướng. Vấn đề đặt ra là liệu việc rút người định cư Do Thái lần này có phải là một bước tiến trong việc tháo gỡ xung đột ở Trung Đông hay không? Có thể nói, đối với người Israel điều này đã thể hiện những dự định chiến lược. Trước hết, là nhằm đảm bảo an ninh cho người Do

Thái những dối tượng luôn được coi là mục tiêu của các cuộc tấn công liều chết từ phong trào Intifada. Sau đó là tăng khả năng kiểm soát và chi phối với khu Bờ Tây, đã có thêm rất nhiều ngôi nhà mới đang được xây dựng tại Bờ Tây, nơi hiện có khoảng 240.000 người Do Thái đang sinh sống. Hơn thế nữa, rất có thể dự án rút khỏi Gaza tạo điều kiện để Chính phủ Israel củng cố kế hoạch "một Nhà nước Palestine không liên tục về lãnh thổ" Còn với người Palestine, sự việc trên có thể coi là thành quả từ các cuộc đấu tranh của phong trào Intifada cũng như những nỗ lực chính trị của Tổng thống Y. Arafat và Tổng thống Mahmud Abbas. Người Palestine chứng minh được lòng yêu nước và quyết tâm của mình trong cuộc đấu tranh vì độc lập tự do của dân tộc. Chính vì thế quốc gia Do Thái đã phần nào phải nhượng bộ và do đó mới có các cuộc di dời thường dân khỏi các khu định cư.

Tuy nhiên có một thực tế là, sau khi di dời người định cư khỏi dải Gaza, Israel vẫn có ý định tiếp tục can thiệp vào công việc nội bộ của Palestine; chẳng hạn như việc đi hay ở, việc cấp thẻ căn cước, quyền được trở về dải Gaza của công dân Palestine đều phải có ý kiến của nhà chức trách Israel. Trước tình hình đó, chính quyền Palestine kêu gọi cộng đồng quốc tế can thiệp để Israel phải tôn trọng quyền tự trị của người Palestine trong khuôn khổ lãnh thổ Palestine bao gồm quyền tự do đi lại của công dân, quyền qua lại đường biên giới, quyền liên thông giữa dải Gaza với phần còn lại của lãnh thổ

Palestine, quyền nối lại các hoạt động của hải cảng và sân bay...

Như vậy, từ tất cả những thực tế trên, có thể nói việc rút khỏi dải Gaza thực sự không hoàn toàn hứa hẹn một tương lai tươi sáng cho việc giải quyết xung đột giữa hai quốc gia.

Trong kế hoạch đảm bảo sự ảnh hưởng lớn của Mỹ tại khu vực Trung Đông, chính quyền của Tổng thống Bush liên tục có những sáng kiến và giải pháp nhằm kêu gọi hai dân tộc Israel và Palestine ngồi vào bàn đàm phán, nhân nhượng về những vấn đề chủ yếu liên quan đến chủ quyền biên giới và hạn chế xung đột. Thế nhưng, dường như các cuộc gặp gỡ này cũng không thể nào vượt qua những rào cản của lịch sử. Chính thái độ cứng rắn của các bên tham dự đã kéo dài thêm mâu thuẫn, càng làm cho tình hình rất khó kiểm soát.

Sau nhiều lần tiến hành hòa giải không thành công, ngày 19-2-2007, Ngoại trưởng Mỹ Condoleezza Rice, đã triệu tập một cuộc gặp cấp cao ba bên gồm Thủ tướng Israel Ehud Olmert, và Tổng thống Palestine Abbas dưới sự "bảo trợ" của bà Rice. Tuy nhiên, cuộc gặp cũng không đề ra được những triển vọng mới về hòa bình như vạch ra các đường biên giới của Nhà nước Palestine trong tương lai hoặc về quy chế Jerusalem, hai khó khăn lớn nhất cản trở Tiến trình hòa bình Israel Palestine. Về vấn đề đầu tiên, các nhà lãnh đạo đã tái khẳng định tại Jerusalem cam kết của họ về một giải pháp hai nhà nước, nhưng không đưa ra những chi tiết về các đường

biên giới cũng như thủ đô của nhà nước này, và đây chính là điểm bất đồng quan trọng giữa Palestine và Israel. Trong cuộc gặp lần này, hai nhà lãnh đạo đã nhắc lại với bà Rice việc họ chấp nhận "lộ trình hòa bình", quy định việc thành lập một Nhà nước Palestine, nhưng cho đến nay, nó vẫn chỉ là tờ giấy xếp trong ngăn bàn, ngay sau khi nó được đưa ra hồi mùa hè năm 2003. Nhưng phát biểu với báo chí sau cuộc hội đàm, bà Rice nói: "cả ba chúng tôi đều khẳng định về một giải pháp hai nhà nước và chúng tôi đã thỏa thuận với nhau về một Nhà nước Palestine không thể ra đời trong khủng bố và bạo lực. Tôi cho rằng việc tìm kiếm các phương tiện tiến tới một giải pháp hai nhà nước là một việc tốt. Một giải pháp như vậy sẽ đem lại cho nhân dân Palestine một nhà nước độc lập và mang lại cho nhân dân Israel một nước láng giềng có thể giúp nhân dân Israel được hưởng an ninh mà nhân dân Israel rất cần"[1].

Ngày 6-8-2007, Ehud Olmert là Thủ tướng đầu tiên của Israel, kể từ khi bắt đầu cuộc nổi dậy Intifada hồi tháng 9-2000, tới thành phố Jericho ở khu Bờ Tây sông Jordan để gặp Tổng thống Nhà nước Palestine Mahmud Abbas. Đây là lần đầu tiên kể từ bảy năm qua phía Israel nói sẵn sàng thảo luận với Palestine về những biện pháp nhằm chấm dứt cuộc xung đột và thành lập một Nhà nước Palestine, độc lập tồn tại bên

1. Thông tấn xã Việt Nam: *Tia hy vọng mong manh cho Trung Đông*, Tài liệu tham khảo đặc biệt, ngày 2-3-2007, tr.18.

cạnh Nhà nước Do Thái. Trong những năm qua, các cuộc gặp hiếm hoi cả hai bên chỉ thảo luận các vấn đề như ổn định tình hình, sự hợp tác kinh tế và nhân dạo, vấn đề an ninh chứ không đề cập đến những chủ đề trên. Các cuộc thảo luận vừa qua ở cấp cao cũng như các cuộc thảo luận sắp tới là nhằm mục tiêu đặt ra những nguyên tắc cơ bản cho một Nhà nước Palestine, để trình kết quả lên một hội nghị quốc tế về Trung Đông theo sáng kiến của Tổng thống Mỹ Bush. Ông chủ Nhà Trắng cũng hứa sẽ giải quyết cuộc khủng hoảng Palestine Israel trước khi kết thúc nhiệm kỳ Tổng thống sau 17 tháng nữa.

Chai sạn sau nhiều năm chìm trong bạo lực đẫm máu và những thất bại cay đắng trước đây, các nhà lãnh dạo Israel và Palestine tới Hội nghị Hòa bình Annapolis tại bang Maryland của Mỹ với hy vọng thu hẹp bất đồng vốn chia rẽ hai bên. Tổng thống Mỹ Bush cam kết rằng, Hội nghị Hòa bình Annapolis ngày 27-11 tới sẽ kêu gọi cộng đồng quốc tế Israel và Palestine tái khởi động các cuộc đàm phán bị "đóng băng" suốt bảy năm qua vì các diễn biến bạo lực đẫm máu. Tuy nhiên, chưa đầy một tuần trước khi diễn ra Hội nghị, hy vọng của các nhà lãnh đạo Israel và Palestine về việc đạt được một văn kiện chung ngày càng trở nên mờ mịt. Cuộc gặp giữa Thủ tướng Israel và Tổng thống Palestine diễn ra vào chiều ngày 19-11 đã kết thúc mà không đạt được bất cứ tiến bộ nào. Hai bên vẫn kiên quyết giữ nguyên lập trường cũ và không đạt được sự

nhất trí mang tính quyết định mở đường cho việc ký kết một văn kiện chung vốn được kỳ vọng sẽ là cơ sở cho các cuộc đàm phán tiến tới thành lập Nhà nước Palestine độc lập. Cùng với đó, trước sức ép của Mỹ, phía Israel đã bày tỏ thiện chí với tuyên bố không xây thêm các khu định cư mới ở vùng đất Cisjordanie và sẽ phá hủy các khu định cư "không hợp pháp", theo yêu cầu của chính quyền Palestine, Ảrập Xêút và Lộ trình hòa bình năm 2003. Tổng thống Abbas rất muốn Hội nghị Annapolis thúc đẩy việc giải quyết các vấn đề gai góc nhất gồm: quy chế cho vùng Đông Jerusalem, đường biên giới của Nhà nước Palestine trong tương lai và số phận của người tị nạn năm 1948.

Thế nhưng, Thủ tướng Israel Ehud Olmert chỉ coi đây là "điểm xuất phát cho các cuộc thảo luận tiếp theo". Ông Olmert tiếp tục yêu cầu phía Palestine công nhận Israel là "Nhà nước của người Do Thái", trong khi Palestine kiên quyết bác bỏ vì công nhận điều này đồng nghĩa với việc loại bỏ quyền trở về của người tị nạn do các cuộc chiến tranh giữa Israel và các nước Ảrập. Nhiều cuộc đàm phán cấp cao bàn về một tuyên bố chung cho Hội nghị Annapolis đã không thể dẫn tới một thỏa thuận trên giấy tờ. Phía Palestine muốn có một văn kiện chi tiết xác định rõ thời hạn thực thi tất cả các bước tiến tới việc thành lập một Nhà nước Palestine độc lập trong khi Israel lại ủng hộ một lộ trình "lỏng lẻo" hơn. Palestine muốn có một ủy ban gồm các đại diện của Israel, Palestine và Mỹ, trong khi Israel lại chỉ

muốn có một "trọng tài" duy nhất là Mỹ. Việc giải trình những thỏa thuận và lộ trình hòa bình trước đây, như lộ trình hòa bình mà cộng đồng quốc tế hồi năm 2003 vẫn là một mớ bùng nhùng.

Hội nghị quốc tế về hòa bình tại Trung Đông đã khai mạc ngày 27-11-2007 tại thành phố Annapolis, bang Maryland (Mỹ) với sự tham gia của 44 quốc gia. Đây là Hội nghị quốc tế lớn nhất đầu tiên về vấn đề Trung Đông kể từ sau "Hội nghị Hòa bình Madrid" từ tháng 10-2001. Phát biểu tại phiên khai mạc, Tổng thống Mỹ Bush cho biết tất cả các vấn đề nổi bật của cuộc xung đột Israel Palestine sẽ được đưa ra thảo luận. Bên cạnh nội dung chính là tái khởi động Tiến trình hòa bình Israel - Palestine, Washington còn đề cập đến sáng kiến hòa bình Ảrập và vấn đề cao nguyên Gôlan nhằm thu hút sự tham gia của các nước Ảrập ôn hòa và Xyri.

Kết quả chính của Hội nghị là sự hiểu biết chung giữa Israel và chính quyền Palestine (PA), trong đó cả hai bên đưa ra những cam kết quan trọng với nhau. *Thứ nhất*, Israel và PA đồng ý "khởi động ngay cuộc đàm phán song phương để tiến tới một hiệp ước hòa bình, giải quyết các vấn đề tồn tại, kể cả các vấn đề then chốt mà không có một ngoại lệ nào" và "nỗ lực đạt được một thỏa thuận trước cuối năm 2008"[1]. *Thứ hai*,

---

1. Thông tấn xã Việt Nam: *Tiến trình hòa bình Israel Palestine hậu Annapolis*, Tài liệu tham khảo đặc biệt, ngày 15-12-2007, tr.10.

hai bên đồng ý thực hiện các nghĩa vụ của họ theo Lộ trình 2003 do nhóm Bộ tứ đưa ra.

Theo cách nói của chính quyền Bush, Hội nghị Hòa bình Annapolis cần đạt được ba mục đích. *Thứ nhất*, trở thành một khởi điểm cho đàm phán lập nước của Palestine. *Thứ hai*, tập trung trở lại thực hiện ý tưởng "con đường" hòa bình Trung Đông. *Thứ ba*, động viên sự ủng hộ quốc tế đối với Tiến trình hòa bình Trung Đông. Xét từ một ý nghĩa nào đó, Hội nghị Hòa bình Annapolis đã đạt được mục đích đề ra. Đại diện của 49 quốc gia và Tổ chức quốc tế tham dự hội nghị, trong đó bao gồm đại diện 5 nước thành viên Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc, đại diện của 4 bên trong ý tưởng "con đường" hòa bình Trung Đông và đại diện của 16 quốc gia Ảrập, đã cho thấy sự ủng hộ mạnh mẽ đối với hội nghị. Tổng thư ký Liên hợp quốc Ban Ki Moon trong bài phát biểu tại Hội nghị đã kêu gọi cộng đồng quốc tế dành cho Palestine sự ủng hộ cần thiết trong việc lập lại chính quyền, cải cách và thực hiện trách nhiệm.

Tuy vậy, các phái cứng rắn ở cả hai nước Palestine và Israel đều có phản ứng đối với hội nghị này. Nghị sĩ phái hữu của Israel, Harnett bày tỏ sẽ không chấp nhận bất cứ một phương án nào chia rẽ Jerusalem. Còn phái Hamas cấp tiến của Palestine, bị gạt ra ngoài hội nghị cũng không khoan nhượng. Ngày 26-11, Hamas đã tổ chức phong trào "chống hội nghị quốc tế về vấn đề Trung Đông" tại dải Gaza do chính Hamas kiểm soát, tuyên bố đoàn đại biểu Palestine tham dự hội nghị hòa

bình tại Mỹ không thể đại diện cho nhân dân Palestine. Hamas chống lại bất kỳ một người nào đưa ra nhượng bộ với phía Israel trong các vấn đề như Jerusalem, hồi hương dân tị nạn...

Đúng như dự đoán, Hội nghị Quốc tế Annapolis đã không tạo được bước đột phá mang tính lịch sử mà chỉ đạt được những cam kết chung chung. Nó chưa đánh dấu điểm kết thúc của tiến trình; đúng hơn, nó chỉ thiết lập nền móng cho một giai đoạn mới, có khả năng hứa hẹn mang lại thêm những niềm hy vọng và sẽ tiếp tục được các chính quyền sau theo đuổi. Trong phần lớn lịch sử của mình, Israel luôn luôn bác bỏ ý tưởng thành lập một Nhà nước Palestine độc lập, nhấn mạnh Jerusalem là thủ đô của Israel, từ chối cho phép người tị nạn Palestine hồi hương. Bên phía Ảrập, ban đầu các nước từ chối công nhận sự tồn tại của Nhà nước Do Thái dù trong bất kỳ biên giới nào, sau đó họ yêu cầu trở lại đường biên giới năm 1967 mà họ chưa bao giờ công nhận, đồng thời yêu cầu quyền được trở về không hạn chế của người tị nạn Palestine, với hậu quả là có thể khiến cho người Do Thái trở thành thiểu số ngay trong lãnh thổ của nhà nước Do Thái. Nhưng trong thực tế, những điều trên khó có thể thực hiện được. Hơn nữa sự chia rẽ diễn ra trong hàng ngũ Palestine trong năm 2007 giữa hai phái Hamas và Fatah, dẫn đến cuộc xung đột huynh đệ tương tàn là một trở ngại đối với việc lại tiếp tục Tiến trình hòa bình. Nó làm suy yếu Tổng thống Palestine Abbas, người được coi là đại diện cho

người Palestine và trên thực tế chỉ kiểm soát được 2,5 triệu người dân ở khu vực Bờ Tây. Còn 1,5 triệu người khác ở dải Gaza vẫn nằm dưới sự kiểm soát của phong trào Hồi giáo Hamas, điều này đã dẫn tới tại lãnh thổ Palestine có hai chính phủ với những mục tiêu hoàn toàn khác nhau. Rõ ràng, có thể làm cho sự nghiệp Palestine mãi mãi bị thất bại. Và đây chính là thắng lợi lớn nhất mà Israel đã đạt được trong lịch sử của mình. Israel đã đạt được mục tiêu là chuyển cuộc xung đột Israel Palestine vào trung tâm hàng ngũ người Palestine và làm suy yếu khối đoàn kết giữa người Ảrập và người Palestine, loại bỏ sự nghiệp này ở cấp quốc tế, tạo thế cho chủ nghĩa Siôn được tự do hoạt động.

Về phía Tổng thống Palestine, Abbas đã bày tỏ sự lạc quan và hy vọng trong năm 2008 sẽ là năm chiến thắng của nhân dân Palestine trong cuộc đấu tranh lâu dài vì nền độc lập và quyền lập quốc với Thủ đô là Jerusalem. Ông Abbas dự báo năm 2008 sẽ là năm tích cực đối với sự nghiệp của nhân dân Palestine với việc sẽ ký hiệp định hòa bình lâu dài và ổn định với Israel trên cơ sở các Nghị quyết của Liên hợp quốc và giải quyết dứt điểm quy chế của thành phố thánh địa Jerusalem cũng như việc phân chia lãnh thổ, xác định biên giới (với Israel) và vấn đề về người tị nạn.

Với những gì đã hứa trong Hội nghị Hòa bình Annapolis, trên cương vị Tổng thống sắp hết nhiệm kỳ, Bush đã có chuyến thăm Trung Đông vào đầu năm 2008 với tham vọng sẽ nhìn thấy hòa bình, chấm dứt

cuộc chiến kéo dài nhiều thập kỷ giữa hai dân tộc Israel và Palestine. Tổng thống Mỹ đã đặt ra ba mục tiêu cho chuyến thăm Trung Đông đầu tiên sau bảy năm bước chân vào Nhà Trắng. *Thứ nhất*, theo như phát biểu trước đó của ông là "thuyết phục các nước Ảrập rằng Israel là một đối tác hòa bình và xây dựng quan hệ đối tác với Israel sẽ phục vụ cho lợi ích của người Palestine và thế giới Ảrập". *Thứ hai*, là "thúc đẩy tiến trình hòa bình, lưu ý với các đồng minh của Mỹ ở Trung Đông về tầm quan trọng của giải pháp hai nhà nước (Palestine - Israel) và tìm hiểu xem những điều có thể làm để đưa lộ trình vào thực tiễn"[1]. *Cuối cùng*, là tìm cách "củng cố chế độ tại các nước trong khu vực để tạo thành hàng rào chống lại mối de dọa Iran"

Tuy nhiên, cuộc xung đột Israel - Palestine quá phức tạp cho nên rất khó giải quyết chỉ sau một chuyến thăm của Tổng thống Mỹ. Chuyến thăm của Bush đã không giành được sự ủng hộ của các nước trong khu vực để thực hiện được mục tiêu của mình, và rõ ràng ông đã thất bại cả trong việc khởi động tiến trình hòa bình bị đình trệ lẫn trong việc lập ra một mặt trận Ảrập Israel chống Iran.

Không những Hoa Kỳ tham gia tích cực vào Tiến trình hòa bình Trung Đông mà Liên minh châu Âu

---

1. Thông tấn xã Việt Nam: *Xung quanh chuyến thăm Trung Đông của Tổng thống Bush*, Tài liệu tham khảo đặc biệt, ngày 18-1-2008, tr.15.

(EU) là một trong bộ tứ bảo trợ cho Tiến trình này cũng vận động các bên liên quan sớm tìm một giải pháp chấm dứt xung đột. Bên lề Hội nghị quốc tế tổ chức tại Paris vào tháng 7-2008, đã khơi mào cho những đàm phán chính thức về Liên đoàn Địa Trung Hải, với sự tham gia của 43 nước, trong đó có 27 thành viên Liên minh châu Âu, các nước Trung Đông và Bắc Phi thuộc bờ Đông và Nam Địa Trung Hải, hai nước Israel và Palestine đã có cuộc gặp với nhau nhằm bàn về kế hoạch chấm dứt tình trạng bạo lực. Ngoài ra, tại Hội nghị, lãnh đạo 43 quốc gia đã quyết định thành lập Liên minh khu vực Địa Trung Hải với một trong những mục tiêu được ưu tiên hàng đầu chấm dứt các cuộc xung đột tại Trung Đông. Với tư cách là nước chủ nhà, Tổng thống Nicolas Sarkozy tuyên bố rằng mục tiêu của Liên minh Địa Trung Hải là sẽ biến Trung Đông trở thành một nơi "*mà con người có thể sống yêu thương nhau thay vì liên tiếp tạo ra các cuộc chiến tranh*". Ông cũng nói thêm, với tư cách là Chủ tịch Liên minh châu Âu, Pháp cam kết sẽ làm tất cả những gì có thể nhằm thúc đẩy tiến trình hòa bình ở khu vực. Ông kêu gọi các quốc gia Trung Đông hãy chấm dứt vòng xoáy chết chóc của chiến tranh và bạo lực, như các nước châu Âu từng nỗ lực trong thế kỷ XX.

Như những nỗ lực hòa giải cuối cùng, Mỹ cùng "bộ tứ" đã cố gắng thương lượng cho cả hai dân tộc đi đến một giải pháp hòa bình, mang lại sự ổn định trong khu vực. Tuy nhiên, do nhiều yếu tố lịch sử để lại cũng như

sự ràng buộc từ nhiều phía mà con đường dẫn tới chấm dứt xung đột Israel Palestine vẫn còn bỏ ngỏ. Tương lai cho một Nhà nước Palestine độc lập càng kéo dài bao nhiêu thì nỗi khổ của người dân cũng càng kéo dài thêm bấy nhiêu. Hơn bao giờ hết, người dân Palestine nói riêng và Trung Đông nói chung đang trông chờ những bước tiến mới trên con đường mang lại một nền hòa bình bền vững cho khu vực từ phía các nhà lãnh đạo của hai dân tộc. Trong lúc cả hai bên đều đang cần sự ổn định để tiến hành các cuộc đàm phán thì những ngày cuối cùng của năm 2008, tiếng súng đã vang lên tại dải Gaza, tiếp tục mang lại đau thương cho hai dân tộc.

Trên lĩnh vực đấu tranh vũ trang:

Đánh bom tự sát, bắn rốc két với mục tiêu gây ra sự sợ hãi cao nhất cho người Israel và nạn nhân hầu hết là các dân thường, đã trở thành một trong những nét tiêu biểu trong hình thức đấu tranh giữa Isarel Palestine trong giai đoạn này. Trong ý niệm của nhiều người Palestine, các vụ đánh bom tự sát (dùng "bom người") là cách đấu tranh vũ trang duy nhất mà họ có thể sử dụng để chống lại sự chiếm đóng của Israel, vốn vượt trội họ về mặt quân sự, đồng thời chống lại quá trình xâm nhập và mở rộng lãnh thổ của các khu định cư Do Thái. Đặc biệt, một số nhóm vũ trang quá khích còn coi đây là mục tiêu tiêu diệt quân đội Israel ở những vùng chiếm đóng, giành lại chủ quyền cho Nhà nước Palestine độc lập. Nhiều cuộc gặp cấp cao cũng

như hội đàm về hòa bình bằng phương pháp ngoại giao của các nhà lãnh đạo trong giai đoạn này không làm tình hình thay đổi nhiều trên thực tế. Tất cả vẫn chỉ là lý thuyết. Bất chấp lời kêu gọi ngừng bắn từ cả hai phía, lực lượng an ninh Israel cùng các nhóm vũ trang Palestine thường xuyên xung đột nhau ở dải Gaza và khu Bờ Tây làm cho tình hình càng thêm căng thẳng và khó kiểm soát.

Đợt đánh bom tự sát dữ dội xảy ra hồi tháng 3-2002, chỉ trong vòng một tháng, 16 vụ đã diễn ra. Điều này đã khiến cho quân đội Israel được cử tới khu Bờ Tây để chiếm lại các thành phố Palestine, và là đợt triển khai quân lớn nhất của Israel kể từ cuộc chiến năm 1967.

Ngày 5-6-2002, tổ chức Hồi giáo Jihad đã tiến hành vụ đánh bom ôtô làm 17 người trong đó có thủ phạm thiệt mạng và nhiều người khác bị thương. Ngay trước khi nội các Israel họp phiên thường kỳ, một quan chức chính phủ đã mô tả vụ đánh bom ô tô là hành động khủng bố hèn nhát của người Palestine, một lần nữa chứng tỏ không thể phân biệt được kẻ giết người với người của chính quyền Palestine. Còn phía chính quyền của Tổng thống Arafat lại cho rằng nguyên nhân là Israel tiếp tục chiếm đóng các khu vực của người Palestine

Các cuộc tấn công liều chết nhằm vào người dân Israel của các nhóm binh sĩ Palestine thường xảy ra kể từ khi bắt đầu cuộc nổi dậy của phong trào Intifada lần thứ hai chống lại nhà cầm quyền Israel ở các vùng lãnh

thổ bị chiếm đóng. Nhưng mục dích cao cả, chính nghĩa của các hành động dũng cảm đánh bom liều chết lại chệch hướng khi có một số vụ trong đó rất tàn bạo, mục tiêu nhằm vào dân thường như vụ đánh bom chiếc xe buýt chở các gia đình Do Thái ở khu vực Jerusalem tối 19-8-2003, giết hại 20 người và làm bị thương gần 100 người, trong đó có một số trẻ em. Cuộc tấn công này do hai tổ chức Hồi giáo cực đoan quá khích Hamas và Jihad tiến hành nhằm trả thù quân đội Israel đã giết hại ông Muhammad Sidr, một quan chức cấp cao của lực lượng Jihad Hồi giáo ngày 14-8. Những hành động bạo lực sai lầm trên chỉ làm khơi thêm ngọn lửa hận thù, tạo cớ cho Israel sử dụng bạo lực mà thôi. Các lực lượng an ninh Israel cũng đáp trả lại bằng các hoạt động quân sự vào các căn cứ của tổ chức Hồi giáo Hamas, các trại tị nạn, làng mạc, các thành phố tại khu Bờ Tây, bắt giữ nhiều người Palestine. Tel Aviv khẳng định điều đó đã giảm được 80% số vụ tấn công của các nhóm vũ trang Palestine.

Trong khi đó, quân đội Israel trong một vụ không kích ngày 22-3-2004 nhằm chống lại các lực lượng vũ trang Palestine liên tục tấn công bằng "bom người", đã giết chết thủ lĩnh tinh thần của nhóm Hamas là ông Ahmed Yassin. Ngay lập tức, Hamas thề sẽ trả thù và sẽ đem "tử thần đối với từng ngôi nhà và từng khu phố Israel" Hamas ra lời cảnh báo nhằm vào Thủ tướng Ariel Sharon là đã "mở cánh cửa dẫn tới địa ngục" Thủ tướng Ahmed Qurei đã lên án vụ giết hại thủ lĩnh

tinh thần Hamas của binh lính Israel và coi đây là một hành động điên rồ và cực kỳ nguy hiểm. Cùng lúc đó, Trưởng đoàn đàm phán Palestine là Seab Erekat cảnh báo rằng Israel đã kéo cả khu vực vào làn sóng bạo lực. Tính tới tháng 10-2004, đã có tới hơn 4.000 người thiệt mạng, trong đó có hơn 1.000 người Israel và làm hàng vạn người khác bị thương. Tình hình xung đột Israel - Palestine, càng trở nên khó kiểm soát khi mà hàng ngày, hàng giờ, máu của người dân lại tiếp tục đổ trong các cuộc giao tranh, con số thương vong cũng như số người bị bắt của cả hai bên luôn tỷ lệ thuận với nhau.

Trong những ngày giữa tháng 7-2006, xung đột dữ dội lại xảy ra tại dải Gaza và khu Bờ Tây giữa quân lính Israel và nhóm vũ trang Hồi giáo Hamas. Phía Israel không kích dữ dội vào các tòa nhà tại dải Gaza mà họ cho rằng là nơi trú ẩn của các nhà lãnh dạo Hamas, đồng thời các mục tiêu dân sự tại Gaza cũng bị Israel oanh tạc. Cuộc giao tranh đã làm cho con số thương vong lên tới 60 người Palestine trong đó có 10 trẻ em tại Gaza.

Cùng thời gian này, trong chiến dịch quân sự của mình, Israel cũng tấn công lực lượng du kích Hezbollah tại miền Nam Libăng nhằm tiêu diệt các nhà lãnh đạo cấp cao và thủ lĩnh của họ. Nhóm vũ trang Hồi giáo Hamas và du kích Hezbollah cùng trả đũa Israel bằng những đợt bắn rốc két vào Israel. Các cuộc tấn công và trả đũa lẫn nhau như thế cứ tiếp diễn từ năm này sang

năm khác mà không có một cuộc thương lượng đáng kể nào cho hòa bình, chấm dứt xung đột.

Liên tiếp trong hai tháng 2 và tháng 3-2008, Israel đã tấn công vào dải Gaza làm chết 120 người Palestine và 4 lính Israel. Tiếp theo các cuộc tấn công đó là một loạt các vụ xâm nhập và xung đột, kể cả cuộc tấn công vào một trường dòng người Do Thái ở Jerusalem. Bộ trưởng Quốc phòng Israel Ehud Barak muốn chứng tỏ cho công chúng Israel thấy rằng ông ta đang "làm cái gì đó" đối với hành động bắn rốckét thường xuyên vào Israel từ phía dải Gaza. Ban đầu, chính quyền Palestine của ông Abbas dường như làm ngơ, sau tỏ thái độ trung lập, trước sự tàn sát của Israel, yêu cầu cả Israel và Hamas chấm dứt bào lực rồi sau đó lên án Israel âm mưu "bóp chết" tiến trình hòa bình. Chỉ sau khi Vatican phê phán sự tàn sát của Israel, Abbas mới thông báo ngừng tất cả các cuộc tiếp xúc với Israel. Trong khi dải Gaza vẫn tiếp tục bị phong tỏa, thì ngày 19-6-2008, phong trào Hamas đã tiến hành thương lượng một lệnh ngừng bắn với Nhà nước Do Thái để giảm bớt những nỗi đau khổ của người dân. Từ đó, lệnh ngừng bắn đã được tất cả các phe phái thực hiện nghiêm chỉnh tại dải Gaza, nhưng lệnh cấm vận vẫn không được hủy bỏ. Rõ ràng nó như một liều thuốc "kích thích" Hamas và các lực lượng kháng chiến ở dải Gaza tái vũ trang. Thỏa thuận ngừng bắn đạt được giữa Israel và Hamas ngày 27-6-2008 đã mang đến hy vọng mở ra các thỏa hiệp nghiêm túc về vấn đề lãnh thổ

giữa Israel và Palestine. Theo đó, Israel cam kết sẽ ngừng các cuộc tấn công vào Gaza và cho phép mở trở lại những cửa khẩu ra vào vùng đất này. Đổi lại, người Palestine tại Gaza cam kết sẽ chấm dứt hoàn toàn các cuộc tấn công bằng rốckét và tên lửa tự chế vào miền Nam Israel. Hai bên cũng cam kết sẽ tiến hành thêm các cuộc đàm phán trao đổi tù binh. Quân đội Israel đã mở lại các cửa khẩu ra vào Gaza cho hàng hóa lưu thông tại khu vực này.

Trước ngày hiệp định hết hạn, Ai Cập đứng ra dàn xếp kéo dài ngừng bắn nhưng với lý do Israel phong tỏa dải Gaza, Hamas và ba phái Palestine cực đoan khác tuyên bố phản đối. Đồng thời Hamas còn yêu cầu trong vòng 60 ngày sau khi ông Abbas hết nhiệm kỳ Chủ tịch cơ quan quyền lực tối cao Palestine (ngày 9-1-2009), phải tổ chức bầu cử chức vụ này mà Hamas tin sẽ thắng. Ngày 16-12-2008, Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc ra Nghị quyết số 1850 yêu cầu Israel và Hamas tiếp tục đình chiến. Ông Abbas hoan nghênh Nghị quyết này, nhưng Hamas phản đối. Trong thời gian từ ngày 19-12 đến ngày 26-12-2008, Hamas đã bắn hơn 200 rốckét và pháo sang đất Israel. Dân chúng Israel bất mãn với chính phủ, cho là mềm yếu. Từ ngày 27-12-2008, với lý do trả đũa các cuộc bắn phá ngày một tăng của Hamas, Israel tiếp tục mấy ngày liền ném bom các cơ quan Hamas tại Gaza, làm chết 385 người Palestine (có 62 dân thường), bị thương trên nghìn người, phá hủy nhiều nhà cửa. Liên hợp quốc và dư luận thế giới

đều lên án hành động của Israel, kêu gọi hai bên ngừng bắn và kiềm chế. Đáp lại, Bộ trưởng Quốc phòng Israel cho rằng, yêu cầu ngừng chiến với Hamas thì chẳng khác gì yêu cầu Mỹ ngừng bắn với Al-Qaeda. Lực lượng chủ lực của Hamas gồm 35 nghìn lính chưa bị thiết hại đáng kể, họ kiên quyết chống trả.

Tuy đã tập trung xe tăng ở giáp giới dải Gaza sẵn sàng tiến vào tiêu diệt Hamas trên mặt đất nhưng Israel vẫn chưa dám quyết, bởi khi tấn công trên bộ sẽ gây nhiều thương vong cho dân thường bị lực lượng Hamas dùng làm bia dỡ đạn. Trong 1,5 triệu dân Gaza có một nửa là trẻ em, nếu thương vong lớn sẽ làm Israel bị quốc tế cô lập. Chính phủ Israel cũng tuyên bố họ chỉ nhằm tiêu diệt Hamas chứ sẽ không để xảy ra lần nữa cuộc chiến tranh Trung Đông.

Tóm lại, quá trình tìm kiếm hòa bình giữa Israel với Palestine vẫn còn vô cùng gian nan vì hai bên không ai chịu nhân nhượng một bước; nhất là khi ông Abbas chưa kiểm soát được các lực lượng vũ trang Palestine quá khích. Các cố gắng hòa giải của quốc tế như Liên hợp quốc, Ai Cập...tuy rất quý nhưng chưa có hiệu quả lâu dài. Người ta trông chờ nhiều vào những nỗ lực và thái độ của Mỹ cùng các cường quốc khác để làm dịu cuộc xung đột này.

Trên lĩnh vực kinh tế, văn hóa - xã hội:

Sự cô lập dải Gaza và sự chia cắt khu vực Bờ Tây sông Jordan thành nhiều thực thể lãnh thổ riêng bằng các chốt kiểm soát của Israel đã làm suy giảm đáng kể

mọi hoạt động về kinh tế, xã hội và văn hóa. Không những tình hình thay đổi theo từng khu vực tự trị, mà việc phát triển một dự án chính trị "quốc gia" trong những điều kiện như vậy cũng rất khó khăn. Việc đi lại, hội họp hoặc tiến hành các hoạt động tôn giáo chung trên toàn lãnh thổ đều không dễ dàng. Tất cả những nhân tố này đều cản trở đáng kể bất cứ ai có ý định tổ chức một cuộc kháng chiến trên toàn lãnh thổ Palestine. Cuộc trấn áp của Israel tiếp tục diễn ra và được tăng cường một cách đáng kể trong giai đoạn 2002-2008. Sự bóp nghẹt về kinh tế dẫn đến nạn khan hiếm lương thực và các đồ dùng thiết yếu trong cuộc sống, thất nghiệp tràn lan. Đặc biệt, ở dải Gaza, kinh tế không phát triển vì bị Israel bao vây ba mặt cả trên bộ lẫn trên biển, biên giới với Ai Cập cũng bị rào kín. Toàn bộ năng lượng phải nhập từ đường ống đi qua Israel, 80% dân số sống bằng lương thực quốc tế viện trợ, cũng đi qua Israel. Bởi vậy, mỗi lần Israel phong tỏa thì dân vùng này sống trong bóng tối, đói ăn, thiếu dược phẩm...Nhân dân Palestine buộc phải sử dụng hình thức vượt biên sang làm việc trong các nhà máy, xí nghiệp của Israel trước sự kiểm soát gắt gao của quân đội và lực lượng an ninh. Đồng thời, tiếp tục kêu gọi Liên hợp quốc và cộng đồng quốc tế gây sức ép buộc Israel dỡ bỏ các khu định cư Do Thái xây dựng trái phép trên phần đất người Palestine, tiến hành viện trợ nhân đạo nhằm đảm bảo lương thực, hàng hóa tối thiểu.

Người Palestine không những bị hạn chế về phát triển kinh tế, mà còn hạn chế về tự do tín ngưỡng. Chúng ta biết rằng, ở Israel còn có nhiều người Palestine đang sống tị nạn do các cuộc xung đột trước đây gây ra, hoạt động tôn giáo tín ngưỡng cũng khác với người Do Thái nên đây là một bộ phận đấu tranh mạnh mẽ nhất để được trở về đất tổ của mình. Với bản chất của người Ảrập, họ khó có thể bị hòa lẫn vào môi trường người Do Thái, vì thế những bản sắc văn hóa Ảrập vẫn còn được lưu giữ và ngày càng phát huy.

Trong các cuộc chiến tranh Trung Đông, nhiều người Palestine đã phải chạy sang các nước Ảrập láng giềng tị nạn, từ đó hình thành một cộng đồng người Palestine sống chan hòa với nhân dân các nước láng giềng. Từ khi Liên hợp quốc ra Nghị quyết về vấn đề hồi hương người tị nạn và yêu cầu Israel phải bồi thường thì những người Palestine phiêu bạt khắp nơi đã đứng lên đấu tranh đòi được trở về quê hương, nơi mà tổ tiên của họ đã sinh sống từ bao đời nay. Điều này cũng được Liên hợp quốc và các quốc gia lên tiếng trong các cuộc họp và đòi Israel thực hiện nghiêm túc. Hơn nữa hiện nay, Israel còn đang giam giữ hàng trăm người Palestine trong các cuộc giao tranh nên đây cũng là vấn đề cần đòi hỏi chính quyền Palestine phải sớm tìm giải pháp để giải quyết.

Tóm lại, trải qua hơn một thập kỷ đấu tranh kiên trì và bền bỉ, qua nhiều thăng trầm, cuộc xung đột Israel - Palestine vẫn chưa có hồi kết. Trong đó, cần phải kể

đến những nỗ lực rất lớn của chính quyền Palestine với việc vận động và kêu gọi sự giúp đỡ, ủng hộ của các tổ chức quốc tế và nhân dân thế giới cho sự nghiệp kiến tạo một Nhà nước Palestine độc lập, toàn vẹn lãnh thổ. Nhìn lại Tiến trình hòa bình Trung Đông từ năm 1991-2008 chúng ta có thể thấy rằng trên các lĩnh vực đã đạt được những kết quả nhất định. Trước hết, Hiệp định Oslo (1993) đã mở ra một trang mới cho quan hệ Israel - Palestine vốn bị bế tắc từ lâu có cơ hội để đạt được thỏa thuận hòa bình khu vực. "Tinh thần Oslo" đó được chính ông Rabin tóm gọn như sau trong diễn văn cuối cùng của ông đọc tại Tel Aviv ngày thứ bảy 4-11-1995 định mệnh: "Tôi muốn tuyên bố rõ rệt rằng chúng ta đã tìm thấy một đối tác hòa bình nơi người Palestine, nơi Tổ chức PLO, mà trước kia đã từng là kẻ thù...Đối với Israel, không có con đường nào mà không đau đớn, song con đường hòa bình thì đáng chuộng hơn là con đường chiến tranh. Có những kẻ thù địch hòa bình đang tìm cách bức hại chúng ta nhằm phá hoại tiến trình hòa bình" Tiếp đó là một loạt các sáng kiến hòa bình của Liên đoàn Ảrập và các bên liên quan đề xuất để giải quyết cuộc xung đột đã mang lại những tín hiệu tích cực. Những vấn đề được coi là tâm điểm của cuộc xung đột như: đường biên giới, Jerusalem, việc thành lập Nhà nước Palestine độc lập, khu Bờ Tây, dải Gaza, người tị nạn, quyền hồi hương, các khu định cư Do Thái...đã dần được tháo gỡ. Trong tiến trình này cần phải kể đến một nhân tố quan trọng dó là sự tác động

mạnh mẽ của Hoa Kỳ, người bảo trợ chính cho Tiến trình hòa bình. Trải qua các đời Tổng thống Mỹ đều xem việc giải quyết dứt điểm cuộc xung đột này sẽ làm cho vị thế và uy tín chính trị của Mỹ nâng tầm trên trường quốc tế không chỉ bởi khu vực Trung Đông có vai trò rất quan trọng trong chiến lược của Mỹ mà còn vì đồng minh thân cận Israel. Thực tế chứng minh rằng, Hoa Kỳ đã đứng ra tổ chức các cuộc gặp gỡ song phương giữa hai dân tộc, lên tiếng và gây sức ép với Israel hạn chế mở rộng sự hiện diện quân đội trên vùng đất Palestine, dỡ bỏ các khu định cư trái phép và thực hiện mở cửa biên giới cho người Palestine sang đầu tư làm ăn...điều này đã dần cải thiện đời sống vật chất lẫn tinh thần của nhân dân Palestine và làm hòa dịu mối quan hệ căng thẳng giữa hai dân tộc. Về phía Palestine, những nỗ lực ngoại giao của Chủ tịch Arafat cho tới các Tổng thống sau này đã làm cho thế giới thấy được cuộc đấu tranh chính nghĩa vì quốc gia dân tộc độc lập của nhân dân Palestine, đồng thời cũng làm "lạnh" những cái "đầu nóng" của Israel trên bàn đàm phán. Chính quyền dần đạt được thỏa thuận với các nhóm vũ trang trong việc ngừng các cuộc tấn công tự phát vào vùng đất Israel, làm cơ sở cho các cuộc đàm phán với Israel về Nhà nước Palestine trong tương lai.

Mặc dù đã đạt được những tiến bộ nhất định trong nhiều lĩnh vực, song do chính những vấn đề phức tạp của lịch sử cộng với thực tế diễn biến tình hình cho thấy, đến nay cuộc xung đột này vẫn không thể chấm

dứt. Vẫn còn quá nhiều những tồn tại lịch sử, điều kiện khách quan và chủ quan cộng với quan điểm và hành động khác nhau của người Ảrập Palestine và người Do Thái Israel nên kéo dài tình trạng xung đột triền miên giữa hai dân tộc. Với Israel, đó là tham vọng về chính trị trong việc giành quyền kiểm soát Jerusalem, xây dựng thêm các khu định cư Do Thái, sử dụng "bức tường an ninh" ngăn chặn các nhóm vũ trang Palestine tiến vào lãnh thổ Israel...Còn chính quyền Palestine, những mâu thuẫn nội bộ với các nhóm vũ trang đã tự làm suy yếu thực lực của chính mình, gây khó khăn cho sự nghiệp đấu tranh chung. Hơn nữa, tuy nói rất nhiều về tình đoàn kết giữa những người Ảrập anh em trong cuộc đấu tranh vì "sự nghiệp Palestine", nhưng chính người Ảrập cũng phải thừa nhận "chưa làm được gì" cho mục tiêu ấy. Sự thiếu đồng thuận của người Ảrập luôn bị lợi dụng bởi chính quyền Israel và Mỹ trong việc thực hiện những mục đích chính trị chung. Cơ hội mang lại hòa bình, chấm dứt xung đột đều đến từ cả hai dân tộc, chỉ có điều khả năng nắm bắt tùy thuộc vào quan điểm của các nhà lãnh đạo. Nó phải cần đến sự hợp sức của nhiều phía và các bên liên quan, song điều quan trọng vẫn là sự nhượng bộ của hai dân tộc nhằm ổn định tình hình tại khu vực vốn nhiều biến động này.

Chương II

TRIỂN VỌNG VÀ Ý NGHĨA CỦA CUỘC ĐẤU TRANH GIÀNH ĐỘC LẬP DÂN TỘC CỦA NHÂN DÂN PALESTINE SAU CHIẾN TRANH LẠNH

I- TRIỂN VỌNG CỦA CUỘC ĐẤU TRANH

Triển vọng của cuộc đấu tranh chỉ có thể đưa ra những dự báo trên cơ sở phân tích kỹ những tác động của những nhân tố bên trong và bên ngoài đến Tiến trình hòa bình Trung Đông hiện nay.

1. Những nhân tố bên trong

a) Các mâu thuẫn cơ bản giữa Palestine với Israel phải được giải quyết dứt điểm thông qua thương lượng, đàm phán hòa bình

Hiệp định Oslo được ký kết hứa hẹn một tiến trình hòa bình toàn vẹn cho Trung Đông với giải pháp cơ bản là thông qua thương lượng để cải thiện tình hình, nhưng kết quả cho đến nay chưa cải thiện được tình hình bao nhiêu. Không những thế, về rất nhiều mặt, tình hình còn xấu đi do có những ý đồ muốn tiếp tục sự duy trì đối đầu trong khu vực, kể cả đối đầu trong

nội bộ Palestine. Những người Palestine thấy một phần trong những yêu sách của họ được công nhận bằng việc chấm dứt sự chiếm đóng quân sự tại nhiều khu dân cư. Nhưng khi xem xét kỹ, người ta lại thấy rằng, sự chấm dứt này thực chất chỉ là tạm thời, trong khi việc thực dân hóa và chiếm đóng lâu dài vùng lãnh thổ Bờ Tây lại được coi như một sự đã rồi. Nhiều quan chức Palestine dần đã nhận ra rằng, họ hầu như không còn ưu thế gì để thương lượng với Israel, những điều kiện để thương lượng dần dần bị mất đi hay lu mờ theo thời gian. Chính phủ Israel có thể bồi thường cho một số người ở các khu định cư Do Thái trong các cuộc di dân, nhưng cụ thể số đó là bao nhiêu thì không rõ. Cách thức và trách nhiệm của các bên trong việc thực hiện di dân cùng với bệnh viện, các trường học và hàng nghìn nhà ở cũng chưa có gì cụ thể. Những kiều dân Do thái không bị trục xuất liệu có sẵn sàng sống dưới sự cai trị của chính quyền Palestine? Một biên giới ngoằn ngoèo giữa các khu kiều dân mà Israel không muốn rút đi sẽ ra sao? Và xử lý như thế nào đối với số dân chúng Ảrập thuộc Nhà nước Do Thái nhưng không nhận mình là người Palestine? Dưới sức ép của các trí thức ở Israel cũng như ở những nơi khác, liệu các quan chức Israel có chấp nhận rằng đất nước của họ phải chịu trách nhiệm trực tiếp về các trại tị nạn, nơi hàng triệu người Palestine sống chen chúc trong sự khổ cực ở Palestine, Libăng, Gioócđani hay Xyri và không còn đổ trách nhiệm về tình hình này cho các

nước Ảrập? Hàng loạt vấn đề được đặt ra mà chưa có lời giải đáp.

Trong quá trình đàm phán, gần như người ta chỉ đề cập tới những vấn đề như di dân, bồi thường mà lờ đi những vấn đề cơ bản như sự chiếm đóng và Do Thái hóa Jerusalem Ảrập, tương lai của người Palestine ở Israel, tính hợp pháp của nguyên tắc hồi hương đối với những người tị nạn và chủ quyền thực sự đối với Nhà nước Palestine. Dù người ta có thể đạt được những thỏa thuận về những vấn đề nhất thời, thì kết quả đó cũng sẽ chỉ đem lại một sự hòa hoãn tạm thời mà thôi. Một hiệp định giữa Israel và Palestine mà không giải quyết được những vấn đề cơ bản về chủ quyền dân tộc, nhà nước độc lập, Thủ đô Jerusalem, cuộc sống của người dân tị nạn... thì hòa bình và ổn định dù có được chấp nhận cũng chỉ mang tính chất tạm thời. Về lâu dài, những nguy cơ của chiến tranh và xung đột vẫn tiềm ẩn, có thể bùng phát bất cứ lúc nào. Một trong những bằng chứng điển hình về sự bùng phát đó là khi Tiến trình hòa bình Trung Đông bước vào giai đoạn then chốt, người đứng đầu Đảng Likud, ông Sharon - một nhân vật theo phái cứng rắn, được mệnh danh là "máy ủi"- đến thăm Đền thờ Aqsa ở Jerusalem, sự kiện đó đã khiến cho Israel và Palestine liên tục nổ ra xung đột đẫm máu trong suốt mấy năm liền. Tính đến tháng 5-2003, đã có 3.100 người đã chết trong các cuộc xung đột này, trong số đó có 2.400 người Palestine.

Sự việc bắt nguồn từ chỗ ông Sharon khi lên nắm quyền ở Israel tháng 3-2001, đã lái cuộc đàm phán hòa bình Trung Đông theo hướng sử dụng bạo lực và trì hoãn không thực hiện "Lộ trình hòa bình" Trung Đông. Kế hoạch ba bước thực thi lộ trình đó đã được ký vào tháng 12-2000 sau khi Mỹ, Nga, EU và Liên hợp quốc triệu tập hội nghị bàn về vấn đề Trung Đông[1].

Lộ trình là như vậy, nhưng các diễn biến thực tế làm cho nó bị đảo ngược. Cụ thể là tháng 8-2003, Jerusalem bị đánh bom, "Lộ trình hòa bình Trung Đông" bị gác lại. Palestine thay đổi thủ tướng, trả đũa đối với thủ lĩnh Hamas, mâu thuẫn giữa Palestine và Israel gia tăng. Israel nhiều lần đòi tuyên bố trục xuất Arafat. Mỹ tấn công Irắc. Tất cả những hành động và sự kiện đó khiến "Lộ trình hòa bình Trung Đông" trên thực tế đã bị chết yểu. "Lộ trình hòa bình Trung Đông" chỉ còn là một bức phát họa, không có cơ hội thực hiện.

b) Mâu thuẫn giữa các phe phái trong nội bộ Palestine sẽ tiếp tục gia tăng.

Động thái trong thời gian gần đây cho thấy, mâu thuẫn trong nội bộ các lực lượng Palestine là rất lớn

---

1. *Kế hoạch ba bước để thực hiện Lộ trình hòa bình Trung Đông bao gồm: 1. Đến tháng 5-2003 chấm dứt chiến tranh giữa Israel và Palestine; 2. Từ tháng 6 đến tháng 12-2003 là thời kỳ quá độ, xây dựng nhà nước Palestine với đường biên giới và chủ quyền tượng trưng; 3. Đến năm 2005, hoàn thành đàm phán cuối cùng và thành lập Nhà nước Palestine.*

và chưa có dấu hiệu lắng dịu, thỏa hiệp lẫn nhau. Nhất là giữa phái chủ hòa Fatah của Arafat trước đây bị phê phán là đã coi nhẹ sức mạnh của nhân dân, không thực hiện cam kết đối với nhân dân, với phái chủ công, đứng đầu là Hamas luôn tìm kiếm sự thắng lợi bằng sức mạnh, đặc biệt là sức mạnh vũ lực mà nhiều người cho là hành động khủng bố. Điều đó đã tạo sức ép lớn cho chính quyền của Abbas trong việc tạo niềm tin cho dân chúng trong cuộc thương lượng hòa bình về một Nhà nước Palestine độc lập với phái Hamas.

Sự đối lập trên đây được phản ánh rất rõ trong chủ trương và hành động cụ thể của cả hai phái. Chẳng hạn, đầu năm 2000, trong khi Hội nghị toàn thể Trung ương của Tổ chức Giải phóng Palestine đưa ra bốn yêu sách để đàm phám với Israel bao gồm: 1. Thu hồi Jerusalem; 2. Lấy biên giới năm 1967 làm mốc giới với Israel; 3. Đưa người tị nạn hồi hương, đồng thời bồi thường vật chất cho những thiệt hại của họ; 4. Tháo dỡ toàn bộ khu định cư của người Do Thái trên vùng đất chiếm đóng, thì Tổ chức chống đối Hamas và Tổ chức thánh chiến Hồi giáo đã tỏ ra hoài nghi và phê phán hòa đàm, họ đòi phải tiến hành thánh chiến, khiến Arafat phải có thái độ cứng rắn, bác bỏ giải pháp đối đầu. Hơn nữa, nhiều vấn đề đã tiến triển quá xa, vượt ra khỏi tầm kiểm soát của người Palestine, như vấn đề Jerusalem hay vấn đề người tị nạn hồi hương chẳng hạn. Đây là những vấn đề không chỉ dừng lại ở trong

khuôn khổ sự quan tâm và lợi ích riêng của Palestine mà nó đã mở rộng ra thành những vấn đề liên quan tới lợi ích, tôn giáo và tình cảm chung của cả các nước khác trong khu vực như Gioócdani, Libăng, Xyri, Ai Cập, Ảrập Xêút.

Không thể phủ nhận những nỗ lực của cựu Tổng thống Y. Arafat và cựu Thủ tướng Palestine Abbas là những người đều đã không ngừng phấn đấu cho việc thành lập một Nhà nước Palestine độc lập, nhưng chính những sự khác biệt và mâu thuẫn về đường lối, chính sách và giải pháp trong nội bộ Palestine đã làm cho những ước mơ và nỗ lực trên đây không trở thành hiện thực được. Những mâu thuẫn, xung đột ngày càng gia tăng trong thời gian gần đây sau thời Arafat càng cho thấy những khó khăn, trở ngại to lớn trên con đường tiến lên của Palestine hướng tới thành lập một Nhà nước Palestine độc lập, xây dựng một xã hội phồn vinh hạnh phúc, chung sống hòa bình với Israel nói riêng, và Trung Đông nói chung. Cuộc chiến huynh đệ giữa Hamas và Fatah vẫn tiếp diễn, kéo theo sự suy yếu của chính quyền ông Abbas, không thể kiểm soát được tình hình càng làm cho khả năng đối thoại trực tiếp với Israel là không thể. Trước đây con đường đó đã dài, đầy chông gai và bế tắc; "*con đường phía trước chắc chắn cũng sẽ rất xa vời, mù mịt, nếu các lực lượng Palestine không thống nhất được với nhau và quyết tâm cùng nhau hướng tới tương lai để tìm ra lối ra, xây dựng một nhà nước và một xã hội mới thay cho*

việc quay lại với quá khứ để đào bới đống rát cũ, đổ nát, hỗn độn"[1]

Đặc biệt, sau khi tổ chức Hamas của người Palestine, không thừa nhận sự tồn tại của quốc gia Do Thái, và chủ trương đấu tranh vũ trang tiêu diệt Israel - thắng lợi trong cuộc bầu cử Ủy ban Lập pháp Palestine (tháng 1-2006), sau đó thành lập Chính phủ liên hợp do Hamas lãnh đạo, ông Haniya của Hamas làm Thủ tướng, ông Abbas của Fatah làm Tổng thống. Tuy vậy, lực lượng vũ trang của hai phái này thường xuyên xung đột với nhau, tới mức ngày 12-6-2007, Fatah buộc phải tuyên bố rút ra khỏi chính phủ liên hợp. Hai hôm sau, Hamas dùng vũ lực chiếm quyền kiểm soát dải Gaza, đẩy Fatah ra khỏi vùng này. Ông Abbas tuyên bố giải tán chính phủ liên hợp, thành lập chính phủ quá độ tại Bờ Tây sông Jordan. Sự chia rẽ sâu sắc như vậy trong nội bộ người Palestine đã gây khó khăn cho "Lộ trình hòa bình" nhằm thành lập Nhà nước Palestine.

c) Tình hình chính trị ở Israel thay đổi khôn lường

Một nhân tố khác kìm chế căn bản Tiến trình hòa bình Trung Đông là cuộc đấu tranh giữa các phe phái trong nội bộ Israel và ý kiến bất đồng của dân chúng. Trước hết, Israel có thể chế chính trị đặc biệt, có quá

---

1. Đỗ Đức Định: *Trung Đông những vấn đề và xu hướng kinh tế - chính trị trong bối cảnh quốc tế mới*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 2008, tr.178-179.

nhiều chính đảng, do vậy một đảng rất khó có thể đạt được hơn nửa số phiếu của các nghị sĩ quốc hội trong tuyển cử, nên thường phải liên minh với vài chính đảng để thành lập chính phủ. Đây là nguyên nhân khiến chính phủ bị tẩy chay và khó đạt được nhất trí về các vấn đề trong Tiến trình hòa bình Trung Đông. Nội các hoạt động không ổn định, chính sách hòa đàm không liên tục, thường thay đổi. Thế lực bảo thủ, thế lực cực đoan tôn giáo rất mạnh, thường xuyên phản đối mọi nhượng bộ với chính quyền và nhân dân Palestine.

Ví như, Thủ tướng Sharon từ năm 2001 đến năm 2005 có thái độ cứng rắn đối với hòa đàm Israel Palestine, phản đối việc nhượng bộ Palestine chủ trương dùng sức mạnh quân sự để giải quyết vấn đề Trung Đông. Nhưng từ năm 2005 trở đi, chính ông Sharon lại có những thay đổi căn bản trong quan điểm và chính sách đối với Palestine. Ngoài ra, những tiếng nói phản đối Tiến trình hòa bình Trung Đông trong nội các Chính phủ, Quốc hội rất mạnh mẽ. Ví dụ, Bộ trưởng Tài chính Netanyahu có lập trường bảo thủ, thế lực chống dối của Đảng Likud khiến chính phủ phải cân nhắc mọi quyết sách, Đảng Tôn giáo toàn quốc và Đảng Liên minh quốc gia kiên quyết phản đối "Lộ trình hòa bình" Trung Đông, thậm chí còn tuyên bố sẽ rút khỏi chính phủ, buộc chính phủ của Sharon phải giải thể. Chính phủ rút quân đơn phương khỏi các vùng lãnh thổ chiếm đóng của Palestine, dỡ bỏ các khu định cư của người Do Thái...do Sharon đề xướng cũng

đang gặp phải sự chống đối gay gắt của các phe phái cực hữu khác.

Trong nhiệm kỳ lần này của Thủ tướng Nentayahu, nhiều lúc vấn đề đã được đơn giản hơn khi cả hai bên đều chấp nhận những yêu cầu mà các nhóm bảo trợ đề xuất tại các hội nghị. Tuy nhiên, sự phản đối mạnh mẽ từ các đảng phái đối lập cộng với hoạt động tự phát của lực lượng an ninh Israel tại dải Gaza và khu Bờ Tây làm cho Tiến trình hòa bình với người Ảrập càng thêm phức tạp.

2. Tác động từ bên ngoài

Với tư cách là quốc gia bảo trợ cho Tiến trình hòa bình Trung Đông, các đời Tổng thống Mỹ phải đối phó với sức ép lớn từ các nhóm Do Thái ở nước Mỹ. Sức ép này ngày càng lớn hơn mỗi khi bầu cử tới gần. Mâu thuẫn giữa Cố vấn An ninh quốc gia Rice, Bộ trưởng Quốc phòng Rumsfeld, Phó Tổng thống Cheney với phái ôn hòa do cựu Bộ trưởng Ngoại giao Powell về vấn đề Palestine Israel trước đây là một ví dụ. Là người chịu trách nhiệm thực hiện "Lộ trình hòa bình" Trung Đông, Powell chịu sức ép lớn. Tổng thống Bush tuy quyết tâm thực hiện "Lộ trình hòa bình" Trung Đông nhưng không hứng thú với các vấn đề như điểm định cư, người tị nạn hồi hương, vị trí của Jerusalem, phân chia biên giới...

Mặt khác, vấn đề hòa bình Trung Đông không phải là vấn đề duy nhất cần bận tâm giải quyết của một

nhiệm kỳ Tổng thống Mỹ. Ví như trước đây, Bush rất khó tập trung sức lực cho giải quyết vấn đề Palestine - Israel bởi Bush phải đối phó với các vấn đề Irắc, Bắc Triều Tiên, Iran, phải đối phó với khó khăn kinh tế, tình trạng thất nghiệp cao và những sai lầm trong xử lý sau sự kiện ngày 11-9. Đối với vấn đề Palestine - Israel, ngoài việc nhấn mạnh ủng hộ "Lộ trình hòa bình" Trung Đông đang có nguy cơ đổ vỡ, Chính phủ Mỹ khó đưa ra được những biện pháp cụ thể như thời Tổng thống Clinton đã làm đối với khu vực Trung Đông.

Thái độ thiên vị cho Israel của Mỹ cũng là một nguyên nhân chính khiến lộ trình hòa bình Trung Đông đến nay vẫn bế tắc. Trên trường quốc tế, Mỹ đã hơn 20 lần sử dụng quyền phủ quyết các Nghị quyết của Liên hợp quốc để bảo vệ và ủng hộ Israel. Tháng 12-1997, Mỹ đã bác bỏ Nghị quyết của Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc lên án Israel xây dựng khu định cư mới Do Thái ở Halômma dù Nghị quyết đã được 14/15 phiếu thông qua. Hay việc Mỹ cho chuyển sứ quán Mỹ về Jerusalem, thành phố còn tranh chấp nóng bỏng giữa Israel và Palestine. Với động thái này, Mỹ đã thừa nhận Jerusalem là thủ đô của nhà nước Israel. Mỹ cũng nhiều lần gây sức ép đối với Tổng thống Y. Arafat để ông có hành động ngăn chặn việc đánh bom cảm tử vào người Do Thái. Những lần (6-1995 và năm 2001), Đảng Likud lên cầm quyền phá vỡ Tiến trình hòa bình Trung Đông, Mỹ đã không kiên quyết buộc các thủ tướng cánh hữu Israel đi vào quỹ đạo hòa bình, thực hiện các hiệp

định đã ký với Palestine, bảo vệ lộ trình hòa bình và thúc đẩy nó tiến triển. Chính sách thiếu công bằng đó của Mỹ làm cho thế giới Hồi giáo tức giận, chủ nghĩa khủng bố ra đời là do nhiều nguyên nhân, nhưng một phần do thái độ thiếu công bằng của Mỹ ở Trung Đông mà then chốt là vấn đề Israel - Palestine.

Có thể nhận thấy, triển vọng hòa bình cho xung đột Israel - Palestine đến từ cả hai phía. Với Palestine, việc đoàn kết, thống nhất quan điểm và hành động trong đấu tranh với Israel là cần thiết. Có làm được điều này thì mới tạo nên được sức mạnh tổng hợp, phát huy được nội lực của dân tộc và đấu tranh có hiệu quả hơn. Với Israel, việc thống nhất quan điểm giữa các đảng phái cũng rất cần thiết, không thể giải quyết lợi ích của dân tộc mình bằng việc chà đạp lên lợi ích của dân tộc khác được. Cả hai bên đều tự biết cách vượt qua chính mình vì lợi ích chung của dân tộc và cả cộng đồng khu vực, hợp tác cùng nhau tìm giải pháp cho các vấn đề còn tồn tại, từng bước tháo gỡ đi đến một nền hòa bình bền vững. Với Mỹ, người bảo trợ chính cho tiến trình hòa bình, rất tích cực trong việc thúc giục hai bên ngồi vào bàn đàm phán nhằm tiến tới một giải pháp ổn định tình hình cho khu vực. Mặc dù là đồng minh thân thiết với Israel, nhưng Nhà Trắng không vì thế mà làm ngơ trước những hành động leo thang quân sự của Israel. Hơn bao giờ hết, Mỹ nhận thức rõ rằng: hòa bình ở khu vực này cũng chính là sự khẳng định tầm ảnh hưởng và vị thế của một siêu cường trong nền chính trị thế giới.

3. Dự kiến Tiến trình hòa bình Trung Đông

Trước tình hình Trung Đông vô cùng phức tạp, thiếu thống nhất, triển vọng về Tiến trình hòa bình còn tùy thuộc vào rất nhiều yếu tố nhưng có thể có ba kịch bản cho Tiến trình hòa bình Trung Đông trong những thập niên tới của thế kỷ XXI như sau:

a) Cuộc xung đột Israel Palestine kéo dài hơn 60 năm qua sẽ kết thúc

Để tìm ra được một giải pháp cho vấn đề Israel và Palestine cần phải bắt đầu bằng việc hiểu được bản chất của cuộc xung đột. Đó là một cuộc xung đột bạo lực giữa hai dân tộc hình thành từ chính mâu thuẫn giữa một bên là một dân tộc Do Thái đã từng bị lưu vong, chà đạp phân biệt đối xử trước đây trở thành một dân tộc thực dân và một nhà nước thực dân chủ nghĩa với bên kia là một dân tộc bản xứ Ảrập Palestine và bị thực dân hóa. Israel là đồng minh của các cường quốc đế quốc chủ nghĩa chi phối toàn bộ khu vực, còn Palestine là một phần của đại dân tộc Ảrập trong khu vực. Lịch sử cho thấy rằng giới lãnh đạo Sionism ở Israel sẽ lợi dụng mọi khả năng để theo đuổi sự bành trướng thực dân và thực hiện việc thanh trừng sắc tộc. Nhưng dù giới hạn thực tế của tiến trình mở rộng này như thế nào chăng nữa, thì Nhà nước Israel vẫn luôn bị vây bọc bởi các nước Ảrập, bởi dân tộc Ảrập trong đó nhân dân Ảrập Palestine là một yếu tố cấu thành.

Từ nhiều năm nay, cuộc xung đột Israel Palestine đã bị sa lầy vào một loạt các cuộc thương lượng hòa bình thất bại, đẩy người Palestine và Israel vào một cuộc đấu tranh rõ ràng là không có lối thoát. Hơn 60 năm sau ngày thành lập Nhà nước Do Thái, người Israel vẫn chưa có được sự an ninh mà họ tìm kiếm. Còn người Palestine bị cướp lãnh thổ vào năm 1948 và 1967, trong khi 3,8 triệu người hiện đang sống dưới sự chiếm đóng của Israel vẫn chưa đạt được một giải pháp đúng đắn cho cuộc xung đột đã làm hoen ố lịch sử của họ và đã tạo nên bản sắc của họ. Cộng đồng quốc tế, kể cả nhiều người Israel và Palestine, vẫn tha thiết ủng hộ giải pháp hai nhà nước mà theo họ là cách thức duy nhất để giải quyết xung đột. Vậy giải pháp đó là gì?

Các kế hoạch của quốc tế và của Palestine là giải pháp hai nhà nước. Người Palestine chiếm 22% lãnh thổ lịch sử của Palestine, tức là khu Bờ Tây sông Jordan và dải Gaza, với Đông Jerusalem làm thủ đô. Người Palestine (có quyền của họ theo Nghị quyết 194 của Liên hợp quốc) nhấn mạnh đến quyền hồi hương hoặc phải đền bù một cách thỏa đáng vì họ bị trục xuất khỏi lãnh thổ của họ.

Trong suốt thời gian, phần lớn người Palestine và người Israel đều nhận thấy rằng độc lập là giải pháp cho cuộc xung đột, song người Do Thái và người Palestine vẫn tiếp tục phải sống cùng nhau và người Palestine trong các vùng lãnh thổ bị chiếm đóng vẫn ở trên mảnh đất của họ. Những nhà nghiên cứu chính trị

còn đưa ra những giải pháp để đáp ứng những nhu cầu về địa lý của hai dân tộc vì theo họ, sức lôi cuốn chính của một nhà nước dân chủ duy nhất là nó cho phép hai dân tộc cùng được hưởng lợi từ đất nước và sống ở đó trong khi vẫn bảo vệ các cộng đồng riêng lẻ của họ căn cứ vào những nhu cầu đặc biệt của họ. Công thức này sẽ có thể phi lãnh thổ hóa cuộc xung đột trong khi vẫn trung hòa dân số và sắc tộc như là nguồn gốc của quyền lực và tính hợp pháp về chính trị.

Hơn nữa, một nhân tố quan trọng tác động đến tiến trình hòa bình, chấm dứt xung đột cũng cần phải nói đến ở đây đó là chính quyền mới Hoa Kỳ của tân Tổng thống B. Obama với chính sách đối ngoại ôn hòa và mềm dẻo sẽ mang lại một dấu ấn trong thập niên tới của thế kỷ XXI.

Sau khi nhận chức Tổng thống lần thứ 44 của Hoa Kỳ, bên cạnh những vấn đề lớn cần phải giải quyết như vực dậy nền kinh tế hàng đầu thế giới đang trong tình trạng khủng hoảng, nạn thất nghiệp cũng như dời sống của nhân dân, Tổng thống Barak Obama còn đặc biệt quan tâm đến vấn đề rút quân khỏi Irắc, chương trình hạt nhân của Bình Nhưỡng, của Iran, Tiến trình hòa bình ở Trung Đông với xung đột Israel - Palestine mà Mỹ đóng vai trò là trung gian hòa giải. Đồng thời xúc tiến quan hệ thân thiện với các quốc gia Hồi giáo trong việc đảm bảo hòa bình và an ninh ở khu vực. Đây thật sự là những tiến bộ trong tiến trình đàm phán và đưa đến một tương lai sáng sủa hơn cho

Trung Đông mà trọng tâm là cuộc xung đột giữa Israel và Palestine sẽ kết thúc. Bởi vì cuộc xung đột Israel Palestine "sẽ là mối quan tâm hàng đầu của người Mỹ, đứng đầu trong chương trình nghị sự của chính quyền mới không phải vì đây là cuộc xung đột đẫm máu nhất trên thế giới không dẫm máu bằng cuộc xung đột ở Irắc nhưng nó là vấn đề dai dẳng nhất đối với người Hồi giáo và các dân tộc trên thế giới, về sự thù địch và bạo lực của Mỹ"[1]. Trước tiên là chuyến thăm Trung Đông của Ngoại trưởng Mỹ Hillary Clinton vào đầu tháng 3-2009 vừa qua với hy vọng mang lại sứ mệnh hòa bình cho khu vực này trong nhiệm kỳ Tổng thống mới, rồi sau đó là chuyến đi của Bộ trưởng Quốc phòng Robert Gates ngày 27-7-2009 tới Israel nhằm thảo luận các vấn đề về tiến trình hòa bình, ngoài ra còn có một phái đoàn do Cố vấn an ninh quốc gia của Tổng thống Mỹ là James Jones dẫn đầu tới Israel và khu Bờ Tây vào ngày 28-7. Tất cả các chuyến ngoại giao con thoi này cùng hướng tới một mục đích là triển khai kế hoạch hòa bình Trung Đông có sự can dự của các nước trong thế giới Hồi giáo Ảrập, kể cả những nước trước đây từng bị Mỹ liệt vào danh sách "quốc gia tài trợ khủng bố". Điều quan trọng là cũng nhằm "*làm nguội*" những

1. Thông tấn xã Việt Nam: *Trung Đông và nguồn gốc cuộc xung đột giữa các nước Ảrập và Israel*, Tài liệu tham khảo đặc biệt, số 11, 1993, tr.27.

"*cái đầu nóng*" Israel trong bối cảnh Tel Aviv cảnh báo sẽ tấn công Iran nếu Teheran không từ bỏ chương trình hạt nhân gây tranh cãi. Trong đó, Mỹ chọn Xyri - quốc gia từng bị Washington coi là nước tài trợ khủng bố - kể từ năm 2005, thời điểm căng thẳng ngoại giao giữa hai nước để tiến hành đối thoại là bởi vì Damascus (Thủ đô của Xyri) chính là "*cánh cửa mở ra một kênh mới cho một nền hòa bình toàn diện tại Trung Đông*" khi mà Xyri có quan hệ gần gũi với Iran, có ảnh hưởng đối với phong trào Hezbollah ở Lybăng và phong trào Hamas của Palestine. Kết quả là Damascus đã nhận được cam kết của Washington về việc sẽ "mở ra một trang mới trong quan hệ với Xyri theo cách thức hoàn toàn khác so với trước đây, dựa trên lợi ích chung và sự tôn trọng lẫn nhau vì mục tiêu thiết lập an ninh và hòa bình trong khu vực"; Damascus cũng nhận được yêu cầu từ Mỹ giúp xúc tiến một thỏa thuận hòa bình giữa Israel và Palestine. Tiếp đến chính quyền của Obama chọn Cairô (Thủ đô của Ai Cập) để xúc tiến đàm phán hòa bình Israel và Palestine bởi Ai Cập vừa là trung gian hòa giải giữa hai nhóm Fatah và Hamas của Palestine, vừa là "cầu nối" giữa Israel và Hamas trong vấn đề trao đổi tù binh và có ảnh hưởng rất lớn trong thế giới Hồi giáo. Như vậy, Mỹ đã chọn chính các quốc gia Ảrập chứ không phải các bên liên quan nào khác trong cuộc thương lượng cũng như đàm phán thuyết phục và tác động tới cả hai quốc gia cho một giải pháp hòa bình.

Ngày 28-7-2009, tại thành phố Jerusalem, Thủ tướng Israel Benjamin Netanyahu đã có cuộc gặp với đặc phái viên của Mỹ về Trung Đông, ông George Mitchell để trao đổi về các khu định cư Do Thái ở Bờ Tây. Theo đó, Mỹ muốn Israel phải ngưng việc xây dựng các khu định cư nhằm đảm bảo an ninh cho Palestine (điều này đã được Bộ trưởng Quốc phòng Israel Ehud Barak đã đề cập trước đó hai ngày). Với đề xuất như trên thì các quốc gia Ảrập phải có những phản hồi tương xứng để hướng đến bình thường hóa quan hệ với Israel. Cụ thể là các nước Ảrập sẽ cho phép máy bay vận tải dân sự và vận chuyển hành khách của Israel bay qua không phận của các nước này; cho phép Israel mở các văn phòng quyền lợi (một dạng cơ quan khi hai nước chưa thiết lập quan hệ ngoại giao đầy đủ) ở thủ đô các nước Ảrập...Mỹ hy vọng các bước đi hướng tới việc bình thường hóa quan hệ ngoại giao và thương mại giữa các nước Ảrập với Israel có thể giúp ông Netanyahu thuyết phục được các đối tác chính trị trong liên minh cánh hữu của ông đồng ý ngưng xây dựng và cơi nới các khu định cư.

Khác với chính quyền tiền nhiệm, chính quyền mới của Tổng thống Obama đang mang lại một nét mới cho nền hòa bình ở khu vực mà điểm mấu chốt là tạo dấu ấn tốt trong việc cải thiện hình ảnh của Mỹ đối với thế giới Hồi giáo Ảrập gồm 1,5 tỷ người, trong đó Palestine là một nhân tố - và sự nhận thức về Mỹ của thế giới Hồi giáo, sẵn sàng đối thoại với người Hồi giáo

và vượt qua những hiểu lầm từ cả hai phía. Chính mối quan hệ mới này sẽ là điểm nhấn tạo thuận lợi và mở đường cho Obama cùng chính quyền mới của mình đi vào cụ thể những công việc sẽ làm đó là thành lập Nhà nước Palestine độc lập, vấn đề hồi hương của người tị nạn Palestine, việc bồi thường đất đai và tài sản của họ, tìm ra giải pháp đối với những khu định cư hiện nay của Israel đang hiện hữu trên phần đất Palestine, chấm dứt xung đột, đồng thời cũng chấm dứt vai trò trung gian hòa giải của Mỹ. Biểu hiện đầu tiên cho quyết tâm trên là vào đầu tháng 6-2009, Tổng thống Obama có chuyến công du tới Trung Đông nhằm tăng cường sự ràng buộc của Mỹ với thế giới Hồi giáo, thúc đẩy một thỏa thuận hòa bình giữa Israel với người Palestine. Để làm được điều này, đối tác chính là hai quốc gia Ảrập Xêút và Ai Cập, bởi Ảrập Xêút là nước bảo trợ cho kế hoạch hòa bình toàn diện duy nhất cho các mối quan hệ giữa thế giới Ảrập và Israel. Trong khi đó, Ai Cập có liên quan mật thiết đến vấn đề của người Palestine, đóng vai trò trung gian giữa Israel và tổ chức Hamas ở dải Gaza. Đặc biệt, Tổng thống Obama khá quan tâm tới việc giải quyết cuộc xung đột và tin rằng Hoa Kỳ "có khả năng đưa các cuộc đàm phán nghiêm túc đi trở lại đúng đường" giữa Israel và Palestine. Ông nói: "không phải có được một quốc gia là quyền lợi của người Palestine không thôi, mà cũng còn là quyền lợi của người Do Thái có được tình hình ổn định tại vùng Trung Đông. Và cũng trong quyền lợi

của Hoa Kỳ mà chúng ta có được hai quốc gia sống cạnh nhau trong hòa bình và an ninh" Trong bài phát biểu của Obama tại Cairô vào ngày 4-6-2009, Tổng thống Obama tuyên bố không chấp nhận tính hợp pháp của việc Israel tiếp tục các hoạt động xây dựng khu định cư tại các vùng đất của người Palestine bị chiếm đóng. Đây là sự vi phạm các thỏa thuận trước đó và phá vỡ những nỗ lực tiến tới hòa bình trong tương lai. Theo ông Obama, đây là thời điểm cần thiết phải chấm dứt các hoạt động định cư trên của Israel. Tổng thống cũng cam kết sẽ không quay lưng lại với khát vọng hợp pháp thành lập một Nhà nước của người Palestine, khẳng định phương án hai nhà nước là giải pháp duy nhất cho cuộc xung đột giữa Israel và Palestine và ông cam kết sẽ theo đuổi mục tiêu này. Ông tỏ ra thấu hiểu những tình cảm *"không thể chịu đựng được"* của người Palestine, lên tiếng kêu gọi các tay súng cực đoan của Palestine từ bỏ bạo lực và chấp nhận một nhà nước Do Thái. Với những động thái trên của Nhà Trắng, trong một tương lai gần, cuộc xung đột kéo dài hàng thập kỷ sẽ chấm dứt. Hai nhà nước cùng song song tồn tại sẽ là điều kiện mang lại nền hòa bình và ổn định cho khu vực Trung Đông.

Tóm lại, giải pháp bền vững chấm dứt xung đột có thể kể đến đó là: sự bình đẳng về các quyền lợi tập thể, các quyền dân tộc đối với hai nhóm dân tộc thực sự liên quan: người Ảrập Palestine và người Do Thái Israel. Đó là một điều kiện tối thiểu cần thiết bởi

không có nó thì có nghĩa một trong các nhóm sẽ chịu bất lợi, yếu ớt và bị đàn áp. Một sức ép dân tộc tất yếu sẽ dẫn tới một cuộc đấu tranh giải phóng và điều đó đem lại một kết quả trái ngược với một giải pháp. Tiếp đó là quyền hồi hương: thừa nhận quyền hồi hương của những người tị nạn Palestine, quyền được phục hồi nhân phẩm và bồi thường những tài sản của họ. Yếu tố thứ ba, và là yếu tố có tính chất quyết định nhất để giải quyết thực sự vấn đề, đó là xóa bỏ nguyên nhân chính của cuộc xung đột: công cuộc thực dân hóa Sionism phải được loại bỏ. Điều đó có nghĩa không những đối với việc phi Sionism Israel mà còn bác bỏ sự khẳng định mang tính chất Siôn rằng mọi người Do Thái, dù họ sống ở đâu, đều có một quyền trên "vùng đất của Israel"

b) Cuộc xung đột Israel Palestine vẫn dậm chân tại chỗ

Như đã nói ở trên, do bất đồng về quan điểm cũng như những di sản mà lịch sử để lại nên cuộc xung đột giữa hai dân tộc Do Thái và Palestine tới nay vẫn dậm chân tại chỗ. Hơn nữa, trong tình hình hiện nay, khi nội bộ của hai quốc gia này đang có sự xáo trộn sau những cuộc bầu cử và thành lập chính quyền liên hiệp. Phải kể đến là cuộc bầu cử của nhân dân Palestine năm 2006 đã đưa Hamas lên cầm quyền ở dải Gaza và biến nơi đây thành vùng kiểm soát riêng của mình. Điều này dẫn đến việc trên vùng đất Palestine có hai

chính quyền riêng rẽ giữa dải Gaza và khu Bờ Tây. Với mục tiêu đã tuyên bố, Hamas không thừa nhận Nhà nước Do Thái tồn tại trên mảnh đất mà người Palestine sinh sống tự bao đời, nên đã tiến hành các cuộc bắn rốckét tự phát vào phần đất của người Israel. Trong khi đó tại khu Bờ Tây, chính quyền của Tổng thống Abbas đang tạo mọi nỗ lực có thể với Israel nhằm đi đến một hiệp định hòa bình. Tuy nhiên, phía Israel yêu cầu chính quyền Palestine xóa sổ Hamas (vốn bị Mỹ và Israel liệt vào danh sách khủng bố) thì khi đó mới có khả năng đàm phán trực tiếp. Nhưng Hamas đã có cơ sở vững chắc tại dải Gaza và được lòng dân nơi này nên việc xóa sổ là điều không thể. Chính quyền Abbas cũng rất khó kiểm soát được những hành động quân sự chống Israel bất ngờ của họ. Tình trạng này cứ kéo dài từ năm 2006 cho tới nay và sẽ còn tiếp tục trong tương lai cho đến khi nào Israel công nhận chủ quyền Palestine.

Về phía Israel, chính quyền liên hiệp của Thủ tướng B. Netanyahu vẫn tiếp tục cho xây dựng và mở rộng các khu định cư Do Thái xung quanh Jerusalem, dải Gaza và khu Bờ Tây bất chấp sự phản đối gay gắt từ chính quyền của Tổng thống Obama và cộng đồng quốc tế. Hiện nay có một nửa triệu người Do Thái sinh sống tại hơn 100 khu định cư được Israel xây dựng từ cuộc chiến tranh Trung Đông năm 1967, chiếm đóng khu Bờ Tây và Đông Jerusalem, nơi có gần 3 triệu người Palestine sinh sống. Vào lúc ông Netanyahu

đang thăm Mỹ (tháng 5-2009), các công ty xây dựng Israel đã công bố thực hiện kế hoạch xây dựng một khu định cư Do Thái mới gồm khoảng 20 căn nhà tại căn cứ quân sự cũ của Israel ở phía Bắc khu Bờ Tây. Dự án này đã gửi một "thông điệp thách thức" tới chính quyền Obama và những nỗ lực của Washington làm sống lại các cuộc đàm phán hòa bình Israel Palestine. Như vậy, tình trạng chung sống giữa hai dân tộc tại các khu định cư lại và sự kiểm soát chặt chẽ quân sự của Israel là một bài toán lớn thách thức Mỹ và cộng đồng quốc tế.

Về giải pháp hai nhà nước (Nhà nước Palestine và Nhà nước Israel cùng tồn tại) mà cựu Tổng thống Mỹ Bush, cựu Thủ tướng Israel E.Olmert và Tổng thống Palestine Abbas đã khẳng định tại Hội nghị hòa bình Annapolis năm 2007 do Mỹ bảo trợ đã không tiến triển và cho đến nay nó vẫn chỉ là bước phác thảo. Từ khi lên cầm quyền, chính quyền Obama đã gây sức ép đối với Israel, ủng hộ việc thành lập một Nhà nước Palestine ở khu Bờ Tây và dải Gaza cùng tồn tại với Nhà nước Israel và coi đây là cốt lõi của những nỗ lực của Mỹ cho các cuộc đàm phán hòa bình giữa Israel và Palestine. Trong khi đó, ông Netanyahu đứng đầu liên minh cánh hữu trong đó có nhiều đảng phản đối giải pháp trên, chưa bao giờ công khai ủng hộ việc thành lập một Nhà nước Palestine. Từ khi lên cầm quyền, Thủ tướng Netanyahu cam kết tiếp tục các cuộc đàm phán với người Palestine về vấn đề kinh tế và an ninh

nhưng chưa đưa ra lời cam kết nào nối lại các cuộc thương lượng với người Palestine, đã được bắt đầu dưới thời cựu Thủ tướng E.Olmert, về các vấn đề lãnh thổ. Trong khi người Palestine yêu cầu Thủ tướng Netanyahu đáp ứng đòi hỏi của họ, phải ủng hộ việc thành lập một Nhà nước Palestine trước khi các cuộc thương lượng có thể được nối lại thì ông Netanyahu lại đòi bất cứ một "thực thể Palestine" nào cần phải hạn chế về quyền lực chủ quyền và không có quân đội để "Nhà nước Do Thái không bị đe dọa" Đồng thời ông cũng tuyên bố "*Một Jerusalem thống nhất là Thủ đô của đất nước Israel. Jerusalem đã và sẽ luôn luôn là của người Do Thái và nó sẽ không bao giờ bị chia cắt một lần nữa*" Một bên đưa ra những yêu cầu cụ thể còn bên kia lại kịch liệt phản đối, do đó trong bàn đàm phán cũng như trên thực tế không thể nào thực hiện được, tạo ra sự ngập ngừng trên con đường đi tới hòa bình ở khu vực.

Chưa thể giải quyết dứt điểm cuộc xung đột kéo dài và những vấn đề quan trọng vẫn còn dở dang thì Israel phải lo đối phó với một nhân tố khác đó là chương trình phát triển hạt nhân của Iran có thể làm thay đổi cán cân sức mạnh ở vùng Vịnh và dẫn tới một cuộc chạy đua vũ khí hạt nhân của các nước Trung Đông. Trong khi đó Israel, được coi là nước duy nhất ở Trung Đông có năng lượng hạt nhân, muốn có một giải pháp ngoại giao với chương trình hạt nhân của Iran. Các nhà lãnh đạo Israel cho rằng, một nước Iran được

trang bị hạt nhân sẽ đe dọa sự tồn tại của Israel và do đó không có sự lựa chọn nào khác là khả năng dùng vũ lực để ngăn chặn Têhêran sở hữu vũ khí hạt nhân. Do vậy, giải quyết cuộc xung đột Israel Palestine không còn là vấn đề trọng tâm của chính quyền Nentayahu nữa mà đã chuyển sang giải quyết mối đe dọa trực tiếp từ Iran.

c) Cuộc xung đột Israel - Palestine vẫn tiếp diễn

Với tình hình hiện nay, vấn đề then chốt nhất để mang lại hòa bình cho khu vực Trung Đông là Palestine và Israel phải đạt được những sự thỏa hiệp quan trọng với nhau. Tiến trình hòa bình Trung Đông mặc dù không mấy lạc quan, nhưng vẫn tiếp tục tiến triển. Nguyên nhân chính là do hầu hết các vấn đề nan giải tuy vẫn đang trong tiến trình đàm phán và giải quyết, nhưng các bên đối lập hầu như không ai chịu nhượng bộ ai. Chẳng hạn như theo "Lộ trình hòa bình" Trung Đông thì Isarel phải dừng toàn bộ những hành động mở rộng các khu định cư tại vùng Bờ Tây, nhưng trái lại Israel không những không dừng mà còn tiếp tục củng cố và mở rộng các khu định cư đó, nghĩa là tiếp tục vi phạm các điều khoản của "Lộ trình hòa bình" Trung Đông được Mỹ bảo trợ, khiến cho mục tiêu cuối cùng của lộ trình là thành lập một Nhà nước Palestine vào năm 2005 không được thực hiện.

Việc Israel triển khai kế hoạch đơn phương rút quân khỏi Gaza và một số vùng đất chiếm đóng cũng là một

vấn đề phức tạp. Nhưng vấn đề nan giải hơn nằm trong chính cách đơn phương rút quân của Israel ra khỏi dải Gaza mà không có một hiệp định nào được ký kết, vì đi liền với cách đơn phương rút quân, Israel có quyền tự cho mình vẽ lại đường biên giới xung quanh dải Gaza với ý đồ tiếp tục bao vây khu vực này một cách có hiệu quả mà không cần kiểm soát các đường ra, lối vào của người Palestine trên toàn bộ dải đất này, cả đường bộ lẫn đường thủy, tạo ra một hình thức chiếm đóng mới cần rất ít dân định cư Do Thái và với một số ít quân đội Israel mà vẫn kiểm soát được tình hình một cách có hiệu lực. Cách làm đó không thể che mắt được những người đang sống trong các trại tị nạn trên dải Gaza, càng không thể dập tắt được ngọn lửa hận thù ngày càng bùng lên trong các trại tị nạn này, cũng như không thể xóa bỏ được ý nguyện của họ muốn thành lập một Nhà nước Palestine độc lập.

Nhiều người cho rằng, vấn đề Palestine hiện nay không chỉ dừng lại trong phạm vi của người Palestine hay của khu vực Trung Đông, mà nó đã trở thành tâm điểm của sự rạn nứt chiến lược chủ yếu trên toàn cầu như Đông - Tây, Bắc - Nam, Hồi giáo - Thiên chúa giáo. Mặc dù các nhà lãnh đạo các nước Ảrập thường nhắc tới Khối Ảrập thống nhất, tức là cộng đồng các tín đồ Hồi giáo, coi đó như là nền tảng và chỗ dựa của họ, nhưng trên thực tế khối này bị chia rẽ sâu sắc cả về chính trị, kinh tế và chiến lược. Chính trong sự chia rẽ này, họ đã tìm thấy một tổ chức đang phấn đấu cho một sự nghiệp

chung vượt lên trên tất cả những chia rẽ đang tồn tại, đó là tổ chức Palestine, vì thế Palestine đã trở nên hết sức quan trọng và cần thiết đối với các dân tộc Ảrập nói riêng, thế giới Hồi giáo nói chung. Và chính do "sự nghiệp Palestine" đã trở thành sự nghiệp chung của dân tộc Ảrập và thế giới Hồi giáo như vậy, cho nên việc không thành lập được một nhà nước Palestine cũng đồng nghĩa với việc khước từ đối với các quyền dân tộc cơ bản không riêng đối với người Palestine, mà cả đối với người Ảrập và người Hồi giáo nói chung.

Dần dần các dân tộc Ảrập và thế giới Hồi giáo ngày càng nhận thức rõ hơn rằng, số phận của người Palestine cũng như của họ đã và đang bị tước đoạt, vì thế họ ngày càng oán thù các nước phương Tây, nhất là Mỹ. Họ cho rằng chính Mỹ và các nước phương Tây khác đã nâng đỡ và để mặc Israel làm mưa làm gió ở khu vực Trung Đông. Mặc dù có một số người cho rằng đây là cách nhìn cảm tính chủ quan của người Ảrập, nhưng trong thực tế, cảm tính đó ngày càng trở nên mạnh mẽ trong dư luận nhân dân Ảrập và Hồi giáo. Hơn thế nữa, nó ngày càng lan rộng ra và được hưởng ứng ngay cả trong dư luận rộng rãi ở châu Âu cũng như nhiều nơi khác trên thế giới, đến mức giờ đây nó đã tạo thành một yếu tố khách quan của cuộc xung đột.

Chừng nào giải pháp cho cuộc xung đột Israel - Palestine với việc thành lập một Nhà nước Palestine tồn tại bên cạnh một Nhà nước Isarel, với các đường

biên giới an toàn và được công nhận, chưa được giải quyết thì chừng ấy chưa thể loại trừ được tất cả những khả năng khủng bố, cũng như chưa thể chấm dứt được mọi triển vọng xung đột giữa Hồi giáo và phương Tây. Điều đó đã được một quan chức của Palestine nhận xét: "số người tin tưởng vào giải pháp hai nhà nước cho hai dân tộc đang ngày càng giảm xuống, người dân trên đường phố thì coi ý tưởng hai nhà nước là một trò đùa"[1]. Hơn nữa, cuộc chiến tranh Irắc xảy ra càng làm tăng thêm những mâu thuẫn vốn đã rất căng thẳng. Từ khi cuộc chiến tranh này nổ ra, thế giới phương Tây nói chung, Mỹ nói riêng, ngày càng bị nhiều người Ảrập và người Hồi giáo phẫn nộ, lên án. Họ cho rằng, Mỹ và phương Tây trừng phạt chính phủ độc tài của Saddam Hussein ở Irắc, nhưng lại không trừng phạt Chính phủ Israel, mặc dù cũng là một chính phủ dựa trên sức mạnh bạo lực. Theo họ, cả Mỹ và phương Tây đều phải chịu trách nhiệm về việc đã nâng đỡ, dung túng Chính phủ Israel, để Isarel chiếm đóng bất hợp pháp các vùng lãnh thổ Ảrập từ năm 1967 và đàn áp dân chúng sống ở đó. Người ta chỉ trích Mỹ, thủ lĩnh của phương Tây, là nước đã làm nghiêng cán cân về phía có lợi cho Israel, dùng sức mạnh vô song của mình làm giá đỡ cho riêng Israel. Việc không có giải pháp cho cuộc xung đột này cũng như số phận của nhân dân Palestine ngày càng

---

1. Thông tấn xã Việt Nam: *Trung Đông: Hoà bình vẫn xa vời*, Tài liệu tham khảo, ngày 15-5-2008, tr.9.

tồi tệ hơn đã làm cho các nước Ảrập và Hồi giáo ngày càng thù địch Israel[1].

Tất cả những bằng chứng trên đây, cùng với những cam kết của Mỹ đứng bên cạnh nhà nước Do Thái và sự hợp tác của châu Âu với Mỹ và Israel đã khiến phương Tây phải đối đầu với sự thù địch ngày càng tăng của người Ảrập và thế giới Hồi giáo. Sự thù địch này ngày nay đã trở thành một áp lực mà các nhà lãnh đạo phương Tây không thể không nhắc tới. Đây chính là lý do dẫn tới một số chia rẽ và khác biệt trong chính sách của các nước phương Tây. Một trong những bằng chứng về điều này là các nhà lãnh đạo Pháp đã yêu cầu Chính phủ Mỹ tìm giải pháp cho cuộc xung đột Israel - Ảrập theo hướng không chỉ tạo thuận lợi cho Israel. Và với đề nghị này, chính sách đối ngoại của

---

1. Trong khi Israel không tôn trọng các Nghị quyết năm 1948 của Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc về quyền hồi hương của những người tị nạn và các Nghị quyết năm 1967 về việc trả lại những vùng lãnh thổ bị chiếm đóng, mà hầu hết trong các cuộc thảo luận hay đàm phán, Israel luôn tìm cách bác bỏ hai quyền căn bản mà người Palestine đang trông đợi, đó là quyền tị nạn của người Palestine trở về ngôi nhà của mình và chia sẻ Jerusalem làm thủ đô của cả hai nhà nước Israel và Palestine. Đặc biệt, kể từ năm 1967, Mỹ đã 37 lần sử dụng quyền phủ quyết để cản trở Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc lên án Israel, con số này còn tỏ ra quan trọng hơn khi người ta biết rằng tổng cộng (kể cả 37 lần trên), Mỹ đã 77 lần sử dụng quyền phủ quyết kể từ năm 1946 đến nay.

Pháp đã không được lòng dân Israel vì họ cho rằng chính sách đó quá thân thiện với thế giới Ảrập, mặc dù không bị coi là chống Do Thái. Ở Mỹ cũng có chỉ trích như vậy đối với Pháp.

Và không chỉ có Pháp, một đồng minh trung thành với Mỹ như Anh cũng cho rằng dường như thế giới phương Tây đang chơi trò áp hai mặt, một mặt khẳng định các Nghị quyết của Hội đồng Bảo an về Irắc phải được tôn trọng, mặt khác lại chấp nhận một thái độ thờ ơ của Israel đối với việc thực hiện các Nghị quyết về cuộc xung đột Palestine Israel. Chính sách thiên vị Isarel và phớt lờ nỗi đau khổ của nhân dân Palestine như vậy là bất công và là một trong những nguồn gốc dẫn tới tư tưởng chống Mỹ trên thế giới, đồng thời làm cho cuộc xung đột tiếp diễn.

Nhiều người Palestine đã tuyên bố một cách có lý rằng chìa khóa của nền hòa bình nằm trong tay của Israel. Tuy nhiên, những thực tế trên thực địa lại chứng tỏ rằng Israel không hướng tới nền hòa bình, rằng một Intifada khác là không thể tránh khỏi. Trong khi hàng nghìn tù nhân Palestine đang chết mòn trong nhà tù của Israel, thì các lực lượng "an ninh" Israel vẫn đang giết người Palestine một cách lạnh lùng và không phân biệt mà không hề bị trừng phạt. Việc chấm dứt chế độ chiếm đóng là một lợi ích sống còn chung đối với người Palestine và cả người Israel. Trở ngại lớn nhất trên con đường dẫn tới việc chấm dứt chiếm đóng và chấm dứt xung đột, đó là bộ máy được gọi là "bộ máy an

ninh" của Israel, một tổng thể hùng mạnh được nuôi dưỡng bởi sự chiếm đóng và, giống như căn bệnh ung thư giai đoạn cuối, không thể chữa khỏi. Cùng với đó là tình trạng các nhóm vũ trang của Palestine coi sự có mặt của binh lính Israel tại dải Gaza và khu Bờ Tây là xâm phạm lãnh thổ và bằng bất cứ giá nào, bất kỳ biện pháp nào cũng đều sử dụng bạo lực để giải quyết nên tình hình rất khó kiểm soát. Mặt khác, cả hai bên lại bảo thủ trong các cuộc đàm phán, vì quyền lợi của dân tộc, không chấp nhận sự nhượng bộ đáng kể nào nhằm tiến tới một giải pháp hòa bình chung. Do đó, sự đổ vỡ là điều không thể tránh khỏi. Khi Chính phủ Israel nói đến một Nhà nước Palestine là họ nghĩ ngay đến các hàng rào vây xung quanh theo mô hình dải Gaza chứ không phải là một Nhà nước Palestine độc lập. Đó là một nhà nước phải phi quân sự hóa, bị Israel kiểm soát không phận. Trên hết, một bộ phận cấu thành nên nhà nước ấy là phong trào kháng chiến Hamas lại không được Israel thừa nhận. Việc lập ra các khu biệt cư để giam hãm nhân dân Palestine không những không giải quyết được xung đột, mà còn dẫn đến một thảm họa như chúng ta đã thấy ở dải Gaza.

Dù là điều khoản của dự thảo Hiệp định Trại David năm 2000 hay một loạt những đề nghị khác, kể cả sáng kiến được coi là hòa bình Giơnevơ, hay với những nỗ lực hòa bình tại Hội nghị Annapolis, Hội nghị Paris, không một kế hoạch nào dự kiến hai Nhà nước riêng rẽ lại có thể khiến cả Palestine và Israel hài lòng. Các kế hoạch

đo những người thuộc phái tả kiến nghị đang tìm cách làm cho người Palestine chấp nhận sự thôn tính của Israel các vùng lãnh thổ và việc Israel từ chối quyền hồi hương của người tị nạn. Các nhà lãnh đạo của phái tả Israel đề cập đến một Nhà nước Palestine trên lý thuyết trong khi trên thực tế vẫn phá hoại Nhà nước này. Sự chiếm hữu đất đai của Palestine và sự mở rộng các khu định cư đã được đẩy mạnh dưới các chính phủ của phái tả, phá vỡ huyền thoại cho rằng chỉ có các chính quyền "hòa bình" mới có thể tạo ra nền hòa bình với người Palestine.

II- Ý NGHĨA CỦA CUỘC ĐẤU TRANH

1. Đấu tranh để xác lập và giữ vững ổn định về chính trị - kinh tế, bảo vệ chủ quyền quốc gia - dân tộc

Từ thực tiễn cuộc đấu tranh giành độc lập dân tộc của nhân dân Palestine sau Chiến tranh lạnh, chúng ta thấy rằng, mục tiêu đấu tranh là nhằm giành lại chủ quyền về lãnh thổ, củng cố độc lập dân tộc, một nhà nước độc lập có chủ quyền, có thể chế chính trị và có tư cách trên trường quốc tế. Do đó, vấn đề quan trọng trước tiên phải bàn đến là xây dựng nhà nước. Bởi vì, sự trưởng thành của nhà nước là thước đo trình độ phát triển xã hội và kinh tế của phần lớn các quốc gia. Nhà nước với đường lối độc lập tự chủ cả về đối ngoại và đối nội, có những thể chế hữu hiệu sẽ có ý nghĩa quyết định

đến công cuộc cải cách, sự phát triển và hội nhập quốc tế thành công của các quốc gia.

Quá trình giữ vững nền độc lập, chủ quyền của quốc gia gắn liền với công cuộc xây dựng một chế độ chính trị - xã hội ổn định, trong đó các đảng phái và các nhóm lợi ích đối lập phải đấu tranh cùng nhau vì mục tiêu chung cho sự phát triển của quốc gia. Sự ổn định về chính trị là điều kiện tiên quyết thúc đẩy cho sự phát triển kinh tế và giải quyết các vấn đề xã hội, góp phần cải thiện và nâng cao đời sống cho nhân dân. Đồng thời, nó tạo thành một bức tường vững chắc chống lại những âm mưu *"diễn biến hòa bình"*, *"bạo loạn lật đổ"* từ bên ngoài của các thế lực thù địch. Vì vậy, để có thể phát triển được thì việc giữ vững ổn định chính trị là một trong những nhiệm vụ hết sức cấp bách hiện nay của các quốc gia đang phát triển trong cuộc đấu tranh bảo vệ và củng cố độc lập dân tộc.

Vấn đề hòa hợp dân tộc và đoàn kết dân tộc cũng là một vấn đề chính trị - xã hội lớn của các quốc gia cần phải giải quyết trong bối cảnh hiện nay. Mâu thuẫn về dân tộc, sắc tộc, tôn giáo, lãnh thổ...là những nguyên nhân dẫn đến xung đột nội chiến đẫm máu làm suy yếu quốc gia. Nhìn vào sự đối lập về quan điểm, mục tiêu và phương pháp trong cuộc đấu tranh thành lập một Nhà nước Palestine độc lập của hai nhóm lớn nhất Palestine là Hamas và Fatah chúng ta thấy rằng, họ không có một tiếng nói chung trên chính trường và không đặt lợi ích dân tộc lên trên hết

do đó đã dẫn đến một cuộc nội chiến mà hậu quả đầu tiên là ngăn cản sự phát triển đất nước, tạo điều kiện cho quân đội Israel ra sức mở rộng phạm vi chiếm đóng quân sự tại các khu định cư. Tuy nhiên, điều quan trọng là nó đã kéo dài quá trình tiến tới thành lập một Nhà nước Palestine độc lập. Những vấn đề này chỉ có thể được giải quyết khi chính quyền phải có chính sách mặt trận rộng rãi, thực hiện sự đoàn kết toàn dân trên cơ sở hòa hợp dân tộc. Mặt khác, các nhóm vũ trang cần nhận thức rõ đâu là mục tiêu lâu dài trong chiến lược, đâu là nhiệm vụ trước mắt cần phải giải quyết. Xu thế hòa bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển là một xu thế lớn, nổi trội sau Chiến tranh lạnh, vì vậy, xung đột dân tộc, sắc tộc là đi ngược lại với xu thế của thời đại, gây mất ổn định chính trị trong từng nước, từng khu vực. Hơn nữa, với một đất nước mà Nhà nước độc lập, ổn định và thống nhất vẫn còn là một ước mơ xa vời, lãnh thổ vẫn còn bị chiếm đóng bởi quân đội Israel thì mục tiêu giữ vững độc lập chủ quyền dân tộc của nhân dân Palestine rất khó có thể thực hiện được.

2. Đẩy mạnh đoàn kết quốc tế, tạo thế trận vững chắc chống chủ nghĩa bá quyền thế giới

Trong bối cảnh tình hình quốc tế hiện nay, trước những thách thức cực kỳ to lớn từ sự áp đặt của các nước đế quốc đến quá trình toàn cầu hóa, các cuộc xung đột sắc tộc, tôn giáo, với âm mưu diễn biến hòa bình

trong chiêu bài dân chủ mang đậm màu sắc "quyền lợi" của phương Tây thì hơn bao giờ hết, các quốc gia (nhất là các nước đang phát triển) cần phải đoàn kết nhau lại để đấu tranh nhằm chống lại âm mưu đó. Việc nhiều tổ chức quốc tế và khu vực đã thành lập như: Phong trào Không liên kết, Phong trào hòa bình, G77, các diễn đàn khu vực...đấu tranh chống lại âm mưu chia rẽ của chủ nghĩa dế quốc và những tác động tiêu cực của toàn cầu hóa. Tại các tổ chức và diễn đàn này, phương hướng hành động đấu tranh chung của các quốc gia đang phát triển là: "Phát huy tinh thần hợp tác giữa các nước đang phát triển, nói tiếng nói chung trong việc giải quyết các xung đột, mâu thuẫn khu vực, bảo vệ độc lập chủ quyền của mỗi quốc gia"[1]. Đồng thời tôn trọng bình đẳng chủ quyền, không can thiệp công việc nội bộ, tăng cường hữu nghị, không sử dụng và đe dọa vũ lực trong quan hệ giữa các quốc gia, giải quyết hòa bình và các tranh chấp quốc tế. Vấn đề cốt yếu là phải làm cho nhân dân thế giới thấy rõ được tính chất chính nghĩa, nhân văn, tiến bộ xã hội cũng như sự tương đồng, hòa hợp quốc tế của công cuộc bảo vệ đất nước, trong bối cảnh phong trào đấu tranh đòi độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội cửa các nước đang phát triển tiếp tục dâng cao.

---

1. Thái Văn Long: *Độc lập dân tộc của các nước đang phát triển trong xu thế toàn cầu hoá,* Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2006, tr.181.

Nhìn vào cuộc dấu tranh bền bỉ của nhân dân Palestine trong việc giành độc lập dân tộc, thành lập một Nhà nước Ảrập Palestine, chúng ta thấy rằng, nhân dân thế giới luôn sẵn sàng quan tâm, ủng hộ và giúp dỡ người dân Palestine không chỉ về vật chất mà còn cả về tinh thần. Họ xem "giúp bạn là cũng tự giúp mình", do đó cùng nhau lên tiếng phản đối việc Israel liên tiếp gây ra những tang thương trên dải Gaza, khu Bờ Tây, và người dân thường vô tội. Đồng thời, sẵn sàng ủng hộ và viện trợ kinh phí cho việc tái thiết quốc gia sau khi thành lập Nhà nước. Ví như, tại Hội nghị Paris tháng 12-2007, cộng đồng quốc tế cam kết viện trợ cho Palestine 7,7 tỷ USD để vận hành nền kinh tế và đảm bảo cho đời sống của viên chức và nhân dân Palestine.

Đoàn kết quốc tế hiện nay không những phải quan tâm đẩy mạnh hợp tác Nam Nam theo hướng thiết thực và có hiệu quả, mà còn cải thiện quan hệ Bắc Nam. Hơn nữa, trong sự phát triển chung của thế giới, Mỹ và một số cường quốc phương Bắc khác đang lợi dụng xu thế toàn cầu hóa để đe dọa độc lập dân tộc, chủ quyền quốc gia và toàn vẹn lãnh thổ của nhiều nước phương Nam. Họ mưu toan lấy cái "làng toàn cầu" thay thế cho các quốc gia dân tộc; lấy sự phụ thuộc lẫn nhau giữa các nước để hạ thấp chủ quyền quốc gia; lấy một thị trường không biên giới để phủ nhận tính bất khả xâm phạm của toàn vẹn lãnh thổ...do vậy các quốc gia

cần phải kề vai sát cánh bên nhau, tạo thành một thế trận vững chắc trong cuộc đấu tranh chung chống lại chủ nghĩa bá quyền, đòi thiết lập một trật tự quốc tế mới công bằng, bình đẳng.

Trong cuộc đấu tranh kiên cường và bền bỉ của nhân dân Palestine từ sau Chiến tranh lạnh, cần thiết rút ra một số bài học từ sự không thành công của cuộc đấu tranh này:

Một là, tăng cường công tác hòa giải, hòa hợp dân tộc, thống nhất mọi lực lượng, đảng phái, phát huy sức mạnh tổng hợp, ý chí quyết tâm của toàn dân tộc, mọi tầng lớp nhân dân.

Hai là, kết hợp hài hòa giữa đời sống chính trị ngoại giao với đấu tranh vũ trang chính nghĩa để giành thắng lợi từng bước trong đàm phán tiến tới mục tiêu cuối cùng là thành lập một quốc gia độc lập có chủ quyền sống hòa đồng với người Do Thái và các dân tộc Ảrập anh em ở vùng đất Trung Đông.

Ba là, phải biết tranh thủ sự ủng hộ của quốc tế của các nhà tài trợ trên tinh thần giữ vững các nguyên tắc cơ bản, giữ vững độc lập và định hướng, mục tiêu đấu tranh.

Đây là những bài học mà các quốc gia (nhất là các quốc gia đang phát triển) trong quá trình đấu tranh bảo vệ và củng cố nền độc lập dân tộc cũng cần phải quan tâm chú ý để tự đứng vững trong xu thế toàn cầu hóa hiện nay.

3. Quan điểm của Việt Nam về cuộc xung đột Israel - Palestine

Trên bước đường đổi mới, hội nhập và phát triển, Việt Nam luôn thực hiện phương châm "là bạn, là đối tác tin cậy của các nước trong cộng đồng quốc tế"[1], quan hệ hữu nghị và hợp tác với các quốc gia trên cơ sở tôn trọng chủ quyền lãnh thổ, độc lập dân tộc, không can thiệp và xâm phạm vào công việc nội bộ của nhau. Do đó, sau khi giành độc lập thống nhất đất nước, Việt Nam sớm tham gia các tổ chức, phong trào và các diễn đàn thế giới như Liên hợp quốc, Phong trào Không liên kết...cùng với các quốc gia đang phát triển khác đấu tranh chống những tiêu cực và mặt trái của quá trình toàn cầu hóa mang lại, thể hiện tiếng nói đoàn kết chống chiến tranh, khủng bố và xung đột để đem đến hòa bình, sự phát triển chung cho nhân loại tiến bộ. Qua đó, Việt Nam cũng giới thiệu ra thế giới bản sắc dân tộc của nền văn hóa Việt lâu đời, đồng thời, đã khẳng định được vị thế chính trị, uy tín của mình trên trường quốc tế. Đến nay, nước ta đã có quan hệ ngoại giao với hơn 170 nước, thuộc tất cả các châu lục, trong đó với cả năm nước là ủy viên Thường trực Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc; có quan hệ thương mại với các trung tâm kinh tế lớn của thế giới cũng như với hơn 220

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2001, tr. 119.

quốc gia và vùng lãnh thổ; đồng thời là thành viên của hàng trăm tổ chức quốc tế...Trong từng giai đoạn lịch sử nhất định, Việt Nam luôn là người bạn thủy chung, luôn ủng hộ cuộc đấu tranh giành độc lập dân tộc chính nghĩa của nhân dân Palestine. Việt Nam đã từng luôn là điểm đến tham vấn, bày tỏ tìm kiếm sự ủng hộ của Tổng thống Arafat trước đây và chính quyền Palestine hiện nay. Trước đây, cũng như nhiều dân tộc tiến bộ khác trên thế giới, đối với dân tộc Do Thái, Việt Nam bày tỏ thái độ đồng cảm và ủng hộ trước nỗi đau mất Tổ quốc, bị xua đuổi và chà đạp ở các nước tư bản, phải sống phiêu bạt khắp nơi. Kể từ khi chủ nghĩa phục quốc Do Thái được phục hồi, người Do Thái đã thành lập quốc gia trên cơ sở Nghị quyết 181 của Liên hợp quốc và sự hậu thuẫn của Mỹ thì cũng từ đó, người Ảrập Palestine lại phải chạy sang tị nạn ở các nước láng giềng. Chiến tranh Trung Đông liên tiếp nổ ra trong sự bành trướng thế lực của Israel. Chính việc sử dụng bạo lực để giải quyết các vấn đề của dân tộc Do Thái, không tuân thủ những nguyên tắc cơ bản của Liên hợp quốc về quyền tự quyết dân tộc, không sử dụng hình thức đàm chính trị mà tự ý hành động là điều không thể chấp nhận được. Việt Nam phản đối những hành động sử dụng vũ lực của Israel để gây chiến tranh, đồng thời cũng không đồng ý việc bác bỏ các Nghị quyết của Liên hợp quốc trong khuôn khổ các cuộc chiến tranh Trung Đông.

Là một dân tộc đã từng phải chịu đựng biết bao đau thương mất mát vì các cuộc chiến tranh tàn phá của

chủ nghĩa đế quốc, hơn bao giờ hết, Việt Nam mong muốn các bên cần chấm dứt ngay xung đột, trở lại bàn đàm phán, tiếp tục Tiến trình hòa bình Trung Đông, dựa trên cơ sở Nghị quyết 242, 338 của Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc và nguyên tắc "đổi đất lấy hòa bình", nhằm sớm đạt được một nền hòa bình công bằng, bền vững cho cuộc xung đột ở Trung Đông, đảm bảo lợi ích chính đáng của các bên liên quan. Cũng như dư luận thế giới, Việt Nam mong Israel và Palestine kiềm chế, sớm có hành động cụ thể để chấm dứt bạo lực, tôn trọng các quyền dân tộc cơ bản của nhân dân Palestine, trong đó có quyền tự quyết và quyền thành lập một Nhà nước Palestine độc lập. Việt Nam luôn ủng hộ các giải pháp hòa bình của Mỹ, Liên đoàn Ảrập và các bên liên quan nhằm tiến tới thành lập một Nhà nước Palestine độc lập, đồng thời lên án các hành động khủng bố, ám sát của các nhóm vũ trang và an ninh của hai quốc gia. Hành động đó là đi ngược lại với những giá trị của nhân loại, chống lại quyền con người, không đảm bảo cho tiến trình đàm phán hòa bình cho khu vực Trung Đông.

Trong khuôn khổ của Hội nghị cấp cao lần thứ 15 Phong trào Không liên kết diễn ra tại thành phố Sharm El Sheikh, Ai Cập (tháng 7-2009), Chủ tịch nước Nguyễn Minh Triết đã có bài phát biểu khẳng định quan điểm của Việt Nam là ủng hộ *"đoàn kết quốc tế vì hòa bình và phát triển"* Chỉ có hòa bình, duy trì môi trường hòa bình, ổn định mới đảm bảo điều kiện để phát triển kinh tế, nhân dân mới có cuộc sống tốt đẹp

hơn. Trên tinh thần đó, Chủ tịch nước Nguyễn Minh Triết khẳng định, Việt Nam hoàn toàn ủng hộ những sáng kiến của Liên hợp quốc, Liên đoàn Ảrập và các nước khác trong và ngoài khu vực nhằm tìm kiếm một giải pháp hòa bình toàn diện, công bằng và lâu dài cho cuộc xung đột Trung Đông trên cơ sở đảm bảo các quyền dân tộc cơ bản của nhân dân Palestine, bao gồm cả việc thành lập một Nhà nước Palestine độc lập, vì lợi ích chính đáng của các quốc gia liên quan.

KẾT LUẬN

Cuộc đấu tranh giành độc lập dân tộc của nhân dân Palestine đã kéo dài hơn 60 năm qua và đã trải qua nhiều dấu mốc. Bắt đầu từ Hội nghị Madrid (1991) đến Hội nghị Annapolis (11-2007), trải qua bao nhiêu thăng trầm gập ghềnh, nhân dân Palestine biết tận dụng mọi cơ hội để tìm kiếm một nền hòa bình bền vững. Cuộc đấu tranh này rất đa dạng về nội dung với những hình thức phong phú. Từ lập trường nhất quán trên bàn đàm phán về các vấn đề đường biên giới, Jerusalem, người tị nạn, sáng kiến *"đổi đất lấy hòa bình"*, *"đổi chủ quyền lấy an ninh"*...đến các hoạt động quân sự, như dùng *"bom người"* ,*"chiến tranh ném đá"* đáp trả lại những đợt pháo kích của quân đội Israel. Từ đấu tranh để vượt qua sự cấm vận kinh tế cho đến các thiết chế văn hóa xã hội, tất cả đều nhằm mục tiêu cho một đất nước *có biên giới, có chủ quyền, có thể chế chính trị độc lập, có tư cách đàng hoàng* trên các vũ đài quốc tế. Trong quá trình đó, qua nhiều thời kỳ, chính quyền Palestine đã dần đạt được những mục tiêu quan trọng như hạn chế việc xây dựng và mở rộng thêm các khu định cư Do Thái, kiên quyết bảo vệ lập trường về Jerusalem, đồng thời gây sức ép

buộc Israel dần rút quân khỏi khu vực Bờ Tây và dải Gaza. Bên cạnh đó, thông qua các chuyến *ngoại giao con thoi* còn vận động và kêu gọi nhóm "bộ tứ" cũng như Liên đoàn Ảrập mở các cuộc hội nghị nhằm tìm một giải pháp hòa bình, đồng thời tạo áp lực với Israel trong việc thực hiện các Nghị quyết của Liên hợp quốc. Tuy nhiên, vấn đề khó khăn lớn nhất hiện nay của cuộc cách mạng Palestine là Nghị quyết 181 của Liên hợp quốc không được thực hiện khiến Nhà nước Palestine không được thành lập, kéo theo gần chục cuộc chiến tranh triền miên ở Trung Đông, đẩy hàng triệu người Palestine phải lang bạt khắp nơi. Mấu chốt của vấn đề hiện nay là Israel quyết không chấp nhận giải pháp "hai nhà nước", nghĩa là không đồng ý cho người Palestine thành lập nhà nước độc lập, tồn tại bên cạnh mình, không chịu trả lại các vùng lãnh thổ Ảrập mà họ đã chiếm đóng trái phép kể từ cuộc chiến tranh Trung Đông năm 1967, không chấp nhận quyền hồi hương của người tị nạn Palestine...làm cho sự nghiệp cách mạng của dân tộc này, được nhân dân tiến bộ thế giới ủng hộ, bị bế tắc triền miên. Hơn nữa, vấn đề nội bộ Palestine cũng rất đáng lo ngại do mâu thuẫn chồng chất giữa các phe phái đặc biệt giữa hai lực lượng chủ chốt, là các phong trào Fatah và Hamas. Hiện tại, ở đây có tới hai chính phủ, một ở Bờ Tây của Fatah, còn một nữa ở dải Gaza của Hamas, nhưng hầu hết các nước chỉ công nhận chính quyền ở Bờ Tây của Tổng thống Mahmoud Abbas, song cũng không vì thế mà Chính phủ của Ismail Hanyieh ở

Gaza bị yếu thế trong lòng dân chúng Palestine. Mặt khác, họ lại thiếu đoàn kết và thống nhất trong quan điểm và phương thức hành động nên điều này gây bất lợi lớn cho sự nghiệp đấu tranh chung của nhân dân Palestine và tạo thuận lợi cho Israel tiếp tục thực hiện tham vọng chính trị của mình.

Trong cuộc xung đột này, Mỹ cùng thế giới Ảrập đóng vai trò vừa là người bảo trợ, vừa là trung gian hòa giải nhưng đã cho thấy tính không đồng nhất và thiếu sự phối hợp trong hành động cho giải pháp chấm dứt xung đột. Với Mỹ, mặc dù đứng ra hay cùng phối hợp tổ chức các cuộc gặp cấp cao của hai bên nhưng lần nào cũng không giải quyết triệt để vấn đề do vậy mâu thuẫn vẫn cứ kéo dài, xung đột vẫn tiếp tục leo thang ở hai dân tộc này. Thậm chí, ngay cả bài phát biểu của Tổng thống Obama được đánh giá là *"bức thông điệp hòa bình và đoàn kết, hé mở một sự khởi đầu hoàn toàn mới giữa nước Mỹ với thế giới Hồi giáo Ảrập"* nhưng ông đã không đề cập chi tiết tới vấn đề Palestine, mà chỉ tập trung vào quyền của những người Do Thái, chỉ nói tới nỗi khổ của người Do Thái mà không hề đề cập tới khó khăn của người Palestine và thế giới Ảrập. Có thể lý giải được điều này bởi vì tại Trung Đông, Israel vẫn là đồng minh số một của Mỹ, và cũng chính những người Do Thái đóng vai trò quan trọng trong các cuộc vận động hành lang và hỗ trợ tài chính cho bầu cử Tổng thống ở Mỹ, ví như tổ chức American Israeli Public Affair Committee (AIPAC). Tổ chức này có ảnh hưởng

mạnh hơn cả công đoàn AFL-CIO và Hiệp Hội súng trường Quốc gia (National Rifle Association). Do đó, đã ảnh hưởng lên chính sách có lợi cho Israel khi chính quyền mới vào Nhà Trắng. Nhiều người Mỹ gốc Do Thái đã tham mưu hay trực tiếp soạn thảo chính sách, dự luật cho Quốc hội và cả những bài diễn văn. Do đó, sự thiên vị của Mỹ đã ảnh hưởng lớn đến cuộc đấu tranh giành độc lập dân tộc của Palestine.

Việc xây dựng một Nhà nước Palestine độc lập thật sự là mơ ước của người Ảrập và sự đoàn kết của người Ảrập là cơ sở vững chắc cho công cuộc xây dựng Nhà nước Palestine. Trong mấy cuộc chiến tranh diễn ra ở Trung Đông, người Ảrập bị mất nhiều hơn được. Nguyên nhân chủ yếu là do người Ảrập thiếu sự đoàn kết nhất trí, không tạo ra sức mạnh tổng lực. Tới nay, chiến sự vẫn diễn ra triền miên ở Trung Đông. Điểm nóng chiến sự hiện nay cũng như xung đột tiềm tàng vẫn tồn tại ở khắp nơi. Nếu như bản thân các nước Ảrập không tự đoàn kết thống nhất lập trường và phương châm đấu tranh thì những nhà lãnh đạo Palestine đứng ở tuyến đầu cuộc đấu tranh cũng không thể làm gì được. Đây là lôgíc chính trị ở khu vực Trung Đông, cũng là điểm đầu tiên cần giải quyết triệt để vấn đề lịch sử để lại.

Giải quyết vấn đề Trung Đông bằng việc loại bỏ người Palestine, không công nhận việc thành lập một Nhà nước Palestine độc lập của thế giới phương Tây và đại đa số người Israel, là việc làm không thể, cả về mặt

đạo đức và về chiến lược. Một chiến thắng quân sự sẽ để lại những hậu quả chiến lược nặng nề hơn là việc tìm đến một giải pháp chính trị. Một Nhà nước Israel tồn tại trong những đường biên giới chắc chắn và được thế giới Ảrập và cộng đồng quốc tế công nhận, cùng với một Nhà nước Palestine vững vàng trong những đường biên giới năm 1967, là giải pháp khả dĩ nhất và là cơ sở vững chắc cho nền hòa bình ở khu vực. Vấn đề đặt ra ở đây là tại sao người ta được phép nói tới quyền bình đẳng ở khắp nơi trên thế giới mà ở Israel và Palestine lại không? Tại sao nhân dân Palestine không được hưởng một nền hòa bình ngay trên mảnh đất của mình mà họ đã phải tiến hành cuộc đấu tranh từ bao năm nay? Câu trả lời này dành cho các nhà lãnh đạo trên thế giới luôn khẳng định là phải bảo vệ nhân quyền. Còn người dân Palestine thì không còn con đường nào khác là phải tiến hành một cuộc đấu tranh chung, lâu dài và gian khổ để giành lại quyền được sống trong hòa bình.

Với xu thế hòa hoãn đang bao trùm trong sinh hoạt quốc tế, trước sau gì Israel cũng phải nhượng bộ, người Palestine cũng sẽ xây dựng được nhà nước độc lập của riêng mình. Song vấn đề là sự nhượng bộ ấy đến đâu, Nhà nước Palestine trong tương lai sẽ như thế nào, được độc lập ra sao, có đứng vững không và sẽ phát triển như thế nào?...Đấy là những câu hỏi rất lớn, rất cần vai trò của Liên hợp quốc, Mỹ, Nga và các nước lớn, cũng như thái độ xây dựng, thiện chí của Israel và sự đồng lòng của người Palestine, rộng ra là thế giới Ảrập.

PHỤ LỤC

ƯỚC OSLO 1993
(Bản dịch)

Khuôn khổ và các bước thực hiện

Với sự khởi đầu là Hiệp ước Hòa bình Oslo, các cuộc đàm phán hòa bình giữa người Israel và người Palestin đã tạo một bước nhảy vọt phi thường về phía trước trong suốt nhiệm kỳ Thủ tướng Israel của ông Yitzhak Rabin

Trong khi không có một bước tiến quan trọng nào đạt được trong các cuộc đàm phán song phương tại Washington như đã được thỏa thuận ở Hội nghị ở Madrid năm 1991 thì một kênh không chính thức bí mật được hoạt động giữa người Israel và Tổ chức PLO dưới sự ủng hộ của Na Uy. Các cuộc đàm phán không chính thức tiếp tục diễn ra trong suốt thời gian đầu năm 1993 và lên đến đỉnh điểm trước một tuyên bố chung về các nguyên tắc vào ngày 19-8-1993. Sau đó, khi đã chính thức công nhận lẫn nhau bằng thư tín qua lại thì các ông Yitzhak Rabin và Yassir Arafat đại diện cho Israel và Tổ chức PLO đã ký kết một hiệp ước ở Washington vào ngày 13-9-1993.

Tuyên bố chung DOP đã tạo một khuôn khổ cho các lĩnh vực dàm phán và đưa ra các phác thảo về một cuộc bàn giao nhanh chóng dải Gaza và Jericho cho người Palestin tự trị. Theo Hiệp ước trên thì các vấn đề chính chủ yếu và tranh cãi chẳng hạn như vấn đề Jerusalem, hay tương lai việc thiết lập của người Israel ở Judea và Samaria và vấn đề người tị nạn Palestin sẽ được làm theo các cuộc đàm phán tình thế lâu dài.

Các giai đoạn chuyển giao quyền lực và đất đai cho người Palestin từ người Israel được đặt lên hàng đầu.

1. **Ưu tiên cho dải Gaza và Jericho:** Quyền tự trị ở dải Gaza và Jericho bao gồm việc rút các lực lượng quân sự Israel. Chi tiết của Hiệp định đầu tiên cho dải Gaza và Jericho được đàm phán và kết luận ở Thủ đô Cairo Ai Cập giữa ông Rabin và ông Arafat vào ngày 4-5-1994. Hiệp định Cairô vạch ra một chương trình từng bước cho việc mở rộng khu tự trị theo khung thời gian được nêu rõ trong Hiệp định mà chương trình này không đặt điều kiện vào việc thực hiện song phương hoặc các mục đích.

2. **Chuyển giao quyền lực và các trách nhiệm dân sự:** Các trách nhiệm trong năm lĩnh vực nêu rõ (giáo dục và văn hóa, y tế, phúc lợi, thuế và du lịch) sẽ được chuyển giao cho người Palestin. Tuyên bố chung DOP nêu rằng việc chuyển giao này diễn ra một cách nhanh chóng theo sau việc thực hiện Hiệp định dải Gaza-Jericho.

3. **Hiệp định và các cuộc bầu cử lâm thời:** Các cuộc bầu cử sẽ diễn ra trên Bờ Tây và dải Gaza để bầu một chính quyền Palestin mới. Hiệp định lâm thời sẽ nêu chi tiết các cơ cấu của chính phủ tự trị trên Bờ Tây và các vùng lãnh thổ. Phía Israel sẽ rút các lực lượng ra khỏi các khu vực dân sinh người Palestin ở phần còn lại của Bờ Tây. Hội đồng người Palestin sẽ có một lực lượng cảnh sát giỏi và mạnh để đảm bảo trật tự công cộng và an ninh bên trong. Phần trung tâm của Tuyên bố chung DOP là hai phần phụ thêm về kinh tế dã vẽ ra một sự hợp tác về kinh tế giữa người Israel và người Palestin trong bối cảnh song phương và da phương.

4. **Các cuộc đàm phán tình hình lâu dài:** Các cuộc đàm phán về tình hình lâu dài sẽ bắt đầu trước đầu năm thứ ba của nhiệm kỳ lâm thời (tháng 5-1996). Các cuộc đàm phán này sẽ xác định bản chất của sự thỏa thuận cuối cùng từ hai phía. Người ta hiểu rằng những cuộc đàm phán này sẽ bao trùm luôn các vấn đề còn tồn đọng bao gồm về Jerusalem, người tị nạn, các khu định cư, các bố trí an ninh, các đường biên giới, các mối quan hệ và hợp tác với các nước láng giềng, và các vấn đề lợi ích chung khác. Theo Tuyên bố chung DOP, tình hình lâu dài sẽ có hiệu lực 5 năm sau khi Hiệp định Gaza-Jericho được thực hiện, chính xác là vào tháng 5-1999.

Vào ngày 28-9-1995, Hiệp định Oslo II (hoặc là Hiệp định lâm thời) được ký kết nêu rõ chi tiết việc triển

khai lại các khu vực A, B và C. Trong các tuần và các tháng sau đó, quân đội Israel đã rút khỏi sáu thành phố lớn bên Bờ Tây (cho dù trừ Hebron) và hàng trăm các ngôi làng người Ảrập mà tất cả được chuyển giao cho chính quyền Arafat kiểm soát. Hiệp định trên cũng đã nêu rõ các vấn đề để xóa bỏ các hiệp ước tình hình cuối cùng.

Tuy nhiên, có những nhân tố người Israel phản đối quyết liệt việc trao trả đất đai cho người Ả rập quản lý. Trong số đó là Yigal Amir, một người cuồng tín cánh hữu đã bắn và giết chết Thủ tướng Yitzhak Rabin trong một cuộc mít tinh lớn ở Tel-Aviv vào ngày 4-11-1995. Vụ sát hại Thủ tướng đã làm cho quốc gia này bị sốc nặng và làm gia tăng căng thẳng giữa cánh tả và cánh hữu, giữa những người theo và không theo tôn giáo trong xã hội.

Hiện nay, Thủ tướng Israel Simon Peres quyết tâm xúc tiến việc thực thi Oslo II.

Vào tháng 1-1996, các cuộc bầu cử của người Palestin đã được tổ chức và ông Yasser Arafat được bầu làm người đứng đầu của chính quyền Palestin.

Tháng 5-1996, dấu hiệu mở đầu các cuộc đàm phán tình hình lâu dài - các cuộc đàm phán quan trọng bị trì hoãn vì các cuộc bầu cử của người Israel.

Các vấn đề chính với tiến trình Oslo:

- Các tổ chức khủng bố Hamas, Jihad của người theo đạo Hồi và Tổ chức PFLP vẫn tiếp tục hoạt động và việc chống lại các tổ chức này bị trì hoãn.

Sự gia tăng nhanh chóng các cuộc tấn công tự sát bằng bom nghiêm trọng trên Israel từ các tổ chức trên và quan ngại về công cộng vượt quá an ninh cá nhân ở Israel.

Chính quyền ông Arafat không dẫn độ các kẻ khủng bố về Israel.

- Người Israel quan ngại về tính khả thi của các điều khoản về an ninh, tính hiệu quả của các chốt và tuyến đường tuần tra.

- Các nước tài trợ chính không tìm thấy cơ sở hạ tầng để phân phối đủ quỹ tiền cho sự phát triển của khu tự trị như đã hứa và từ chối ưu ái chúng đầy dủ; những nước khác không đảm bảo cam kết của họ với Israel.

Không xác nhận bằng tài liệu việc xóa bỏ các điều khoản chống lại Israel trong hiệp ước quốc gia Palestin.

Sự thắt chặt an ninh các khu vực trong khu tự trị gây ra sự tụt giảm về kinh tế và gây thêm sự chống phá, thù địch.

- Cuộc ám sát ông Yitzhak Rabin (4-11-1995) và thay đổi theo sau của Chính phủ ở Israel vào tháng 5-1996 dẫn đến: việc trì hoãn thực hiện tái triển khai ở Hebron như nó được hiểu; các xô xát do mâu thuẫn xã hội gây nhiều thương vong; các vị trí mới của chính phủ trên các cuộc đàm phán thỏa thuận cuối cùng.

Không thực hiện các tuyến hành lang tự do giữa dải Gaza và Jericho cho các trường hợp lợi dụng đặc quyền và do các quy định thắt chặt.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Đức Bình: *Những đặc điểm lớn của thế giới đương đại*, Nxb. Chính trị quốc gia, 2007, Hà Nội.

2. Bernard Wassertein: *Cuộc chiến giữa Israel và Palestine*, Nxb. Văn hóa thông tin, 2008, Hà Nội.

3. Đỗ Thanh Bình: *Lịch sử phong trào giải phóng dân tộc thế kỷ XX- một cách tiếp cận*, Nxb. Đại học Sư phạm, 2007, Hà Nội.

4. Christophe Boltanski et Jihan El - Tahri: *Y. Arafat, Một huyền thoại*, Nxb. Thông tấn, 2002, Hà Nội.

5. Nguyễn Anh Dũng: *Về chiến lược toàn cầu của đế quốc Mỹ*, Nxb. Sự thật, 1990, Hà Nội.

6. *Vùng Vịnh Chiến tranh sau chiến tranh*, số 4, 1991, Đặc san của báo Quân đội Nhân dân

7. Đỗ Đức Định: "*Trung Đông trong chiến lược của các nước lớn*", Tạp chí *Nghiên cứu châu Phi và Trung Đông*, số 12, 2007.

8. Đỗ Đức Định: "*Trung Đông và những vấn đề thiết thực đối với Việt Nam*", Tạp chí *Nghiên cứu châu Phi và Trung Đông*, số 11, 2007.

9. Đỗ Đức Định: *Trung Đông những vấn đề và xu hướng kinh tế chính trị trong bối cảnh quốc tế mới*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 2008.

10. Mạnh Kim, Nguyễn Văn Phước (biên dịch): *Một huyền thoại - Arafat- Một đời cho tự do*, Nxb. Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh, 2004.

11. KIXELEV: *Vấn đề Palestine và cuộc khủng hoảng Cận Đông (tiếng Nga),* Nxb. Kiev, Liên Xô, 1983.

12. Nguyễn Hiến Lê: *Bài học Israel*, Nxb. Văn hóa, Hà Nội, 2004.

13. Thái Văn Long: *Chiến lược của Mỹ ở Trung Đông và sự điều chỉnh chiến lược của Mỹ sau Chiến tranh lạnh ở khu vực,* Trung tâm Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia, Hà Nội, 1994.

14. Thái Văn Long: *Độc lập dân tộc của các nước đang phát triển trong xu thế toàn cầu hóa,* Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2006.

15. Nguyễn Duy Lợi: "*Một số vấn đề về chiến tranh và xung đột ở Trung Đông*", Tạp chí *Nghiên cứu châu Phi và Trung Đông*, số 2, 2006.

16. Cao Văn Liên: "*Tiến trình hòa bình Trung Đông bế tắc, nguyên nhân và giải pháp*", Tạp chí *Nghiên cứu châu Phi và Trung Đông*, số 11, 2007.

17. Maridon Tuareno: *Sự đảo lộn của thế giới địa chính trị thế kỷ XXI,* Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1996.

18. Vũ Dương Ninh, Nguyễn Văn Kim (chủ biên): *Một số chuyên đề Lịch sử thế giới,* Nxb. Đại học quốc gia Hà Nội, Hà Nội, 2007, t.2.

19. Vũ Dương Ninh: *Một số chuyên đề lịch sử thế giới*, Nxb. Đại học quốc gia Hà Nội, Hà Nội, 2006.

20. Trần Thùy Phương: "Lịch sử và nguyên nhân mâu thuẫn Israel Palestine", Tạp chí *Nghiên cứu Châu Phi và Trung Đông*, số 3, 2005.

21. Đỗ Trọng Quang: "*Hamas và tình hình xung đột nội bộ Palestine*", Tạp chí *Nghiên cứu châu Phi và Trung Đông*, số 7, 2007.

22. Thông tấn xã Việt Nam: *Tia hy vọng mong manh cho Trung Đông*, Tài liệu tham khảo đặc biệt, ngày 2-3-2007.

23. Thông tấn xã Việt Nam: *Tiến trình hòa bình Israel Palestine hậu Annapolis*, Tài liệu tham khảo đặc biệt, ngày 15-12-2007.

24. Thông tấn xã Việt Nam: *Tổng thống Bush và Tiến trình hòa bình Trung Đông*, Tài liệu tham khảo đặc biệt, ngày 28-12-2007.

25. Thông tấn xã Việt Nam: *Trung Đông: hòa bình vẫn xa vời*, Tài liệu tham khảo đặc biệt, ngày 15-5-2008.

26. Thông tấn xã Việt Nam: *Trung Đông, thất bại của Tiến trình hòa bình*, Tài liệu tham khảo đặc biệt, ngày 9-12-2007.

27. Thông tấn xã Việt Nam: *Trung Đông và nguồn gốc cuộc xung đột giữa các nước Ảrập và Israel*, Tài liệu tham khảo đặc biệt, số 11, 1993.

28. Thông tấn xã Việt Nam: *Trung Đông: lộ trình hòa bình đang bị đe dọa bởi các vụ đánh bom*, Tài liệu tham khảo đặc biệt, ngày 18-1-2005.

29. Thông tấn xã Việt Nam: *Tương lai nào cho Trung Đông*, Tài liệu tham khảo đặc biệt, ngày 8-7-2007.

30. Thông tấn xã Việt Nam: *Abbas, thuốc thử thiện chí của Mỹ và Israel*, Tài liệu tham khảo đặc biệt, ngày 17-1-2005.

31. Thông tấn xã Việt Nam: *Palestine thời hậu Arafat*, Tài liệu tham khảo đặc biệt, số 12, 2004.

32. Thông tấn xã Việt Nam: *Palestine: cuộc đụng độ giữa Hamas và Fatah*, Tài liệu tham khảo đặc biệt, ngày 19-9-2007.

33. Thông tấn xã Việt Nam: *Mỹ và cuộc xung đột Israel - Palestine*, Tài liệu tham khảo đặc biệt, ngày 9-2-2009.

34. Thông tấn xã Việt Nam: *Lộ trình hòa bình Palestine - bài toán chưa có lời giải*, Tài liệu tham khảo đặc biệt, ngày 15-5-2006.

35. Thông tấn xã Việt Nam: *Lộ trình hòa bình Trung Đông và cuộc bầu cử tổng thống Mỹ*, Tài liệu tham khảo đặc biệt, ngày 23-6-2003.

36. Thông tấn xã Việt Nam: *Đối với Arafat, giờ đây là một công việc khó khăn*, Tài liệu tham khảo đặc biệt, ngày 18-1-2005.

37. Thông tấn xã Việt Nam: *Israel Palestine: liệu lịch sử có lặp lại?*, Tài liệu tham khảo đặc biệt, ngày 31-8-2007.

38. Thông tấn xã Việt Nam: *Xung đột Israel Palestine: tồn tại của lịch sử*, Tài liệu tham khảo đặc biệt, ngày 10-1-2009.

39. Thông tấn xã Việt Nam: *Xung quanh cuộc xung đột Israel - Palestine*, Tài liệu tham khảo đặc biệt, ngày 23-6-2006.

40. Thông tấn xã Việt Nam: *Xung quanh chuyến thăm Trung Đông của Tổng thống Bush,* Tài liệu tham khảo đặc biệt, ngày 18-1-2008.

41. Thông tấn xã Việt Nam: *Xung đột Israel và Ảrập,* Nxb. Thông tấn, Hà Nội, 2002.

42. Thông tấn xã Việt Nam: *Israel Palestine: xung đột và giải pháp,* Tài liệu tham khảo đặc biệt, ngày 24-11-2008.

43. Nguyễn Thị Thư, Nguyễn Hồng Bích, Nguyễn Văn Sơn: *Lịch sử Trung Cận Đông* (Tái bản lần thứ ba), Nxb. Giáo dục, Hà Nội, 2007.

44. *Những vấn đề lớn đặt ra sau thỏa thuận PLO và Israel*, Tin đối ngoại, số 42, ngày 1-10-1993.

45. *Vấn đề Palestine,* Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1982.

46. Viện Thông tin Khoa học xã hội: *Trật tự thế giới sau Chiến tranh lạnh phân tích và dự báo,* Thông tin khoa học xã hội - chuyên đề, Hà Nội, 2001.

47. Vụ Trung Đông - châu Phi - Ban Đối ngoại Trung ương - Bộ Ngoại giao: *Đề cương về vấn đề Trung Đông*

48. Vụ Trung Đông - châu Phi: *Dự thảo đề cương về Trung Đông,* 1979.

Tài liệu tiếng Anh:

Green march, black September: *The story of the Palestinian Arab,* London, 1973.

Peace in the Middle East: *P2P and the Israel Palestine conflict,* Geneva, United Nations, 2005.

The Palestinian Resistance, Translated by Micheal Perl, Victoria, Penguin Books, 1972.

The Bath and Palestine, Baghdad Dar Al-Mamun, 1982.

Yasser Arafat President sans frontiers, Bruxelles, 1992.

John J. Mearsheimer: *The Issrael Lobby anh US Foreign policy,* March, 2006.

Francois Massoulie: *Middle East Conflicts,* Interlink Book, 1999.

Avner Cohen: *Israel and the Bomb*, Columbia University Press, 1999.

Các trang Web.

http://www.vovnews.vn
http://www.vietbao.vn
http://www.bbc.com.uk
http://www.nhandan.com.vn
http://www.cand.com.vn
http://www.cpv.org.vn
http://www.vnexpress.net
http://www.mofa.gov.vn
http://www.tuoitre.com.vn
http://www.vi.wikipedia.org

MỤC LỤC

Trang

Lời Nhà xuất bản 5

Chương I

NGUYÊN NHÂN CƠ BẢN VÀ NỘI DUNG CỦA CUỘC ĐẤU TRANH GIÀNH ĐỘC LẬP DÂN TỘC CỦA NHÂN DÂN PALESTINE SAU CHIẾN TRANH LẠNH 9

I- NGUYÊN NHÂN CƠ BẢN DẪN ĐẾN CUỘC ĐẤU TRANH 9

1. Nguồn gốc lịch sử và nguyên nhân cơ bản 9

2. Vấn đề tôn giáo và vai trò của Chủ tịch Y.Arafát 22

3. Sự vận động của nhân tố địa - chính trị 31

II- TIẾN TRÌNH VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA CUỘC ĐẤU TRANH 44

1. Khái quát Tiến trình hòa bình Trung Đông 44

2. Nội dung cơ bản của cuộc dấu tranh 65

Chương II

TRIỂN VỌNG VÀ Ý NGHĨA CỦA CUỘC ĐẤU TRANH GIÀNH ĐỘC LẬP DÂN TỘC CỦA NHÂN DÂN PALESTINE SAU CHIẾN TRANH LẠNH 145

I- TRIỂN VỌNG CỦA CUỘC ĐẤU TRANH 145

1. Những nhân tố bên trong 145

2. Tác động từ bên ngoài 153
3. Dự kiến Tiến trình hòa bình Trung Đông 156
II- Ý NGHĨA CỦA CUỘC ĐẤU TRANH 175
1. Đấu tranh để xác lập và giữ vững ổn định về chính trị - kinh tế, bảo vệ chủ quyền quốc gia - dân tộc 175
2. Đẩy mạnh đoàn kết quốc tế, tạo thế trận vững chắc chống chủ nghĩa bá quyền thế giới 177
3. Quan điểm của Việt Nam về cuộc xung đột Israel - Palestine 181
KẾT LUẬN 185
PHỤ LỤC 190
TÀI LIỆU THAM KHẢO 195

Chịu trách nhiệm xuất bản:
TS. NGUYỄN DUY HÙNG

Chịu trách nhiệm nội dung:
PGS,TS. LÊ VĂN YÊN

Biên tập nội dung:	ĐÀO NGA MY
Trình bày bìa:	NGUYỄN PHƯƠNG MAI
Chế bản vi tính:	NGUYỄN THU THẢO
Sửa bản in:	ĐÀO NGA MY
Đọc sách mẫu:	ĐÀO NGA MY

In 550 cuốn, khổ 13 x 19 cm, tại Nhà in Sự Thật.
Số đăng ký kế hoạch xuất bản: 1117-2009/CXB/3-93/NXBCTQG.
Giấy phép xuất bản số: 3749-QĐ/NXBCTQGST, ngày 14-12-2009.
In xong và nộp lưu chiểu tháng 12 năm 2009.

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA - 24 Quang Trung - Hà Nội
ĐT: 04. 39422008 FAX: 84-4-39421881 Email: nxbctqg@hn.vnn.vn Website: www.nxbctqg.org.vn

TÌM ĐỌC

Viện Khoa học xã hội Việt Nam
Viện Nghiên cứu Trung Quốc
TS. Hoàng Thế Anh *(Chủ biên)*
- VẤN ĐỀ XÂY DỰNG XÃ HỘI HÀI HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA CỦA TRUNG QUỐC

Trần Anh Phương
- THƯƠNG MẠI VIỆT NAM - NHẬT BẢN TRONG TIẾN TRÌNH PHÁT TRIỂN QUAN HỆ GIỮA HAI NƯỚC

Nguyễn Hoàng Giáp *(Chủ biên)*
Nguyễn Thị Quế - Mai Hoài Anh
Phan Duy Quang - Nguyễn Thị Minh Thảo
- HÀN QUỐC VỚI KHU VỰC ĐÔNG Á SAU CHIẾN TRANH LẠNH VÀ QUAN HỆ VIỆT NAM - HÀN QUỐC

8935211100060

Giá: 24.000đ